



LADOPHAR

TINH HOA DƯỢC LIỆU

2025

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)



ĐÀ LẠT, THÁNG 4 NĂM 2025

DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025-----	2
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 -----	4
3. Tờ trình thành lập Đoàn Chủ tọa và các Ban chuyên trách tại Đại hội-----	9
4. Báo cáo năm 2024 và định hướng năm 2025 của Hội đồng quản trị -----	10
5. Báo cáo năm 2024 của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị -----	22
6. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2024 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2025 -----	25
7. Báo cáo năm 2024 của Ban Kiểm soát-----	35
8. Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025-----	40
9. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024-----	41
10. Tờ trình về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025 -----	42
11. Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2025-----	44
12. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 -----	45
13. Tờ trình về khen thưởng năm 2024 và thù lao, khen thưởng năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị) -----	46
14. Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của HĐQT của Công ty -----	49
15. Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt	66
16. Tờ trình về chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu --	68
17. Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO ₂ siêu tới hạn -----	70
18. Tờ trình về việc Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thông qua việc tiếp tục thực hiện các Phương án phát hành cổ phiếu -----	73
19. Tờ trình về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp -----	73
20. Dự thảo Phiếu biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 -----	84
21. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 -----	86
22. Đính kèm:	
1. Báo cáo tài chính năm 2024 riêng lẻ	
2. Báo cáo tài chính năm 2024 hợp nhất;	
3. Dự Thảo toàn văn Điều lệ sửa đổi lần XVIII;	
4. Dự Thảo Quy chế hoạt động của HĐQT;	
5. Dự Thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian : Từ 14 giờ 00 phút ngày **24/04/2025** (Thứ Năm).
Địa điểm : Hội trường Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
(Số 18 Ngô Quyền, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHI TIẾT
14h00 - 14h30	- Đón tiếp đại biểu, khách mời và Cổ đông dự Đại hội.
	- Kiểm tra tư cách Cổ đông, cập nhật danh sách Cổ đông tham dự cùng với số cổ phần có quyền biểu quyết.
14h30 – 15h00	I. Nghi thức Đại hội:
	1. Tuyên bố lý do Đại hội và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.
	2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
	3. Thông qua Chương trình Đại hội.
	4. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.
	5. Thông qua Đoàn Chủ tọa và các Ban chuyên trách tại Đại hội.
15h00 – 15h30	II. Đại hội nghe trình bày các nội dung
	1. Báo cáo năm 2024 và định hướng năm 2025 của Hội đồng quản trị.
	2. Báo cáo năm 2024 của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
	3. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2025.
	4. Báo cáo năm 2024 của Ban Kiểm soát.
	5. Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025.
	6. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.
	7. Tờ trình về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025.
	8. Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2025.
	9. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2024.
	10. Tờ trình về khen thưởng năm 2024 và thù lao, khen thưởng năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký HĐQT).
	11. Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty.
	12. Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt.
	13. Tờ trình về chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu.
	14. Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO ₂ siêu tới hạn.

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHI TIẾT
	15. Tờ trình về việc báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thông qua việc tiếp tục thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động (ESOP).
	16. Tờ trình về việc thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
	17. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
15h30 – 15h45	III. Thảo luận
	IV. Biểu quyết
15h45 – 16h00	1. Báo cáo (lần 2) kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
	2. Hướng dẫn biểu quyết.
	3. Tiến hành biểu quyết thông qua nội dung trong Phiếu biểu quyết.
16h00 – 16h15	Giải lao
16h15 – 16h30	V. Công bố kết quả biểu quyết.
16h30 – 16h40	VI. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
16h40 – 16h50	VII. Bế mạc Đại hội.

Ghi chú: Nội dung Chương trình có thể được điều chỉnh/cập nhật, Quý Cổ đông vui lòng theo dõi Tài liệu Đại hội được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) tại địa chỉ <https://ladophar.com/quan-he-co-dong>

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 01/QC-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;
- Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar, “Công ty”);
- Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Đại hội) như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội của Công ty được diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu của Công ty và khách mời tham dự Đại hội của Công ty.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 4. Thành phần tham dự Đại hội

1. Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách người sở hữu chứng khoán chốt tại **ngày đăng ký cuối cùng 19/03/2025** do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập đều có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự Đại hội.

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty.
3. Khách mời tại Đại hội:
 - Là các khách có liên quan được mời và các thành viên giữ chức danh quản lý của Công ty, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
 - Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Quyền của cổ đông:
 - Được trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
 - Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền (gọi tắt là cổ đông, đại diện cổ đông) đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, quy định của Ban Tổ chức (đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, đầy đủ giấy tờ tùy thân; v.v...) và theo yêu cầu của Chủ tọa điều hành Đại hội;
 - Cổ đông/đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức quy định;
 - Trong thời gian diễn ra Đại hội, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
 - Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;
 - Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo Thư mời họp, CMND/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự Đại hội) để làm thủ tục đăng ký tham dự với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được Ban gọi lại:
 - Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Một (01) Phiếu biểu quyết về những vấn đề cần thông qua.
 - Một (01) Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 6. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 (một) Chủ tọa và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2, Điều 19, Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tọa để Đại hội biểu quyết;
 - Giới thiệu thành phần các Ban chuyên trách để Đại hội biểu quyết;
 - Điều khiển Đại hội theo chương trình và Quy chế làm việc dự kiến của HĐQT đã được Đại hội thông qua;

- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết khiếu nại (nếu có) và các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội;
- Quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội;
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và các thành viên (nếu thấy cần thiết), do Hội đồng quản trị thành lập và do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
 - Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ các giấy tờ của cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội;
 - Gửi tài liệu Đại hội và Phiếu biểu quyết cho cổ đông hoặc đại diện cổ đông;
 - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội đồng cổ đông chính thức tiến hành và trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và 01 (một) thành viên do Chủ tọa cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - Ghi chép và lập Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu trong Đại hội;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và các thành viên, do Chủ tọa đề nghị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
 - Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết của các cổ đông hoặc đại diện cổ đông;
 - Tổ chức kiểm Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết của các cổ đông hoặc đại diện cổ đông và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề biểu quyết tại Đại hội;
 - Lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết;
 - Báo cáo Đại hội kết quả kiểm phiếu các nội dung đã biểu quyết và chuyển kết quả cho Thư ký Đại hội;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
3. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và/hoặc theo sự điều hành của Chủ tọa, đồng thời thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;

2. Chỉ có cổ đông và đại diện cổ đông mới được tham gia thảo luận;
 - Cổ đông trước khi tham dự Đại hội hoặc tại Đại hội nếu muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký trước nội dung phát biểu với Ban Tổ chức Đại hội và phải được sự chấp thuận của Chủ tọa.
 - Cổ đông phát biểu ngắn gọn (mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút) và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.
3. Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc đại diện cổ đông;
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông và đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông và đại diện cổ đông;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử (e-mail).

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
2. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
3. Cách thức biểu quyết: Lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội.
4. Thẻ lệ biểu quyết:
 - Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với 01 (một) quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết;
 - Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 19/03/2025) tổng số cổ phần của Công ty là: 12.703.167 cổ phần tương đương với 12.703.135 quyền biểu quyết (số quyền biểu quyết thấp hơn số cổ phần do có 32 cổ phiếu quỹ của Công ty).
 - Cổ đông, đại diện cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông, đại diện cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
5. Hình thức biểu quyết: Tại Đại hội có 02 (hai) hình thức biểu quyết, cụ thể như sau:
 - Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: đối với các nội dung được liệt kê trong Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết sẽ đính kèm trong bộ tài liệu gửi cho cổ đông khi tham dự Đại hội.
 - Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: đối với tất cả các nội dung khác trong chương trình cần thông qua biểu quyết của cổ đông tại Đại hội.
6. Cách thức biểu quyết:
 - Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ

- đồng Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện cổ đông.
7. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:
- Phiếu biểu quyết hợp lệ:
 - Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
 - Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
 - Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
8. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nêu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
9. Ghi nhận kết quả biểu quyết: Kết quả biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu ghi nhận, báo cáo Đoàn Chủ tọa và công bố trước Đại hội.

Điều 12. Thông qua các quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này được trình cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và có hiệu lực thi hành ngay khi ĐHĐCĐ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) biểu quyết thông qua và sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) kết thúc./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 02/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Thư ký
và đề cử Ban Kiểm phiếu**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- Căn cứ Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

Ban Tổ chức xin trân trọng giới thiệu với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thành phần Đoàn Chủ tọa bao gồm:

1. Ông Phạm Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị : Chủ tọa.
2. Ông Lê Tiến Thịnh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc : Thành viên.
(Theo Điều lệ Công ty thì Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa trong cuộc họp ĐHĐCĐ)

Chủ tọa trân trọng giới thiệu thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông bao gồm:

1. Bà Đào Thị Nga : Trưởng ban.
2. Bà Trương Thị Ngọc Hiền : Thành viên.
3. Bà Đỗ Thị Hồng Nhung : Thành viên.

và thành phần Ban Thư ký bao gồm:

1. Bà Phạm Thị Huyền Trang : Trưởng ban.
2. Bà Hồ Thị Phương Uyên : Thành viên.

Chủ tọa đề cử kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt thành phần Ban Kiểm phiếu bao gồm:

1. Ông Ngô Văn Trị : Trưởng ban.
2. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Phương : Thành viên.
3. Bà Trương Thị Phụng Vy : Thành viên.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn Chủ tọa, các Ban chuyên trách và Thư ký theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 03/BC-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

- Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;

PHẦN 1: BÁO CÁO NĂM 2024

1. Tổng quan tình hình năm 2024

Năm 2024, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, giá cả biến động mạnh, thiên tai ảnh hưởng đến nhiều khu vực, nhưng nhờ sự chỉ đạo kịp thời, sản xuất nông, lâm, thủy sản vẫn duy trì tăng trưởng tích cực. Kinh tế Việt Nam phục hồi, tăng trưởng GDP ước đạt 7,09%, cao hơn mục tiêu đề ra. Riêng tại tỉnh Lâm Đồng, kinh tế số đóng góp hơn 8% GRDP, dẫn đầu Tây Nguyên và xếp thứ 21 cả nước.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nói chung và của tỉnh Lâm Đồng nói riêng, năm 2024 Công ty đạt giá trị doanh thu thuần là 217,9 tỷ đồng, tương ứng đạt 65,26% so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 thông qua. Doanh thu năm 2024 tăng 17% so với năm 2023, tương ứng mức tăng là 32 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong doanh thu hàng sản xuất 32%, tương đương mức tăng 31,8 tỷ đồng. Doanh thu hàng thương mại biến động không đáng kể.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

2.1 Về hoạt động kinh doanh

Năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Điều Hành luôn giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh, đảm bảo các hoạt động được thực hiện theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua. Nhờ nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, Công ty đã bắt đầu có lãi trở lại sau hai năm lỗ lũy kế (căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất quý II & 6 tháng năm 2024 của Công ty).

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024 như sau:

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	% TH/KH năm 2024
Doanh thu thuần hợp nhất	186.000.716.464	217.958.000.000	275.072.000.000	65,26%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	(20.104.870.073)	6.919.000.000	3.000.000.000	230,63%

(Số liệu thực hiện năm 2024 dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán)

2.2 Về hoạt động sản xuất

Công ty chú trọng chất lượng nguyên liệu đầu vào, sở hữu vùng trồng Atiso và dược liệu đạt chuẩn GACP-WHO, đồng thời mở rộng vùng trồng để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và xuất khẩu. Hiện công ty có hai nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO, HACCP và từ 20/12/2024 được chứng nhận Halal, đảm bảo chất lượng sản phẩm cho thị trường trong nước và quốc tế. Năm 2024, công ty ra mắt thực phẩm chức năng Lado Revive hỗ trợ giải độc gan cho người sử dụng rượu, bia, đồng thời tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới phục vụ sức khỏe người tiêu dùng và cải tiến mẫu mã, hiện đại hóa công cụ quản trị bằng bằng phần mềm ERP.

2.3 Về trách nhiệm môi trường và xã hội

HDQT luôn quan tâm và định hướng sự phát triển của Công ty phải gắn liền với sự phát triển của cộng đồng, của xã hội, Công ty luôn hướng đến việc sản xuất xanh, thân thiện với môi trường, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty cũng không quên trách nhiệm đối với xã hội qua việc chung tay hỗ trợ đồng bào Miền Bắc tại các khu vực chịu ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 (Yagi) bằng cách gửi đi 1.500 túi thuốc yêu thương, trao tặng 04 con trâu cho các hộ dân tại tỉnh Yên Bái và mỗi cán bộ nhân viên ủng hộ tối thiểu 01 ngày lương để chung tay cùng đồng bào Miền Bắc khắc phục hậu quả sau bão. Ngoài ra, vào các dịp Lễ Tết, Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở và Công đoàn cấp trên thực hiện trao tặng các phần quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn tại công ty.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2024, nhìn chung công tác chỉ đạo, giám sát và theo dõi việc quản lý, điều hành của Ban TGD đã được HDQT thực hiện sát sao, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HDQT.

HDQT họp định kỳ/đột xuất với TGD thông qua các cuộc họp trực tiếp hoặc thông qua các phương tiện khác như trực tuyến, thư điện tử, v.v... để thảo luận về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT. Tại các cuộc họp, HDQT thông qua việc ban hành các Nghị quyết để Ban TGD làm cơ sở triển khai thực hiện. Cụ thể hơn, HDQT đã thực hiện giám sát các hoạt động sau:

a. Giám sát hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh, đầu tư và quản lý tài chính:

HDQT đã thường xuyên đôn đốc, giám sát việc quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong công tác sản xuất, kinh doanh, đầu tư và quản lý tài chính; cụ thể:

- Giám sát Ban TGD trong việc điều hành hoạt động kinh doanh theo kế hoạch do ĐHĐCĐ phê duyệt, đảm bảo định hướng hoạt động phù hợp với giai đoạn hội nhập, công nghệ số của đất nước;
- Giám sát và chỉ đạo Ban TGD trong việc áp dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến nhằm tối ưu hóa chi phí và nguồn lực, nâng cao hiệu suất một cách toàn diện, đồng thời rà soát và cải tiến các quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, đảm bảo thực hiện nghiêm ngặt tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GMP-WHO) đối với các nhà máy sản xuất; tuân thủ các tiêu chuẩn GPs (5 tiêu chuẩn thực hành tốt trong ngành Dược) và ISO 22000:2018 trong sản xuất, kiểm nghiệm và bảo quản sản phẩm; thực hiện xuyên suốt việc kiểm soát chất lượng từ khâu nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, kể cả trong công tác lưu trữ nguyên liệu cũng như bán thành phẩm, thành phẩm sau sản xuất, nhằm đảm bảo tất cả các sản phẩm của Công ty đều đạt chất lượng tiêu chuẩn cao;
- Định hướng cho Ban TGD trong việc mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, tập trung vào các thị trường tiềm năng. Đồng thời, đẩy mạnh chiến lược tiếp thị và quảng bá thương hiệu, nâng cao nhận diện thương hiệu của Ladophar trên thị trường.

b. Các hoạt động khác:

- Giám sát Ban TGD trong công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 10/04/2024, Ban TGD đã triển khai và quán triệt thực hiện các nội dung công tác tổ chức ĐHĐCĐ theo đúng thời gian quy định, cuộc họp ĐHĐCĐ đã diễn ra thành công trong lần tổ chức đầu tiên;
- Rà soát cơ cấu tổ chức, đánh giá công tác nhân sự và bộ máy quản trị, đánh giá và miễn/bổ nhiệm các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của HDQT để tăng cường công tác kiểm soát và quản lý, đảm bảo có đủ nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Theo sát công tác kiểm soát nội bộ nhằm nâng cao tính hiệu quả, tính tuân thủ trong mọi hoạt động của Công ty;

- Luôn chú trọng đến việc đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và nhiệt huyết; thực hiện các chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng và kiến thức cho nhân viên;
- Tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp để thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm;
- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách, chế độ đối với người lao động như: lương, phụ cấp, phúc lợi, Bảo hiểm xã hội....;
- Đảm bảo thực hiện các yêu cầu về Vệ sinh an toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy tại doanh nghiệp; đồng thời chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, áp dụng các biện pháp sản xuất xanh và bền vững;
- Ban hành quy chế Công Bố Thông Tin của Công ty trên thị trường Chứng khoán Việt Nam, quy định rõ việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các phòng ban, cá nhân của Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định Pháp luật;
- Ngoài ra, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 được tổ chức vào ngày 10/04/2024, ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung đối với các thành viên HĐQT.

Với những kết quả tích cực về doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đạt được trong năm 2024, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban TGD; các hoạt động của Công ty đều được Ban TGD thực hiện phù hợp theo quy định của Pháp luật hiện hành, phù hợp Điều lệ và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, bám sát nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT trong quá trình điều hành, đồng thời Ban TGD cũng rất chú trọng công tác quản lý tài chính, sử dụng chi phí hợp lý, sử dụng một cách hiệu quả đối với nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, và các hoạt động khác.

4. Thông tin và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

4.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT trong năm 2024 như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi/miễn nhiệm
1	Phạm Trung Kiên	TV.HĐQT không điều hành	14/01/2022	06/05/2022
		Chủ tịch HĐQT	19/04/2022	06/05/2022
		TV.HĐQT không điều hành	19/08/2022	30/11/2022
		Chủ tịch HĐQT	01/12/2022	20/12/2023
		Chủ tịch HĐQT (kiêm Người đại diện theo Pháp luật, Người đại diện 100% phần vốn của CTCP Louis Holdings tại LDP từ ngày 19/01/2024)	20/12/2023 (tái bổ nhiệm)	
2	Lê Tiến Thịnh	TV.HĐQT không điều hành	21/03/2023	20/12/2023

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi/miễn nhiệm
		TV.HĐQT (kiêm Tổng giám đốc, Người đại diện theo Pháp luật và Người được ủy quyền Công bố thông tin)	20/12/2023 (tái bổ nhiệm)	
3	Lê Xuân Thanh	TV. độc lập HĐQT	20/12/2023	
4	Đặng Thùy Linh	TV.HĐQT không điều hành	10/04/2024	
5	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV.HĐQT không điều hành	10/04/2024	
6	Nguyễn Hồ Hưng	TV.HĐQT không điều hành	20/12/2023	10/04/2024
7	Võ Quý Lâm	TV.HĐQT không điều hành	20/12/2023	10/04/2024

- ĐHĐCĐ thường niên ngày 10/04/2024 đã miễn nhiệm 02 TV.HĐQT và bầu bổ sung 02 TV.HĐQT trong nhiệm kỳ 2022 – 2027.

4.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT chưa thành lập các tiểu ban chuyên trách mà hoạt động thông qua các Phòng chức năng của Công ty, phân công cho người phụ trách Phòng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự, đầu tư phát triển để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và Ban TGD.

4.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT có tổ chức 14 cuộc họp HĐQT, tỷ lệ tham gia của các thành viên HĐQT như sau:

Stt	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Trung Kiên	14/14	100%	
2	Lê Tiến Thịnh	14/14	100%	
3	Lê Xuân Thanh	14/14	100%	
4	Đặng Thùy Linh	7/14	50%	Bỏ nhiệm từ ngày 10/04/2024
5	Nguyễn Thị Hồng Giang	7/14 (Trong đó có 1/7 buổi họp ủy quyền cho Ông Nguyễn Hồ Hưng dự họp)	50%	Bỏ nhiệm từ ngày 10/04/2024
6	Nguyễn Hồ Hưng	7/14	50%	Miễn nhiệm từ ngày 10/04/2024
7	Võ Quý Lâm	7/14	50%	Miễn nhiệm từ ngày 10/04/2024

b. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 25 Nghị quyết/Quyết định, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/NQ-HĐQT/2024	18/01/2024	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	100%
2.	02/NQ-HĐQT/2024	05/02/2024	Phê duyệt Hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc.	100%
3.	03/NQ-HĐQT/2024	23/02/2024	Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
4.	04/NQ-HĐQT/2024	23/02/2024	Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	100%
5.	05/NQ-HĐQT/2024	23/02/2024	Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan trong năm 2024.	100%
6.	Số 06/NQ-HĐQT/2024	29/02/2024	Tiếp tục tạm ngừng hoạt động Chi nhánh Miền Tây - Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).	100%
7.	Số 07/NQ-HĐQT/2024	05/03/2024	Thông qua Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).	100%
8.	Số 08/NQ-HĐQT/2024	19/03/2024	Cập nhật điều chỉnh, bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (lần 1).	100%
9.	Số 09/NQ-HĐQT/2024	06/04/2024	Cập nhật điều chỉnh, bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (lần 2).	100%
10.	Số 10/NQ-HĐQT/2024	10/04/2024	Điều chỉnh, bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 theo kiến nghị của Cổ đông lớn (Công ty Cổ phần Chứng khoán APG).	100%
11.	Số 11/NQ-HĐQT/2024	10/05/2024	Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024.	100%
12.	Số 12/NQ-HĐQT/2024	15/05/2024	Phê duyệt, phân công công việc và mức thu nhập của Chủ tịch HĐQT chuyên trách.	100%
13.	Số 13/NQ-HĐQT/2024	07/06/2024	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ.	100%
14.	Số 14/NQ-HĐQT/2024	07/06/2024	Thông qua phương án nhu cầu vay vốn năm 2024 – 2025 tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh Bắc An Giang.	100%
15.	Số 15/NQ-HĐQT/2024	13/06/2024	Thông qua quy chế và các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).	100%
16.	Số 16/NQ-HĐQT/2024	13/06/2024	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).	100%
17.	Số 17/NQ-HĐQT/2024	12/07/2024	Thông qua chủ trương hoạt động trở lại của Chi nhánh Miền Bắc của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)	60%
18.	Số 18/NQ-HĐQT/2024	12/07/2024	Thông qua chủ trương hoạt động trở lại của Chi nhánh Miền Tây của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)	60%
19.	Số 19/NQ-HĐQT/2024	12/12/2024	Thông qua Phương án nhu cầu vốn năm 2024-2025 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20.	Số 20/NQ- HĐQT/2024	12/12/2024	Thông qua Phương án nhu cầu vốn vay trung hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang	100%
21.	Số 21/NQ- HĐQT/2024	12/12/2024	Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT trong năm 2025.	100%
22.	01/QĐ- HĐQT/2024	27/02/2024	Quyết định về việc triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	
23.	02/QĐ- HĐQT/2023	05/03/2024	Quyết định ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).	
24.	07/QĐ- CT.HĐQT/2024	16/09/2024	Quyết định về việc thay đổi địa điểm đăng ký hoạt động văn phòng Chi nhánh Miền Tây & Chi nhánh Miền Bắc.	
25.	08/QĐ- CT.HĐQT/2024	16/09/2024	Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc.	

c. Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024:

Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 10/04/2024, các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ- ĐHĐCĐ/LDP /2024 Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên năm 2024	10/04/2024	<p>Điều 1: Thông qua các Báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo năm 2023 và định hướng năm 2024 của HĐQT. - Báo cáo năm 2023 của thành viên độc lập HĐQT. - Báo cáo về kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2023 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2024 của TGD. - Báo cáo năm 2023 của BKS. - Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán. <p>Điều 2: Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024</p> <p>Điều 3: Thông qua kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2024.</p> <p>Điều 4: Thông qua hạn mức vay vốn năm 2024.</p> <p>Điều 5: Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty.</p> <p>Điều 6: Thông qua việc không triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 số 178/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 20/12/2023 do hiện nay Công ty không đáp ứng được điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo luật định.</p> <p>Điều 7: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo tờ trình số 12B/TTr-DHTN/2024 ngày 10/04/2024 của HĐQT.</p> <p>Điều 8: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) theo Tờ trình số 17/TTr-DHTN/2024 ngày 10/04/2024 của HĐQT.</p> <p>Điều 9: Thông qua chủ trương đầu tư góp vốn, mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Nông sản và Dược liệu Trà My.</p>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung															
			<p>Điều 10: Thông qua mức thù lao, khen thưởng năm 2024 cho HĐQT, BKS và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký HĐQT).</p> <p>Điều 11: Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận cho năm 2023, không trích lập các quỹ, đồng thời không thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2023.</p> <p>Điều 12: Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) trong nhiệm kỳ 2022 - 2027 kể từ ngày 10/04/2024 đối với Ông Nguyễn Hồ Hưng và Ông Võ Quý Lâm.</p> <p>Điều 13: Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) trong nhiệm kỳ 2022 - 2027 kể từ ngày 10/04/2024 đối với:</p> <table><tr><th>S T T</th><th>Họ và tên</th><th>Chức danh</th><th>Số phiếu bầu</th><th>Tỷ lệ trúng cử</th></tr><tr><td>1</td><td>Nguyễn Thị Hồng Giang</td><td>TV HĐQT</td><td>9.443.128</td><td>95,05%</td></tr><tr><td>2</td><td>Đặng Thùy Linh</td><td>TV HĐQT</td><td>10.426.142</td><td>104,95%</td></tr></table> <p>Điều 14: Điều khoản thi hành.</p>	S T T	Họ và tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ trúng cử	1	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV HĐQT	9.443.128	95,05%	2	Đặng Thùy Linh	TV HĐQT	10.426.142	104,95%
S T T	Họ và tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ trúng cử														
1	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV HĐQT	9.443.128	95,05%														
2	Đặng Thùy Linh	TV HĐQT	10.426.142	104,95%														

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS

5.1 Lương, thưởng, thù lao HĐQT, BKS, Ban TGD và Thư ký

Trong năm 2024, các khoản lương (GROSS), thưởng, thù lao của thành viên HĐQT, BKS và Ban TGD thực nhận như sau:

Đvt: đồng

Stt	Thành viên	Chức danh	Lương	Thù lao	TN khác
I	Hội đồng quản trị		442.452.745	694.000.000	19.500.000
1	Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	442.452.745	180.000.000	-
2	Lê Tiến Thịnh	TV.HĐQT	-	120.000.000	-
3	Đặng Thùy Linh	TV.HĐQT	-	87.000.000	-
4	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV.HĐQT	-	87.000.000	19.500.000
5	Lê Xuân Thanh	TV.HĐQT độc lập	-	154.000.000	-
6	Nguyễn Hồ Hưng (Đã miễn nhiệm)	Nguyên là TV.HĐQT	-	33.000.000	-
7	Võ Quý Lâm (Đã miễn nhiệm)	Nguyên là TV.HĐQT	-	33.000.000	-
II	Ban Kiểm soát		-	240.000.000	-
1	Đào Thị Nga	Trưởng BKS	-	120.000.000	-
2	Võ Kim Nguyên	Thành viên BKS	-	60.000.000	-
3	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên BKS	-	60.000.000	-
III	Ban TGD		2.571.961.889	-	-

Stt	Thành viên	Chức danh	Lương	Thù lao	TN khác
1	Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	1.750.777.889	-	-
2	Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc thường trực	821.184.000	-	-
IV	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký HĐQT			60.000.000	-
1	Phạm Thị Huyền Trang			60.000.000	-
	Cộng		3.014.414.634	994.000.000	19.500.000

Số liệu trên là khoản thực nhận của các thành viên trong năm 2024: bao gồm lương tháng 12/2024 (do thực tế chi vào tháng 01/2025); ; bao gồm thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2024

5.2 Các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

5.3 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

5.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty luôn duy trì việc cập nhật và tuân thủ các quy định pháp luật, quy định về quản trị Công ty và các quy chế quản trị Công ty.

PHẦN II. ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

1. Dự báo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc về Tình hình và Triển vọng kinh tế thế giới năm 2025, lạm phát giảm, điều kiện thị trường lao động được cải thiện và việc nới lỏng tiền tệ nói chung, tăng trưởng dự kiến sẽ vẫn ở mức thấp hơn tốc độ trước đại dịch, trong khi nền kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục đối mặt với những bất ổn đáng kể. Bên cạnh đó, Báo cáo cũng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 2,9% vào năm 2026.

Nói riêng về ngành Dược, Công ty SSI Research cho rằng triển vọng năm 2025 cho ngành Dược sẽ tươi sáng hơn, kỳ vọng các kênh chính đều tăng trưởng. Kênh bệnh viện/thuốc kê đơn (ETC) dự kiến sẽ duy trì đà tăng nhờ các chính sách thuận lợi, trong khi kênh bán lẻ (OTC) dự kiến đã chạm đáy, sẽ phục hồi một phần nhờ kinh tế tăng trưởng.

2. Định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2025:

Từ những dự báo nêu trên, định hướng trong năm 2025 của HĐQT như sau:

a. Về hoạt động kinh doanh:

- Xúc tiến ký kết hợp đồng phân phối độc quyền sản phẩm của Ladophar với các đối tác tại Hàn Quốc, Mông Cổ, Ba Lan... và khai thác các khách hàng mới ở thị trường Miền Bắc, Miền Trung, Miền Tây; đồng thời tiếp tục tìm kiếm đối tác tiềm năng tại các quốc gia phát triển khác để đàm phán việc phân phối độc quyền sản phẩm của Ladophar; Đẩy mạnh nhóm hàng sản xuất, đặc biệt các gam hàng nhóm nước (nhóm TPCN cao cấp) để mang lại lợi nhuận gộp cao.
- Tiếp tục duy trì và phát triển kênh sàn thương mại điện tử trên tất cả các sàn Shopee, Lazada, Tiktok shop,...Liên kết với các đối tác mạnh trong việc bán hàng trên sàn như APG Eco để

- tăng độ nhận diện thương hiệu và sản phẩm của LDP đến người tiêu dùng. Liên kết với các KOL, KOC để phủ hàng và tăng mức độ tiếp cận người dùng nhanh nhất.
- Đẩy mạnh thị trường ETC ở ngoại tỉnh tập trung vào các mặt hàng sản xuất, bằng cách gia tăng các số đăng ký thuốc, đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm số thuốc để gia tăng danh mục và tạo điều kiện cho kênh thầu chào thầu/ủy quyền thầu cho các đối tác.
 - Tập trung vào nhóm khách hàng là các chuỗi nhà thuốc, chuỗi thực phẩm chức năng cao cấp để đẩy lợi nhuận và gia tăng sản phẩm ở nhóm phân khúc cao cấp;
 - Duy trì và phát triển các kênh bán hàng hiện có của Công ty, đồng thời tận dụng các chứng nhận sản phẩm sẵn có, cùng với chứng nhận Halal theo tiêu chuẩn GSO 2055-1:2015 mà Công ty vừa đạt được, thực hiện đẩy mạnh nghiên cứu và mở rộng thị trường bán hàng xuất khẩu, đặc biệt là thị trường tiềm năng tại các quốc gia Hồi Giáo;
 - Tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá sản phẩm thông qua việc tham gia các chương trình về sản phẩm OCOP, tham gia các hội chợ triển lãm, hội nghị cao cấp;
 - Tiếp tục theo sát hoạt động của showroom và các quầy thuốc trực thuộc chi nhánh Công ty để đảm bảo doanh số yêu cầu.
 - Đầu tư phát triển dịch vụ bán hàng gắn với du lịch.

b. Về hoạt động sản xuất:

- Duy trì và đầu tư thêm các vùng trồng dược liệu sạch, vùng trồng dược liệu đạt chuẩn quốc tế GACP-WHO, nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của thị trường quốc tế cũng như đủ điều kiện để xuất khẩu sang các nước khó tính tại khu vực Châu Âu, Châu Mỹ; đồng thời gia tăng các sản phẩm đầu thầu nhóm 1 mang lợi thế cạnh tranh cao;
- Nâng cấp và mở rộng các dây chuyền sản xuất và áp dụng các quy trình, kỹ thuật hiện đại nhằm tối thiểu hóa chi phí vận hành và đẩy mạnh sản lượng hàng hóa;
- Tìm kiếm các đối tác cần thuê Công ty gia công sản phẩm, tận dụng tối đa công suất máy móc và thiết bị sẵn có;
- Thường xuyên xem xét cải tiến công thức sản phẩm;
- Ra mắt các dòng sản phẩm mới để đáp ứng độ đa dạng hàng hóa trên thị trường như Trà Dưỡng Sinh, Trà Atiso Plus, Thuốc ho Lado Prospan, Trà lá măng cầu, sản phẩm Ôn bổ khí huyết Lado Tonic, sản phẩm hỗ trợ điều trị viêm đại tràng Lado Berberin, và các dòng sản phẩm dạng nước chuyên về nhóm an thần dưỡng tâm.

c. Về hoạt động quản lý, vận hành:

- Tích cực thu hồi các khoản phải thu và nợ khó đòi;
- Tiếp tục tiết giảm và sử dụng chi phí một cách hợp lý trong công tác quản lý, vận hành và sản xuất kinh doanh;
- Áp dụng một cách hiệu quả chính sách KPI nhằm tạo động lực phát triển toàn Công ty;
- củng cố và hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế, quy định, quy trình,... nhằm đảm bảo nguyên tắc vận hành phối hợp nhịp nhàng và linh hoạt;
- Tạo điều kiện để cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo kỹ năng, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để phục vụ công việc;
- Kịp thời đánh giá để trang bị các tài sản, công cụ dụng cụ, cũng như tuyển dụng nhân sự một cách phù hợp về số lượng và tiêu chuẩn nhằm phục vụ tốt cho hoạt động của Công ty;
- Theo các phương án chào bán cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, Công ty đã nộp hồ sơ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để làm thủ tục phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); đồng thời, Công ty cũng đang trong quá trình chuẩn bị các tài liệu, thủ tục để chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Với dự báo tình hình kinh tế và định hướng cho năm 2025 như trên, Công ty đặt mục tiêu về các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

- Doanh thu hợp nhất: 354.932.000.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 7.000.000.000 đồng.

Trên đây là báo cáo năm 2024 và định hướng năm 2025 của HĐQT Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN

Phụ lục

GAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẤM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH

(Đính kèm theo Báo cáo năm 2024 và Định hướng năm 2025 số 03/BC-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công.

S T T	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
I	Tổ chức							
1	Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con 100% vốn của AGM – AGM là Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	1602131107 28/09/2020 Sở KH&ĐT An Giang	Số 01 Ngõ Gia Tư, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang	24/01/2024	Nghị quyết HĐQT số 05/NQ- HĐQT/2024 ngày 23/02/2024 (*)	Bán hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 11.218.418 VNĐ (trước VAT)	Bán hàng hóa thông thường.
					Từ 01/07/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết HĐQT số 05/NQ- HĐQT/2024 ngày 23/02/2024 (*)	Mua hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 564.844.808 VNĐ (sau VAT).	Mua hàng hóa thông thường.
2	CTCP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn; Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	63/UBCK-GP 15/11/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Tầng 5 - Tòa nhà Grand Building - 32 Hòa Mã - Hai Bà Trung - Hà Nội.	24/05/2024	Nghị quyết HĐQT số 05/NQ- HĐQT/2024 ngày 23/02/2024 (*)	- Ứng tiền thực hiện dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 82.500.000 VNĐ; - Ứng tiền thực hiện dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): 27.500.000 VNĐ. Tổng giá trị giao dịch là: 110.000.000 VNĐ	Theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 0705-1/2024/HĐTV/LDP- APG ngày 07/05/2024; và Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) số 0705- 2/2024/HĐTV/LDP-APG ngày 07/05/2024.
3	CTCP APG Eco	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	2802929978 23/03/2021 Sở KH&ĐT Thanh Hóa	Lô 1a, Khu 1+4, Tiểu khu 290, Thôn Bái Tôm, Xã Điền Quang, Huyện Bá Thước, Thanh Hoá	Từ 10/04/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết HĐQT số 05/NQ- HĐQT/2024 ngày 23/02/2024 (*)	Bán hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 4.976.967.122 VNĐ (trước VAT)	Bán hàng hóa thông thường. CTCP APG Eco trở thành bên có liên quan kể từ ngày 10/04/2024

S T T	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
4	Công ty Cổ phần thương mại quốc tế DK PCF	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	0109760055 01/10/2021 Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 23 B2 3 Khu Đầm Trấu, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trung, Hà Nội	Từ 26/11/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết HĐQT số 05/NQ- HĐQT/2024 ngày 23/02/2024 (*)	Mua hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 350.220.000 VNĐ (sau VAT)	Mua hàng hóa thông thường. CTCP TMQT DK PCF trở thành bên có liên quan kể từ ngày 26/11/2024
II	Cá nhân							
1	Phạm Trung Kiên	Người nội bộ (Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo Pháp luật, Người đại diện 100% phần vốn của Công ty mẹ LHs)	001077000471 31/05/2023 Cục cảnh sát QLHC về TTXH	20 ngõ 437, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	29/02/2024	Nghị quyết HĐQT số 05/NQ- HĐQT/2024 ngày 23/02/2024 (*)	Bán hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 2.770.789 VNĐ (trước VAT)	Bán hàng hóa thông thường.
2	Nguyễn Thị Hong Giang	Người nội bộ (Thành viên HĐQT không điều hành)	033196004099 07/11/2023 Cục cảnh sát QLHC về TTXH	1368/29A LVL áp 2, Phước Kiến, Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh	26/06/2024	Nghị quyết HĐQT số 05/NQ- HĐQT/2024 ngày 23/02/2024 (*)	Thanh toán tiền dịch vụ. Tổng giá trị giao dịch là: 19.500.000 VNĐ (trước Thuế TNCN)	Theo Hợp đồng dịch vụ quảng cáo 03/2024/HDDVQC/LDP ngày 23/05/2024

(*) Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT/2024 ngày 23/02/2024: Hội đồng quản trị Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) thông qua việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT trong năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024) giữa Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) với các bên liên quan theo Luật định, bao gồm cả những hợp đồng, giao dịch đã ký kết và thực hiện trong năm 2024 thuộc thẩm quyền của HĐQT trước ngày Nghị quyết này được ban hành (nếu có). Đồng thời, ngày 23/02/2024 Công ty đã thực hiện công bố thông tin bất thường 24h đối với Nghị quyết này theo quy định.

Số: 04/BC-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO NĂM 2024 CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) độc lập của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) là 01 (một) trong số 05 (năm) thành viên HĐQT.
- Trong năm 2024, Ông Lê Xuân Thanh vẫn giữ vị trí thành viên HĐQT độc lập với trách nhiệm giám sát, phản biện và đảm bảo minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ công ty.
- Thành viên HĐQT độc lập tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của Công ty thông qua các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các số liệu báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, sổ sách kế toán, các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán nội bộ, giám sát quá trình khắc phục kiến nghị và kiểm tra một số tài liệu liên quan.

2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các nội dung hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong năm 2024 bao gồm:

- Thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ và tích cực trong các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến phản biện nhằm nâng cao hiệu quả quản trị.
- Giám sát chặt chẽ hoạt động quản lý, điều hành của Ban TGD, đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp luật và chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Đánh giá và kiểm tra tính minh bạch, hợp pháp của các báo cáo kinh doanh, tài chính, quản trị và các tài liệu liên quan.
- Theo dõi việc xây dựng, sửa đổi các quy chế và quy định nội bộ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

1. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành và tính trung thực của HĐQT, Ban TGD

- Cơ cấu tổ chức của HĐQT bảo đảm tuân thủ Điều lệ và quy định Pháp luật và đáp ứng yêu cầu về quản trị công ty đại chúng.
- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp HĐQT, ban hành 25 Nghị quyết/Quyết định và hầu hết đã được triển khai thực hiện. Các thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ các buổi họp được triệu tập trong thời gian đương nhiệm.
- Các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2024 tập trung trọng tâm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua.
- Công tác miễn nhiệm/bỏ nhiệm các vị trí quản lý theo đúng thẩm quyền nhằm đáp ứng tính phù hợp trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty

Nhận xét, đánh giá tình hình kinh doanh, tài chính năm 2024:

- Doanh thu năm 2024 đạt 217,9 tỷ đồng, tương ứng đạt 79,23% so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua (trong đó hàng sản xuất đạt 76%, tương ứng mức đạt 129,9 tỷ đồng; hàng thương mại đạt 84%, tương ứng mức đạt 85,6 tỷ đồng). Doanh thu năm 2024 tăng 17% so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng mức tăng là 32 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu tăng trong doanh thu hàng sản xuất 32% tương đương mức tăng 31,8 tỷ đồng; doanh thu hàng thương mại tăng nhẹ 0,2%, tương ứng mức tăng 210 triệu đồng; doanh thu dịch vụ giảm 3,5% tương ứng mức giảm 87 triệu đồng.
- Năm 2024 mặc dù công ty đã vượt mức chỉ tiêu về lợi nhuận so với kế hoạch đã đề ra là 230% tương ứng với 6,919 tỷ đồng nhưng do lỗ lũy kế và khoản trích lập dự phòng nên công ty vẫn bị âm Lợi nhuận sau thuế lũy kế là 52,095 tỷ đồng.
- Tổng tài sản đạt 207 tỷ đồng, tăng 1,1% so với năm 2023, tương ứng mức tăng 12 tỷ đồng. Nguyên nhân giảm chủ yếu trong giá trị của các yếu tố như hàng tồn kho, khoản phải thu.
- Tổng nợ phải trả tăng 12,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 7% so với năm 2023. Nguyên nhân tăng chủ yếu trong giá trị của các yếu tố như phải trả nhà cung cấp và khoản vay ngắn hạn ngân hàng.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính, tình hình tài chính năm 2024:

- Công ty đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Thành viên HĐQT độc lập xác nhận Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 của Công ty đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam.
- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cũng đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C với ý kiến chấp nhận toàn phần.

3. Đánh giá sự phối hợp giữa thành viên HĐQT độc lập với HĐQT, Ban TGD

HĐQT, Ban TGD cũng như các cán bộ quản lý của Công ty luôn hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin, hồ sơ phục vụ công việc giám sát của thành viên HĐQT độc lập.

4. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

- Công ty đã có bộ phận kiểm toán nội bộ và đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ theo luật định, tuy nhiên Công ty chưa hoàn thiện hệ thống Quản lý rủi ro.
- Công ty luôn cập nhật và hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị, quản lý và điều hành nội bộ, quy trình hoạt động các phòng/ban nhằm chuẩn hóa hoạt động và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Tăng cường vai trò giám sát, phản biện nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT và Ban điều hành, đề xuất các giải pháp tối ưu hóa công tác quản lý.
- Phối hợp với các phòng ban để tập trung vào các vấn đề trọng yếu như chi phí, trích lập dự phòng, tình hình sản xuất kinh doanh và quản trị.

- Giám sát chặt chẽ quá trình đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị, mở rộng nhà máy.
- Theo dõi quá trình rà soát, cập nhật các văn bản và quy trình nội bộ.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, kinh doanh và kế toán nhằm đảm bảo tính minh bạch, hợp pháp.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- HĐQT và Ban điều hành cần đẩy mạnh triển khai các chủ trương đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Tăng tần suất các cuộc họp giữa thành viên HĐQT độc lập với Ban điều hành để nâng cao vai trò phản biện của thành viên HĐQT độc lập, tăng tính giám sát và giảm thiểu rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động của Công Ty.
- Xây dựng và triển khai hệ thống Quản lý rủi ro nhằm giúp Công ty nhận diện sớm các vấn đề phát sinh để duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích tối đa của nhà đầu tư.

Trên đây là Báo cáo năm 2024 của Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TV. HĐQT ĐỘC LẬP



LÊ XUÂN THANH

Số: 05/BC-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ, KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, KINH DOANH NĂM 2025
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**

- Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHCĐ Thường niên năm 2025;

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**1. Tình hình tài chính**

		Đvt: triệu đồng					
Khoản mục		31/12/2024		31/12/2023		Tăng giảm	
		Số tiền	%	Số tiền	%	%	+/-
A	Tổng tài sản	207.705		194.773		7%	12.932
1	Tiền	13.261	6%	16.013	8%	-17%	(2.752)
2	Phải thu	72.264	35%	64.697	33%	12%	7.567
	a. Phải thu khách hàng	27.918	13%	21.205	11%	32%	6.713
	b. Trả trước người bán	34.276	17%	32.723	17%	5%	1.553
	c. Phải thu khác	10.070	5%	10.769	6%	-6%	(699)
3	Hàng tồn kho	48.962	24%	37.751	19%	30%	11.211
4	Tài sản cố định	42.044	20%	48.929	25%	-14%	(6.885)
5	Đầu tư dài hạn	17.740	9%	17.742	9%	0%	(2)
6	Đầu tư ngắn hạn	2.692	1%	3.121	2%	-14%	(429)
7	Tài sản khác	10.741	5%	6.520	3%	65%	4.221
B	Tổng nguồn vốn	207.705		194.773		7%	12.932
I	Nợ phải trả	108.421	52%	102.407	53%	6%	6.014
1	Phải trả nhà cung cấp	33.279	16%	24.495	13%	36%	8.784
2	Vay và trái phiếu	55.026	26%	65.960	34%	-17%	(10.934)
	a. Vay ngắn hạn	24.806	12%	35.740	18%	-31%	(10.934)
	b. Vay dài hạn	-	0%	-	0%	0%	-
	c. Trái phiếu	30.220	15%	30.220	16%	0%	-
3	Phải trả khác	20.115	10%	11.952	6%	68%	8.163
II	Nguồn vốn	99.284	48%	92.366	47%	7%	6.918
1	Vốn điều lệ	127.031	61%	127.031	65%	0%	-
2	Lợi nhuận chưa phân phối	(52.095)	-25%	(59.014)	-30%	-12%	6.918
3	Quỹ khác	24.348	12%	24.348	13%	0%	-

Phân tích về tình hình tài chính năm 2024:**a. Tài sản**

- Tỷ trọng: trong cơ cấu tài sản, khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao nhất (lần lượt là 35%, 24% và 20%).

- Biến động (So với năm trước): Tổng tài sản có biến động tăng 7%, tương ứng với mức tăng 12,9 tỷ đồng chủ yếu ảnh hưởng từ các yếu tố sau:
 - Hàng tồn kho tăng 30%, tương ứng mức tăng 11,2 tỷ đồng, bao gồm tồn kho TM và SX. Trong tồn kho hàng thương mại, chủ yếu tăng ở nhóm hàng TM kênh OTC. Trong tồn kho sản xuất, chủ yếu tăng ở nhóm cao nguyên liệu do lượng lá thu mua năm 2024 cao hơn năm 2023 (từ 0,5 tấn lá lên 1,7 tấn lá/năm);
 - Khoản phải thu tăng 12%, tương ứng mức tăng 7,6 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong khoản phải thu khách hàng do doanh thu tăng so với cùng kỳ;
 - Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng giảm 17%, tương ứng mức giảm 2,8 tỷ đồng;
 - Tài sản cố định giảm 14%, tương ứng mức giảm 6,9 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do thanh lý tài sản với giá trị hơn 0,8 tỷ đồng và khấu hao trong năm gần 6 tỷ đồng;
 - Tài sản khác tăng 65%, tương ứng mức tăng 4,2 tỷ đồng chủ yếu do tăng trong các khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.
- b. Nợ phải trả**
 - Tỷ trọng: Trong cơ cấu nợ phải trả, vay và các khoản phải trả trái phiếu chiếm tỷ trọng cao nhất 26%, trong đó chủ yếu đến từ vay ngắn hạn, do nhu cầu chi trả cho nhà cung cấp và các khoản phải trả trái phiếu.
 - Biến động (So với năm trước): Tổng nợ phải trả tăng 7%, tương ứng với mức tăng 12,9 tỷ đồng chủ yếu ảnh hưởng từ các yếu tố sau:
 - Phải trả NCC tăng 36%, tương ứng mức tăng 8,8 tỷ đồng, chủ yếu do tăng trong mua hàng (SX+TM) để đáp ứng cho nhu cầu kinh doanh. Việc tăng trong doanh thu dẫn đến khoản phải trả NCC tăng;
 - Khoản nợ vay giảm 31%, tương ứng mức giảm 10,9 tỷ đồng, chủ yếu giảm ở khoản vay ngắn hạn ngân hàng 10,9 tỷ đồng, chủ yếu do việc cân đối các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh để chi trả gốc vay nhằm giảm áp lực về lãi vay ngân hàng.
 - Các khoản phải trả khác tăng 68%, tương ứng mức tăng 8,2 tỷ đồng

2. Kết quả kinh doanh

Khoản mục	Đvt: triệu đồng					
	TH 2024		KH 2024		TH 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% KH	Số tiền	% CK
1 Doanh thu	217.958	100%	275.072	79%	186.001	17%
<i>Thương mại</i>	85.637	39%	102.252	84%	85.427	0%
<i>Sản xuất</i>	129.911	60%	170.660	76%	98.077	32%
<i>Khác</i>	2.410	1%	2.160	112%	2.497	-4%
2 Lợi nhuận gộp	64.390	30%	62.121	104%	37.166	73%
<i>Thương mại</i>	4.781	2%	6.682	72%	4.787	0%
<i>Sản xuất</i>	57.308	26%	53.389	107%	29.991	91%
<i>Khác</i>	2.300	1%	2.051	112%	2.388	-4%
<i>%Lợi nhuận gộp/Doanh thu</i>	30%		23%		20%	
3 Chi phí hoạt động	56.720	26%	59.121	96%	56.522	0%
4 TN khác/(CP khác)	(752)	0%	-	0%	(737)	2%
5 Lợi nhuận trước thuế	6.918	3%	3.000	231%	(20.093)	-134%
<i>%LNTT/DT</i>	3%		1%		-11%	

Phân tích về kết quả kinh doanh năm 2024:

a. Doanh thu

- Tỷ trọng: Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu hàng sản xuất chiếm tỷ trọng 60%/doanh thu, doanh thu hàng thương mại chiếm 39%/doanh thu.
- Biến động (so với năm trước): Doanh thu đạt 217,9 tỷ đồng, tăng 17% so với năm trước, tương ứng mức tăng 32 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu tăng trong doanh thu hàng sản xuất 32%, tương đương mức tăng 31,8 tỷ đồng; doanh thu hàng thương mại biến động không đáng kể. Nguyên nhân là do:
 - Hàng thương mại: tăng nhẹ 0,2%, tương ứng mức tăng 210 triệu đồng, trong đó:
 - ✓ Nhóm hàng thương mại kênh OTC tăng 36%, tương ứng mức tăng 12,1 tỷ đồng, trong đó tăng mạnh ở Chi nhánh Đức Trọng (4,6 tỷ đồng), Chi nhánh Bảo Lộc (1,2 tỷ đồng) và đơn hàng xuất cho Công ty CP Công nghệ Y tế An Minh (9 tỷ đồng). Chính sách giá hỗ trợ và việc mua hàng đáp ứng kịp thời cho nhu cầu CN cũng góp phần vào việc đẩy mạnh doanh thu nhóm hàng TM kênh OTC;
 - ✓ Nhóm hàng thương mại kênh ETC giảm 23%, tương ứng mức giảm 11,9 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do thay đổi trong thông tư đấu thầu, thay đổi về hình thức đấu thầu của gói VTYT-HC từ đấu thầu trọn gói sang đấu thầu theo mặt hàng nên doanh thu thầu tại các bệnh viện lớn giảm. Đồng thời, một số đối tác thay đổi chính sách thay vì ủy quyền sẽ tham gia đấu trực tiếp nên doanh thu thầu giảm tương ứng.
 - Hàng sản xuất: tăng mạnh 32%, tương ứng mức tăng 31,8 tỷ đồng, trong đó:
 - ✓ Kênh chuỗi tăng mạnh 93%, tương ứng mức tăng 12 tỷ đồng, chủ yếu trong doanh thu đến từ gam hàng Nosamin độc quyền;
 - ✓ Kênh siêu thị tăng mạnh 129%, tương ứng mức tăng 5,5 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong doanh thu các siêu thị: Bách Hóa Xanh (3,5 tỷ đồng), Big C & Go (3 tỷ đồng), Siêu thị Kingkong Mart và Emart (1 tỷ đồng),...
 - ✓ CN Miền Nam tăng 25%, tương ứng mức tăng 3,9 tỷ đồng
- So với kế hoạch: doanh thu đạt 79% kế hoạch, trong đó hàng sản xuất đạt 76%, tương ứng mức đạt 129,9 tỷ đồng, hàng thương mại đạt 84%, tương ứng mức đạt 85,6 tỷ đồng.

b. Chi phí

Chi tiết chi phí năm 2024 theo nhóm phí:

Khoản mục	TH 2024		TH 2023	Biến động	
	Số tiền	%/CP		+/-	%
1 Chi phí lương	28.647	51%	25.325	3.322	13%
2 Chi phí Marketing và bán hàng	9.934	18%	13.715	(3.781)	-28%
3 Chi phí khấu hao và mặt bằng	3.922	7%	3.701	221	6%
4 Chi phí tài chính	5.613	10%	7.027	(1.414)	-20%
5 Chi phí hoạt động khác	8.604	15%	6.755	1.849	27%
Tổng cộng	56.720	100%	56.522	198	0%

- Tỷ trọng: trong cơ cấu chi phí, chi phí lương chiếm tỷ trọng cao nhất 51%/chi phí (28,6 tỷ đồng); chi phí Marketing và bán hàng chiếm tỷ trọng 18%/chi phí (9,9 tỷ đồng); chi phí tài chính chiếm tỷ trọng 10%/chi phí (5,6 tỷ đồng); chi phí khấu hao và mặt bằng 7%/chi phí (3,9 tỷ đồng), chi phí dịch vụ mua ngoài và khác 15%/chi phí (8,6 tỷ đồng).
- Biến động: so với cùng kỳ chi phí hoạt động biến động không đáng kể, tăng nhẹ 0,4%, tương ứng mức tăng 0,2 tỷ đồng, trong đó:



- Chi phí lương tăng 13%, tương ứng mức tăng 3,3 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do tăng trong chi phí lương trực tiếp kinh doanh (doanh thu tăng) và tăng trong chi thường lương hiệu quả và lương KPI;
- Chi phí marketing và bán hàng giảm 28%, tương ứng mức giảm 3,8 tỷ đồng. Trong đó, chi phí bán hàng giảm chủ yếu do giảm trong khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi khoản cho vay Lê Minh Đức, các khoản nợ từ bán hàng cho Công ty Samatel, VKC, PDS, Indico. Chi phí Marketing chủ yếu giảm trong chi phí về đầu tư thương hiệu, quảng cáo (Billboard Đà Lạt, Trường Sơn, showroom Cầu Gỗ);
- Chi phí khấu hao và mặt bằng tăng nhẹ 6%, tương ứng mức tăng 0,2 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong chi phí thuê đất, sử dụng đất phi nông nghiệp (0,4 tỷ đồng), chi phí thuê nhà (0,4 tỷ đồng);
- Chi phí tài chính giảm 20%, tương ứng mức giảm 1,4 tỷ đồng, chủ yếu giảm trong chi phí lãi trái phiếu;
- Chi phí hoạt động khác, bao gồm chi phí dịch vụ mua ngoài và ngoại giao tiếp khách tăng 27%, tương ứng mức tăng 1,8 tỷ đồng, chủ yếu do tăng trong các khoản chi phí về bản quyền phần mềm Oracle (0,4 tỷ đồng), CP thu hồi nợ (0,2 tỷ đồng), .

c. Kết luận

Việc tăng mạnh trong doanh thu nhóm hàng sản xuất, đặc biệt các gam hàng nhóm nước (tỷ trọng nhóm nước tăng từ 24% lên 32%, tương ứng mức doanh thu tăng từ 23 tỷ đồng lên 42 tỷ đồng), trong đó tập trung mạnh ở doanh thu đến từ kênh chuỗi đã góp phần tăng lợi nhuận gộp từ 37 tỷ đồng lên 64 tỷ đồng (tương ứng mức tăng 73%). Cùng với việc chi phí hoạt động biến động không đáng kể đã giúp lợi nhuận trước thuế tăng mạnh (từ lỗ 20,1 tỷ đồng thành lãi 6,9 tỷ đồng).

3. Kết quả đầu tư tài sản

Diễn giải	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
Container kho nhiên liệu	38.888.889	Tăng tài sản 2024
Xe volkswagen 757.75	2.259.395.000	Tăng tài sản 2025
Bản quyền PM Oracle Netsuite từ 01.10.24-30.09.25	1.523.944.648	Tăng CP đầu tư 2024
Chi phí triển khai PM Oracle Netsuite	3.290.724.000	Theo tiến độ
CP thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	14.000.000	Tăng đầu tư 2024
Chi phí thi công sơn lại VP công ty	165.495.000	Tăng đầu tư 2024
Chi phí thi công biển hiệu logo tại VP Cty	27.944.000	Tăng đầu tư 2024
Chi phí làm bảng hiệu tại Showroom NQ	27.631.500	Tăng đầu tư 2025
Hợp đồng thi công showroom CN Miền Bắc	288.345.960	Nghiệm thu 2025
Hợp đồng thi công sửa chữa CN Miền Bắc	94.015.469	Nghiệm thu 2025
Hợp đồng thi công sửa chữa CN Miền Tây	332.844.120	Nghiệm thu 2025
Tổng cộng	8.063.228.586	

4. Kết quả đầu tư góp vốn/mua cổ phần

Việc đầu tư góp vốn/mua cổ phần tại Công ty CP Nông Sản và Dược liệu Trà My theo TT số 18/Tr-DHTN/2024 không thực hiện được do các bên liên quan không thống nhất được phương án hợp lý. Tuy nhiên đã có những bước đầu trong việc nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm lá sâm ngọc linh vào các sản phẩm gia công cho Công ty Trà My như cao sâm Ngọc linh, nước sâm Ngọc linh. Đây là bước đầu để tiến tới việc nghiên cứu sâu hơn về sâm ngọc linh và tiến tới các bước đầu tư, góp vốn mua cổ phần sau này nếu xét thấy hiệu quả cao và sâu hơn trong hoạt động đầu tư nghiên cứu sản phẩm này.

II. KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Mục tiêu xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2025

- Tiếp tục vào việc đẩy mạnh nhóm hàng sản xuất, đặc biệt các gam hàng nhóm nước (nhóm TPCN cao cấp) để mang lại lợi nhuận gộp cao; đồng thời khai thác các khách hàng mới ở các thị trường như Miền Bắc, Miền Trung, Miền Tây và thị trường xuất khẩu (Hàn Quốc, Mông Cổ, Ba Lan,...);
- Tiếp tục duy trì và phát triển kênh sàn thương mại điện tử trên tất cả các sàn Shopee, Lazada, Tiktok shop,...Liên kết với các đối tác mạnh trong việc bán hàng trên sàn thương mại điện tử để tăng độ nhận diện thương hiệu và sản phẩm của LDP đến người tiêu dùng. Liên kết với các KOL, KOC để phủ hàng và tăng mức độ tiếp cận người dùng nhanh nhất.
- Đẩy mạnh thị trường ETC ở ngoại tỉnh tập trung vào các mặt hàng sản xuất, bằng cách gia tăng các số đăng ký thuốc, đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm số thuốc để gia tăng danh mục và tạo điều kiện cho kênh thầu chào thầu/ủy quyền thầu cho các đối tác.
- Tập trung vào nhóm khách hàng là các chuỗi nhà thuốc, chuỗi thực phẩm chức năng cao cấp để đẩy lợi nhuận và gia tăng sản phẩm ở nhóm phân khúc cao cấp;
- Tiếp tục đồng bộ, trẻ hóa nhận diện thương hiệu qua việc thay đổi một số bao bì sản phẩm (nhóm trà);
- Ra mắt các sản phẩm mới, cải tiến những sản phẩm hiện hữu để gia tăng chất lượng và hình ảnh sản phẩm cũng như trải nghiệm và niềm tin của người dùng cho sản phẩm của LDP
- Cùng với mở rộng thị trường xuất khẩu là việc gia tăng chất lượng vùng nguyên liệu đầu vào bằng cách tự chủ vùng trồng hoặc bao tiêu vùng trồng nhằm kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu vào, đáp ứng các điều kiện nghiêm ngặt về kiểm định chất lượng ở thị trường nước ngoài;

2. Các kết quả dự thảo

Kết quả kinh doanh năm 2025 được dự thảo chi tiết như sau:

- Tổng doanh thu 355 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 63% so với năm 2024.
- Lợi nhuận dự kiến: lợi nhuận trước thuế 7 tỷ đồng.
- Giá trị mua sắm tài sản và đầu tư mở rộng dự kiến: 543 tỷ đồng.

3. Chi tiết kế hoạch kinh doanh năm 2025

Đvt: triệu đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	%/DT
A	Doanh thu	354.932	100%
1	Hàng thương mại	107.010	30%
	<i>Hàng thương mại ETC</i>	44.430	13%
	<i>Hàng thương mại OTC</i>	62.580	18%
2	Hàng sản xuất	245.066	69%
	<i>Hàng sản xuất ETC</i>	5.090	1%
	<i>Hàng sản xuất OTC</i>	239.976	68%
3	Dịch vụ	2.856	1%
B	Lợi nhuận gộp	118.523	34%
1	Hàng thương mại	5.674	2%
	<i>Hàng thương mại ETC</i>	3.110	1%
	<i>Hàng thương mại OTC</i>	2.564	1%
2	Hàng sản xuất	110.137	31%
	<i>Hàng sản xuất ETC</i>	764	0,2%
	<i>Hàng sản xuất OTC</i>	109.374	31%
3	Dịch vụ	2.712	1%
C	Chi phí hoạt động	111.523	31%
1	<i>Chi phí tiền lương</i>	41.086	12%
2	<i>Chi phí Marketing, thương hiệu</i>	13.583	3,8%
3	<i>Chi phí tài chính</i>	12.798	4%
4	<i>Chi phí bán hàng, tổ chức hội nghị</i>	15.822	4%
5	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài, CCDC, nhiên liệu, khác...</i>	16.008	5%
6	<i>CP ngoại giao, tiếp khách, công tác phí, NL công tác</i>	5.412	2%
7	<i>Chi phí mặt bằng</i>	5.504	2%
8	<i>Chi phí khấu hao</i>	1.309	0,4%
D	Lợi nhuận khác	-	0%
E	Lợi nhuận trước thuế	7.000	2%

a. Doanh thu - lợi nhuận gộp

Tổng doanh thu 2025 dự kiến 355 tỷ đồng, trong đó doanh thu thương mại là 107 tỷ đồng, doanh thu hàng sản xuất là 245 tỷ đồng. So với năm 2024, doanh thu tăng 63%, tương ứng mức tăng 137 tỷ đồng, trong đó hàng sản xuất tăng mạnh 89%, tương ứng mức tăng 115,2 tỷ đồng, hàng thương mại tăng 25%, tương ứng mức tăng 21,4 tỷ đồng, cụ thể:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	+/-	%
Doanh thu	217.958	354.932	136.974	63%
Thương mại	85.637	107.010	21.372	25%
Sản xuất	129.911	245.066	115.156	89%
Khác	2.410	2.856	446	19%
Lợi nhuận gộp	64.381	118.523	54.142	84%
Thương mại	4.772	5.674	902	19%
Sản xuất	57.308	110.137	52.829	92%
Khác	2.300	2.712	411	18%

b. Chi phí hoạt động

Tổng chi phí kế hoạch 2025 là 112 tỷ đồng, tăng 97% so với năm 2024, tương ứng mức tăng 54,8 tỷ đồng, trong đó bao gồm các khoản chi phí:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	+/-	%
Chi phí lương	28.647	41.086	12.439	43%
Chi phí Marketing và bán hàng	9.934	29.405	19.471	196%
Chi phí khấu hao và mặt bằng	3.922	6.814	2.891	74%
Chi phí tài chính	5.613	12.798	7.185	128%
Chi phí hoạt động khác	8.604	21.420	12.816	149%
Tổng cộng	56.720	111.523	54.803	97%

Chi phí hoạt động tăng 97%, tương ứng mức tăng 54,8 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí lương tăng 43%, tương ứng mức tăng 12,4 tỷ đồng, do tăng trong chi phí lương trực tiếp kinh doanh để thực hiện mục tiêu doanh thu 355 tỷ đồng và tăng trong chi phí thưởng KPI;
- Chi phí Marketing và bán hàng tăng 196%, tương ứng mức tăng 19,5 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong chi phí về các khoản đầu tư về độ nhận diện thương hiệu tại các điểm bán lẻ/showroom của LDP. Tập trung đẩy mạnh trong các chi phí Marketing cho khách hàng, chi phí công tác viên bán hàng, chi phí thưởng khuyến khích cho đội Sales, CP hoạt động vận hành tại các sàn TMĐT, CP chạy quảng cáo trên các nền tảng để thúc đẩy doanh thu Ecommerce. Cùng với việc đẩy mạnh doanh thu thì các chi phí như vận chuyển, thuê PG, CTV để phát triển ở các khu vực chưa có Sales tăng tương ứng. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm 2025 (khoản cho vay Lê Minh Đức và các khoản nợ khó đòi các công ty VKC, Samatel);
- Chi phí tài chính tăng 128%, tương ứng mức tăng 7,2 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong chi phí lãi vay. Trong năm 2025, dự kiến tăng hạn mức lưu động từ 60 tỷ lên 120 tỷ để phục vụ cho các hoạt động mua hàng nhằm hỗ trợ việc tăng doanh thu;
- Chi phí hoạt động khác tăng 149%, tương ứng mức tăng 12,8 tỷ đồng chủ yếu tăng trong các khoản chi phí về tiếp khách, ngoại giao, chi phí tổ chức sự kiện và các chi phí công tác khác....

c. Dự kiến về đầu tư

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng tài sản theo tình hình thực tế, các hạng mục đầu tư trong năm 2025 đề xuất bao gồm:

- Đầu tư về nhận diện thương hiệu: đây là khoản đầu tư liên quan đến sửa chữa, đồng bộ các hình ảnh nhận diện thương hiệu Ladophar (bảng hiệu các quầy lễ, cảnh quan showroom, logo,...); triển khai mô hình showroom, địa điểm tham quan, làm thử sản phẩm tại Xuân Thọ;
- Đầu tư mới và cải tiến máy móc thiết bị (MMTB): đây là các khoản đầu tư về mua mới, sửa chữa, cải tiến MMTB, dây chuyền, hệ thống phục vụ tăng năng suất của Nhà máy sản xuất. Đồng thời là nâng cấp, sửa chữa các thiết bị phục vụ cho hoạt động của Khối chất lượng. Bên cạnh đó là đầu tư trong phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh/quản lý;
- Đầu tư phân xưởng chiết xuất CO2 siêu tới hạn;
- Đầu tư nhà máy Dược phóng xạ tại Đà Lạt.

Hiện nay, đa số máy móc thiết bị chính tại các dây chuyền đang thuê từ Công ty AMC, vì vậy đề dự phòng trong trường hợp AMC thu hồi MMTB, Ban điều hành đề xuất các phương án đầu tư mới MMTB, cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Phòng sử dụng	Tổng giá trị
A	Đầu tư về nhận diện thương hiệu	Khối kinh doanh	55.000
1	Cải tạo showroom Ngô Quyền	Phòng HCNS & MKT	10.000
2	Cải tạo vườn Xuân Thọ thành điểm thu hút khách du lịch	Phòng HCNS & MKT	30.000
3	Đề án cấp bộ: “Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống, trồng trọt và chế biến một số dược liệu quý”	Phòng R&D và Vùng nguyên liệu	15.000
B	Đầu tư mới và cải tiến máy móc thiết bị, phương tiện vận tải		488.000
1	Mua mới, sửa chữa, cải tiến MMTB, dây chuyền, hệ thống phục vụ tăng năng suất của Nhà máy sản xuất cũng như phương tiện vận tải phục vụ SX-KD-QL	Nhà máy SX, R&D, Khối kinh doanh, Khối văn phòng	36.000
2	Mua mới các MMTB đã hư hỏng, độ chính xác thấp trong kiểm tra chất lượng đầu vào của sản phẩm	Khối chất lượng	2.000
3	Đầu tư phân xưởng chiết xuất CO2 siêu tới hạn	Nhà máy SX	150.000
4	Đầu tư nhà máy Dược phóng xạ	Nhà máy SX	300.000
Tổng cộng			543.000

Dựa trên nhu cầu và tình hình nguồn vốn thực tế của Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành sẽ chủ động trình HĐQT thông qua phương án đầu tư phù hợp để triển khai thực hiện và báo cáo với ĐHCĐ trong kỳ họp thường niên năm 2025.

5. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

1. Về hoạt động kinh doanh

- Căn cứ kế hoạch kinh doanh được giao cho các chi nhánh/kênh, các đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng sales, từng nhóm hàng, sản phẩm, kênh và địa bàn phân phối để cụ thể hóa mục tiêu kinh doanh 2025;
- Tập trung khai thác hết các tiềm năng của thị trường hiện có cũng như tăng cường việc đẩy mạnh chào hàng ở các thị trường ngách, thị trường ngoại tỉnh tại các khu vực Miền Tây, Miền Trung, Tây Nguyên...chưa được khai thác. Đối với những khu vực không có chi nhánh/đại lý, độ phủ còn mỏng sẽ tăng cường mở rộng thông qua các nhà phân phối có tiềm lực, đưa hàng vào kênh tiêu dùng, tạp hóa. Bên cạnh đó là việc training, giám sát, hỗ trợ Sales của các đại lý trong việc giới thiệu và tư vấn công dụng sản phẩm đối với các khách hàng;
- Đối với hệ thống các chuỗi nhà thuốc, chuỗi thực phẩm chức năng, tập trung chào các sản phẩm thuộc phân khúc cao cấp (nhóm thực phẩm chức năng, nhóm trà cao cấp). Xây dựng các chính sách bán hàng, chính sách công nợ nhằm hỗ trợ các chuỗi lấy và đẩy hàng vào hệ thống, gia tăng độ phủ đối với các sản phẩm của Công ty trên toàn quốc;
- Đối với các điểm bán lẻ trực thuộc Công ty, đồng bộ các bảng nhận diện thương hiệu, đánh giá hiệu quả hoạt động của từng điểm bán để đưa ra các đề xuất nhằm cải thiện hoặc đóng cửa để giảm thiểu các định phí hoạt động (nếu có);
- Thị trường kênh ETC nhóm hàng sản xuất còn mỏng do thiếu trong danh mục các mặt hàng thuốc đầu thầu, vì vậy cần tăng cường trong việc đẩy mạnh chào thầu ở các sản phẩm đã có sổ đăng ký nhưng chưa sản xuất hoặc các sản phẩm đã sản xuất nhưng chưa khai thác mạnh cũng như các sản phẩm mới, tập trung danh mục hàng nhóm 1, góp phần đẩy mạnh lợi thế cạnh tranh và tăng lợi nhuận;
- Ngoài ra, để tận dụng công suất máy móc thiết bị ở các dây chuyền sản xuất và tạo công việc cho công nhân sản xuất, tăng cường đẩy mạnh các đơn hàng gia công từ các đối tác thông qua việc ban hành các chính sách thưởng gia công nhằm khuyến khích toàn thể CBNV giới thiệu đơn hàng, thành lập team về gia công & xuất khẩu nhằm chăm sóc, theo dõi các phản hồi từ khách hàng để thúc đẩy đơn hàng thành công. Bên cạnh đó, xây dựng bộ Sales Kit làm cơ sở cho việc chào hàng, giúp các khách hàng hiểu về dây chuyền sản xuất, về MMTB đáp ứng các tiêu chuẩn GMP, về vùng nguyên liệu sạch đạt các tiêu chuẩn GACP, Organic...
- Đối với thị trường xuất khẩu, tăng cường liên hệ với các đối tác đã từng đặt hàng tại Công ty nhằm tìm hiểu về nhu cầu hiện tại, định hướng trong dòng sản phẩm sắp tới của khách hàng tại thị trường nước ngoài, qua đó tư vấn hỗ trợ khách hàng nhằm lấy lại doanh thu đã mất những năm trước. Bên cạnh đó, khai thác các thị trường mới thông qua các chuỗi liên kết với các Công ty du lịch để quảng bá hình ảnh và chất lượng sản phẩm tới bạn bè Quốc tế....

2. Về hoạt động Marketing

- Về hoạt động gia tăng nhận diện thương hiệu, tập trung vào việc đồng bộ các hình ảnh nhận diện thương hiệu trên toàn hệ thống thông qua việc cải tạo, sửa chữa các bảng hiệu tại các điểm bán lẻ, showroom, logo...;
- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, hình ảnh, chất lượng sản phẩm và vùng nguyên liệu sạch đạt chuẩn GACP, Organic...
- Thực hiện các hoạt động quảng bá khác thông qua trải nghiệm sản phẩm cho khách hàng tại các hội chợ, hội nghị cấp cao (đưa sản phẩm vào các hội nghị của tỉnh/thành phố), các chương trình của tỉnh về sản phẩm OCOP. Bên cạnh đó, phối hợp với các chuỗi siêu thị để quảng bá sản phẩm;
- Cùng với việc cải tạo cảnh quan showroom, nhà máy là việc phối hợp cùng các Công ty du lịch để thực hiện các tour tham quan nhằm giúp khách hàng trải nghiệm và mua sắm sản phẩm;
- Các chương trình Marketing và bán hàng khác hỗ trợ cho các chi nhánh trong việc đẩy hàng ra thị trường, thông qua nguyên tắc tập trung bán những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở mỗi địa bàn, khu vực. Các chương trình được cụ thể hóa và dành riêng cho mỗi chi nhánh cũng như mỗi địa bàn khác nhau;
- Tăng cường lại công tác chăm sóc khách hàng thông qua việc tư vấn lợi ích, công dụng sản phẩm tới khách hàng, training cho đội ngũ Sales,...

3. Về hoạt động sản xuất

- Đầu tư vườn trồng cây dược liệu actiso tại các khu vực Xuân Thọ, Lâm Hà nhằm nâng cao nguồn nguyên liệu đầu vào với chất lượng cao;
- Tái khởi động vùng trồng Diệp hạ châu nhóm 1 nhằm gia tăng các sản phẩm đầu thầu mang lợi thế cạnh tranh cao;
- Nghiên cứu và trồng dược liệu sạch, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của quốc tế cũng như đủ điều kiện để xuất khẩu sang các nước khó tính như Châu Âu, Châu Mỹ, Hàn Quốc;
- Tăng cường cải tiến quy trình, chất lượng sản phẩm để tối ưu giá thành và tăng lợi thế cạnh tranh;
- Rà soát các trang thiết bị cũ, không đảm bảo an toàn lao động và công suất hoạt động nhằm giảm chi phí cũng như tăng năng suất;
- Phối hợp với các công ty khác để gia công các sản phẩm cho đối tác, tận dụng các máy móc và thiết bị sẵn có, tăng công suất nhà máy.

4. Về hoạt động quản lý vận hành

- Ban hành và triển khai quy chế tổ chức, trong đó thiết lập các quy chế liên quan đến vận hành bộ máy, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như tăng cường khả năng quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Xây dựng chính sách KPI nhằm tạo động lực cho đội ngũ Sales và đội ngũ hỗ trợ gián tiếp khác;
- Ban hành và triển khai hệ thống phân quyền, nhằm mục đích hoàn thiện hơn hệ thống phân quyền của Công ty và trao quyền chủ động trong khuôn khổ quy định cho các cấp quản lý, cũng như tạo cơ chế linh hoạt hơn cho các phòng/ban, chi nhánh trong hoạt động vận hành;
- Xây dựng, củng cố và hoàn thiện hệ thống các văn bản lập quy, bao gồm các quy định, quy trình... nhằm giúp hệ thống hóa các văn bản theo một khuôn khổ và đảm bảo nguyên tắc vận hành linh hoạt hơn cho các phòng ban và đơn vị chi nhánh;
- Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và thuê các đơn vị/chuyên gia để triển khai các khóa đào tạo kỹ năng, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ nhân viên;

6. KẾT LUẬN

Năm 2024 là một năm nhiều khó khăn và áp lực đối với Công ty. Qua năm 2025, Ban Tổng Giám Đốc sẽ triển khai các hành động, biện pháp cụ thể để giúp Công ty và người lao động vượt qua giai đoạn khó khăn.

Ban Tổng Giám Đốc rất mong được sự hỗ trợ và đồng hành của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát để hoạt động của Công ty ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn, thực hiện hiệu quả chiến lược đã lập ra.

Trên đây là Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả đầu tư, kinh doanh năm 2024 và kế hoạch đầu tư, kinh doanh năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Lê Tiến Thịnh

Số: 06/BC-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO NĂM 2024
CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”)
Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)**

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (“BKS”) được quy định tại Điều lệ Công ty, các quy định có liên quan đến hoạt động của BKS, các thành viên BKS đã họp và nhất trí thông qua báo cáo của BKS trình ĐHĐCD thường niên 2025 với các nội dung như sau:

I. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2024, nhân sự của Ban Kiểm soát có 03 thành viên, trong đó 1 Trưởng BKS và 2 thành viên. Các thành viên đều hoạt động độc lập và không làm việc tại bộ phận kế toán của Công ty hoặc không phải là Kiểm toán viên độc lập Kiểm toán BCTC của công ty. Trong năm 2023, Ban Kiểm soát của Công ty có biến động, thay đổi nhân sự như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Đào Thị Nga	Thành viên - Trưởng ban	
2	Bà Võ Kim Nguyên	Thành viên	
3	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên	

Trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ đã được quy định tại điều lệ Công ty, BKS đã chủ động thực hiện các công tác sau đây:

- Giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Đại diện BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và nêu ý kiến đóng góp đối với các vấn đề liên quan để HĐQT có thông tin quyết định;
- Giám sát việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCD thường niên năm 2024, Nghị quyết ĐHĐCD bất thường năm 2024 và việc thực thi các Nghị quyết của HĐQT;
- Tham gia góp ý để hoàn thiện các quy chế, quy định và quy trình quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động trong Công ty;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty; Thẩm định BCTC của Công ty theo Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán Việt Nam và đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán;
- Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ, BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu chiến lược và kế hoạch kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty. Các đề xuất, kiến nghị của BKS được HĐQT, Tổng giám đốc (“TGD”) quan tâm chỉ đạo, thực hiện.

II. Đánh giá công tác quản trị điều hành năm 2024:

1. Công tác thực hiện, triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

Kết quả thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường và Nghị quyết HĐQT như sau:

- Về kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	% TH/KH năm 2024
Doanh thu thuần hợp nhất	187.414.704.443	186.000.716.464	287.160.000.000	65,26%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	(38.865.634.456)	(20.104.870.073)	3.000.000.000	230,63%

- Doanh thu năm 2024 đạt 217,9 tỷ đồng, tương ứng đạt 79,23% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua (trong đó hàng sản xuất đạt 76%, tương ứng mức đạt 129,9 tỷ đồng; hàng thương mại đạt 84%, tương ứng mức đạt 85,6 tỷ đồng). Doanh thu năm 2024 tăng 17% so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng mức tăng là 32 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu tăng trong doanh thu hàng sản xuất 32% tương đương mức tăng 31,8 tỷ đồng; doanh thu hàng thương mại tăng nhẹ 0,2%, tương ứng mức tăng 210 triệu đồng; doanh thu dịch vụ giảm 3,5% tương ứng mức giảm 87 triệu đồng.
- Năm 2024 mặc dù công ty đã vượt mức chỉ tiêu về lợi nhuận so với kế hoạch đã đề ra là 230% tương ứng với 6,919 tỷ đồng nhưng do lỗ lũy kế và khoản trích lập dự phòng nên công ty vẫn bị âm Lợi nhuận sau thuế lũy kế là 52,095 tỷ đồng.
- Tổng tài sản đạt 207 tỷ đồng, tăng 1,1% so với năm 2023, tương ứng mức tăng 12 tỷ đồng. Nguyên nhân giảm chủ yếu trong giá trị của các yếu tố như hàng tồn kho, khoản phải thu.
- Tổng nợ phải trả tăng 12,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 7% so với năm 2023. Nguyên nhân tăng chủ yếu trong giá trị của các yếu tố như phải trả nhà cung cấp và khoản vay ngắn hạn ngân hàng.
- Chi phí tài chính: Chi phí tài chính tăng chủ yếu do phát sinh chi phí lãi trái phiếu và chi phí đến từ hoạt động kinh doanh chứng khoán. Năm 2024, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT/2024, LDP công bố phương án thanh toán lãi trái phiếu LDPH2223001 từ thời điểm hủy kết quả phát hành đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2024, LDP dự kiến sẽ thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán, LDP sẽ thanh toán định kỳ phần gốc thành từng giai đoạn. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại LDP vẫn chưa thực hiện được việc thỏa thuận và ký kết biên bản xác nhận với nhà đầu tư.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: năm 2024, tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc LDP trong mảng kinh doanh, đặc biệt là trong hoạt động bán hàng. Công ty chú trọng mạnh vào hoạt động marketing thúc đẩy kinh doanh đầu tư hình ảnh sản phẩm theo hướng chuyên nghiệp và chín chu, tạo tiền đề cho phát triển kinh doanh trong các năm kế tiếp. Chi phí marketing trong thời gian đầu cao cùng với việc nhà nước điều chỉnh chi phí thuê đất cũng làm tăng áp lực chi phí hoạt động của doanh nghiệp.
- **Về công cụ quản lý và nhân sự:** Công ty luôn đề cao việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự, điều chỉnh và nâng cấp hệ thống quản trị (quy trình, hệ thống quản lý,..) theo hướng tinh gọn và hiệu quả, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.
- **Các nội dung khác (cổ tức, thù lao HĐQT, BKS; lựa chọn đơn vị kiểm toán...):** đã thực hiện phù hợp theo các nội dung trong NQ ĐHĐCĐ thường niên.

2. Công tác quản trị, điều hành Công ty

2.1. Công tác quản trị

Trong năm 2024, HĐQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hàng quý HĐQT tổ chức cuộc họp nhằm cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh và chỉ đạo kịp thời phương hướng hoạt động trong năm 2024. Ngoài ra, HĐQT cũng tổ chức các cuộc họp bất thường hoặc tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để giải quyết các vấn đề quan trọng của Công ty. Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong các Nghị quyết HĐQT và giao cho TGD triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện. Các thành viên HĐQT đã tích cực tham gia ý kiến trong các phương án kinh doanh do Ban Tổng giám đốc đề xuất trong các cuộc họp HĐQT.

2.2. Công tác điều hành

TGD được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT giao; phân công, chỉ đạo phó TGD, Trưởng các Ngành/phòng/đơn vị trực thuộc triển khai cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao và báo cáo kết quả thực hiện gửi HĐQT.

3. Công tác thực hiện, triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2024, các hoạt động của HĐQT Ladophar đã được triển khai phù hợp theo các quy định pháp luật và điều lệ Công ty;
- Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 phiên họp.

III. Thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán:

- Ban kiểm soát đã xem xét báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, kết quả kiểm toán đã được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán độc lập (riêng) số 1.0511/25/TC-AC của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ký ngày 22/03/2025 và Báo cáo kiểm toán độc lập (hợp nhất) số 1.0512/25/TC-AC của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ký ngày 22/03/2025.
- Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và các báo cáo liên quan, sau khi xem xét kiểm tra, BKS nhận thấy:
 - + Các chứng từ kế toán được sắp xếp gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định;
 - + Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; và
 - + Các số liệu báo cáo tài chính năm 2024 phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 và cho năm tài chính kết thúc 31/12/2024.
- Ban KS thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

IV. Một số kiến nghị của Ban kiểm soát:

- **Về chiến lược:** Công ty cần phải xây dựng được chiến lược kinh doanh thận trọng trong ngắn hạn, và trung hạn để có các kế hoạch triển khai cho phù hợp trong tình hình khó khăn chung như hiện nay, nhằm đảm bảo sự tăng trưởng bền vững cho công ty.
- **Về hoạt động kinh doanh:**
 - + HĐQT và Ban điều hành cần duy trì tốt đà tăng trưởng hiện tại, thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động bán hàng và mạng lưới kinh doanh trong và ngoài nước để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình kinh doanh năm 2024. Tận dụng tối đa ưu thế về kinh nghiệm, cùng uy tín chất lượng và thương hiệu sẵn có, nỗ lực tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới, mở rộng thị trường cho từng ngành hàng, mở rộng vùng nguyên liệu.

- + Nâng cao hiệu quả phối hợp xử lý công việc giữa các bộ phận/phòng ban, đặc biệt trong công tác dự toán, điều phối hàng hóa giữa bộ phận kinh doanh, cung ứng và bộ phận sản xuất, nhằm phát huy tối đa vai trò, trách nhiệm và chức năng của từng BP/Phòng ban, tăng hiệu quả hoạt động.
- **Về hoạt động marketing:** Công ty cần nâng cao hơn nữa hình ảnh, thương hiệu Ladophar thông qua việc thực hiện các chương trình Marketing, khuyến mãi, tham gia các hội chợ quốc tế, xúc tiến thương mại. Chú trọng việc xây dựng kế hoạch/chiến dịch marketing phù hợp đối với từng ngành hàng/sản phẩm để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- **Về nhân sự:** Cần tăng cường đào tạo nhân sự nhằm nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Xây dựng cơ cấu nhân sự phù hợp với sự phát triển của công ty.
- **Về hoạt động sản xuất và nghiên cứu:** Tìm kiếm thêm các giải pháp mới để cải tiến quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ để giảm thiểu chi phí và hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo chất lượng nhằm tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm trên thị trường.
- **Quản trị tài chính:** cân đối tài chính và tối ưu hoá nguồn vốn phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời điểm và chu kỳ kinh doanh:
 - + Đánh giá và rà soát các khoản nợ phải thu, khó đòi, hàng tồn kho.
 - + Phân bổ vốn vào các lĩnh vực tiềm năng nhằm tối ưu hóa nguồn vốn hiện có.
 - + Công ty cần xem xét, đánh giá lại các khoản vay, thuê tài chính ngắn hạn; vay từ phát hành trái phiếu sao cho sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, tránh tình trạng mất cân đối nguồn vốn của Công ty.
 - + Công ty cần xây dựng lại chiến lược giá, phù hợp với từng phân khúc thị trường để có thể đẩy mạnh và mở rộng thêm nhiều phân khúc thị trường, bên cạnh đó công ty cần kiểm soát lại chi phí hoạt động để giảm thiểu chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận.
- **Chất lượng sản phẩm và dịch vụ:** nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty.
- **Công tác dự báo:** tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh từ các tác động bên trong và bên ngoài công ty.
- **Về công cụ quản trị:** Cần rà soát và điều chỉnh các tài liệu quản trị nội bộ hiện hành theo hướng ngắn gọn và hiệu quả. Xây dựng thêm các tài liệu khác (nếu cần) để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

V. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các qui định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT Công ty;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo qui định của Luật Doanh nghiệp;
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Tổ chức xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập sau khi kiểm toán BCTC trong năm 2024 và theo dõi ý kiến phản hồi của HĐQT và TGD;
- Thực hiện giám sát nội dung, tiến độ việc lập và kiểm toán BCTC năm;

- Trình báo cáo thẩm định BCTC đã được kiểm toán năm 2024, kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban TGD trong năm lên ĐHĐCĐ thường niên;
- Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT (thường kỳ và bất thường) để giám sát hoạt động quản trị điều hành của HĐQT và TGD;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và bất thường (nếu có) và các Nghị quyết của HĐQT; và
- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.

Trên đây là của Ban Kiểm soát Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) cho năm tài chính 2024 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm tài chính 2025.

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.



Số: 07/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua thời gian tổ chức họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên 2025;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được đề xuất thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:
 - Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;
 - Có kinh nghiệm kiểm toán các công ty trong cùng lĩnh vực kinh doanh;
 - Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán Báo cáo tài chính;
 - Chi phí hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.
2. Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đề xuất:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên, ĐHĐCĐ phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 (một) trong 04 (bốn) đơn vị kiểm toán độc lập dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
 - Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.
 - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam.
 - Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
3. Để công tác kiểm toán Báo cáo tài chính được thuận lợi, trong trường hợp Công ty không đàm phán được về giá và các điều kiện kiểm toán với các đơn vị kiểm toán nêu trên, hoặc trong trường hợp Công ty cần thay đổi đơn vị kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động quyết định lựa chọn 01 (một) đơn vị kiểm toán độc lập khác dựa trên các tiêu chí tại Mục 1 và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

ĐÀO THỊ NGÀ

Số: 08/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kết quả kiểm toán đã được xác thực theo:

- Báo cáo kiểm toán độc lập (riêng) số 1.0511/25/TC-AC của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ký ngày 22/03/2025.
- Báo cáo kiểm toán độc lập (hợp nhất) số 1.0512/25/TC-AC của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ký ngày 22/03/2025

(Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 09/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar), cụ thể như sau:

1. Kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025:

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025
1	Doanh thu thuần	354.932
1.1	Doanh thu hàng thương mại	107.010
1.2	Doanh thu hàng sản xuất	245.066
1.3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.856
2	Tổng chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động SX KD	111.523
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.000
4	Giá trị đầu tư tài sản	93.000
4.1	Đầu tư cải tạo/nâng cấp showroom Ngô Quyền	10.000
4.2	Cải tạo vườn Xuân Thọ thành điểm thu hút khách du lịch	30.000
4.3	Đề án cấp bộ: “Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống, trồng trọt và chế biến một số dược liệu quý”	15.000
4.4	Đầu tư MMTB/phương tiện vận tại phục vụ SX-KD-QL-CL	38.000

2. Trong các trường hợp phát sinh khác, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2025 phù hợp theo tình hình thực tế và báo cáo cho ĐHĐCĐ trong các kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 10/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty.

Hiện nay, nhằm đủ nguồn lực đáp ứng cho kế hoạch kinh doanh 2025 trong tình hình kinh doanh mới, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) với các nội dung cụ thể như sau:

1. Mục đích vay vốn:

- Vốn vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Vốn vay trung và dài hạn bằng hình thức vay vốn tại các tổ chức tín dụng và các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các tổ chức tài chính khác để thực hiện việc đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất cũng như các khoản đầu tư về nhận diện thương hiệu phục vụ hoạt động kinh doanh.

2. Dự kiến hạn mức vay vốn của từng khoản đầu tư như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Vay vốn lưu động ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	150.000
2	Vay vốn vay trung và dài hạn cho các khoản đầu tư	150.000
	Tổng cộng	300.000

3. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT xem xét, lựa chọn và quyết định các phương án, hình thức vay vốn để đảm bảo hiệu quả và nguồn vốn hoạt động theo tình hình thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****PHẠM TRUNG KIÊN**

Số: 11/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;
- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về lợi nhuận năm 2024 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) như sau:

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	6.918.953.001	6.918.953.001
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	(52.095.238.127)	(52.095.238.127)

Theo báo cáo tài chính năm 2024, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế tích cực, tuy nhiên vẫn còn khoản lỗ lũy kế từ các năm trước cần được xử lý nhằm đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Do đó, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty như sau:

- Không thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế 6 tỷ đồng năm 2024 để bù đắp lỗ lũy kế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****PHẠM TRUNG KIÊN**

Số: 12/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về khen thưởng năm 2024 và thù lao, khen thưởng năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;
- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về việc khen thưởng năm 2024 và thù lao, khen thưởng năm 2025 cho HĐQT, Ban Kiểm soát, Ủy ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký HĐQT) như sau:

1. Báo cáo thù lao năm 2024:

- a. Định mức thù lao năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua vào kỳ họp thường niên năm 2024:

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	10.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	10.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	5.000.000
5	Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị)	5.000.000

- b. Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký chi trả năm 2024 với số liệu trước khi trừ Thuế cụ thể như sau:

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao (đồng)
I	Hội đồng quản trị		
1	Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	180.000.000
2	Lê Tiến Thịnh	TV.HĐQT	120.000.000

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao (đồng)
3	Đặng Thùy Linh	TV.HĐQT	87.000.000
4	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV.HĐQT	87.000.000
5	Lê Xuân Thanh	TV. Độc lập HĐQT	120.000.000
6	Võ Quý Lâm (Đã miễn nhiệm)	Nguyên là TV.HĐQT	33.000.000
7	Nguyễn Hồ Hưng (Đã miễn nhiệm)	Nguyên là TV.HĐQT	33.000.000
II	Ban Kiểm soát		
1	Đào Thị Nga	Trưởng BKS	120.000.000
2	Võ Kim Nguyên	TV.BKS	60.000.000
3	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	TV.BKS	60.000.000
III	Người Phụ trách Quản trị kiêm TK.HĐQT		
1	Phạm Thị Huyền Trang	Người PTQT kiêm TK.HĐQT	60.000.000
	Cộng		960.000.000

2. Khen thưởng năm 2024:

Căn cứ số liệu lợi nhuận theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Công ty, kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty đã vượt kế hoạch lợi nhuận (sau thuế) mà ĐHCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua, cụ thể:

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
1	Doanh thu thuần	275.072	217.958
2	<i>Doanh thu hàng thương mại</i>	<i>102.252</i>	<i>85.637</i>
3	<i>Doanh thu hàng sản xuất</i>	<i>170.660</i>	<i>129.911</i>
4	<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.160</i>	<i>2.410</i>
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.000	6.919
6	Giá trị đầu tư tài sản	50.000	8.104

Do đó, HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua việc khen thưởng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký HĐQT) với tổng số tiền là **800.000.000 VNĐ** được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2024. Giao HĐQT quyết định mức khen thưởng đối với các thành viên.

3. Thù lao và khen thưởng năm 2025:

a. Thù lao:

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	10.000.000

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
3	Trưởng Ban Kiểm soát	10.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	5.000.000
5	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	5.000.000
6	Thành viên Ủy ban kiểm toán	3.000.000
5	Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị)	5.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán và Thư ký năm 2025 dự kiến được chi 2 đợt, vào 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm.

b. Khen thưởng:

Trường hợp vượt kế hoạch lợi nhuận (sau thuế), HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ xem xét việc khen thưởng cho HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Thư ký.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 13/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh;
sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị
và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty CP Dược Lâm Đồng
(Ladophar)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) như sau:

I. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Công ty Cổ phần có quyền lựa chọn mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong cơ cấu tổ chức và quản trị Công ty.

Trên cơ sở quy định của Pháp luật và căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Cơ cấu tổ chức quản lý hiện tại	Cơ cấu tổ chức quản lý đề nghị thay đổi
1. Đại hội đồng cổ đông;	1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;	2. Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; và
3. Ban kiểm soát; và	3. Tổng Giám đốc
4. Tổng Giám đốc	

II. Thông qua việc bổ sung thêm 01 (một) ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung
4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.

III. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

- HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Điều lệ để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý sau khi thay đổi của công ty và nhằm phù hợp định hướng kế hoạch phát triển của Công ty, đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành, nội dung sửa đổi như sau:

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi
1	Quy định Điều, Khoản liên quan đến Ban kiểm soát	<p>Hủy bỏ Điều, Khoản liên quan đến Ban kiểm soát và thay thế / bổ sung thành nội dung liên quan đến Ủy ban kiểm toán.</p> <p>Cụ thể bổ sung các Điều sau:</p> <p>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</p> <p>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</p> <p>Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</p> <p>Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>
2	Các nội dung khác	<i>Chi tiết Theo phụ lục 1 và theo dự thảo toàn văn Điều lệ đính kèm Tờ trình này.</i>

IV. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

- a. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi một số điều khoản của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý sau khi thay đổi của Công ty.

Nội dung sửa đổi như sau:

Hủy bỏ những Điều Khoản liên quan đến Ban kiểm soát và thay thế thành nội dung liên quan đến Ủy ban kiểm toán. Nội dung sửa đổi và bổ sung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Phụ lục 2, Phụ lục 3 được đính kèm theo Tờ trình này.

- b. Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sau khi sửa đổi và bổ sung nội dung) được đính kèm theo Tờ trình này.

V. Kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như được nêu tại Mục I của Tờ trình này.

Sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, Ban kiểm soát sẽ chấm dứt hoạt động và thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ không còn giữ chức danh này kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết.

2. Thông qua việc bổ sung thêm 01 (một) ngành nghề kinh doanh của Công ty nêu tại Mục II của tờ trình này.

3. Thông qua việc sửa đổi nội dung Điều lệ Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) như được nêu tại Mục III của Tờ trình này.
4. Ủy quyền và giao cho Người đại diện theo Pháp luật của Công ty:
 - Thực hiện bổ sung nội dung Điều lệ theo mục III nêu trên và ký ban hành Điều lệ mới;
 - Thực hiện các thủ tục pháp lý để đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh theo đúng quy định pháp luật.
5. Thông qua sửa đổi nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như được nêu tại Mục IV của Tờ trình này.
6. Trong phạm vi các nội dung sửa đổi của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua như trên, ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT có toàn quyền quyết định mọi vấn đề phát sinh liên quan đến việc đăng ký sửa đổi Điều lệ theo quy định của pháp luật, ban hành toàn văn Điều lệ, Quy chế...đã được sửa đổi, bổ sung sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời thực hiện sửa đổi các quy chế nội bộ khác có liên quan sao cho phù hợp với Điều lệ mới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN

PHỤ LỤC 1

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

(Đính kèm Tờ trình số 13/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar))

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 18 Ngô Quyền, Phường 6, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng - Điện thoại: (0263) 3824167 – 3833251 - 3817937 - Fax: (0263) 3822369 - E-mail: ladopharcorp@gmail.com - Website: http://www.ladopharcorp.com	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 18 Ngô Quyền, Phường 6, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng - Điện thoại: (0263) 3824167 – 3833251 - 3817937 - Fax: (0263) 3822369 - E-mail: ladopharcorp@gmail.com - Website: http://www.ladopharcorp.com - Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ.	Bổ sung thêm ý để có thể linh động hơn trong trường hợp thay đổi thông tin.
2	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau: • Thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với: - Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất động sản,	Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau: 1. Thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với: a) Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất	Căn cứ theo nghị quyết số 1A/NQ-HĐQT/2025 ban hành ngày 26/3/2025

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/ có vốn góp của Công ty);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý và điều hành trực tiếp một số hoạt động của công ty theo sự phân công của HĐQT; - Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT; - Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. <ul style="list-style-type: none"> • Thẩm quyền của Tổng Giám đốc: <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị. - Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với: <ul style="list-style-type: none"> + Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ ủy quyền của của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị. + Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị. <p>Hội đồng quản trị quyết định Người đại diện theo pháp luật của Công ty mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng, tài khoản chứng khoán. Thực hiện phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đến tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán của Công ty trong phạm vi đại diện.</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát</p>	<p>động sản, các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/ có vốn góp của Công ty);</p> <ul style="list-style-type: none"> b) Quản lý và điều hành trực tiếp một số hoạt động của công ty theo sự phân công của HĐQT; c) Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT; d) Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. <p>2. Thẩm quyền của Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị. b) Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với: <ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ ủy quyền của của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị. - Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị. <p>3. Hội đồng quản trị quyết định Người đại diện theo pháp luật của Công ty mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng, tài khoản chứng khoán. Thực hiện phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đến tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán của Công ty trong phạm vi đại diện.</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.</p>	<p>4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.</p> <p>6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>7. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
3	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	<p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ.</p> <p><i>Chi tiết các ngành, nghề kinh doanh của Công ty được nêu trong Phụ lục đính kèm Điều lệ này.</i></p>	<p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.</p> <p><i>Chi tiết các ngành, nghề kinh doanh của Công ty được nêu trong Phụ lục đính kèm Điều lệ này.</i></p>	
4	Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; 3. Tổng Giám đốc. 	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán; 3. Tổng Giám đốc. 	Nhằm nâng cao tính chuyên môn, tăng cường hiệu quả giám sát tài chính và tiệm cận chuẩn mực quản trị quốc tế.

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
5	Điều 17.	Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.	Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này	Để thống nhất nội dung giữa các Điều trong Điều lệ
6	Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
7	Điều 21.		Bổ sung khoản 9 Điều 21: 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Phù hợp với Khoản 8 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020.
8	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này	1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này	Để thống nhất nội dung giữa các Điều trong Điều lệ

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
9	Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp . Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành theo phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp . Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	- Để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. - Phù hợp với Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.
10		14. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.	14. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.	Để thống nhất nội dung giữa các Điều trong Điều lệ
11	Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. 2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. 3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. 2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. 3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.</p>	

PHỤ LỤC 2

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

(Đính kèm Tờ trình số 13/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar))

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Mục q, Khoản 3, Điều 11, Chương III	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
2	Điều 13	Các thuật ngữ, từ viết tắt về “ Ban Kiểm soát ” hoặc “ thành viên Ban Kiểm soát ”.	Bỏ các thuật ngữ, từ viết tắt về “ Ban Kiểm soát ” hoặc “ thành viên Ban Kiểm soát ”. Bỏ mục d, khoản 1.	
3	Điều 15: Mục a, Khoản 3:	Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	
4	Điều 15: Khoản 7:	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các	<i>Bỏ khoản này</i>	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.		
5	Điều 15: Mục e, Khoản 11	Thành viên ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết	<i>Bỏ khoản này</i>	
6	Điều 17, 22	Các thuật ngữ, từ viết tắt về “ Ban Kiểm soát ” hoặc “ thành viên Ban Kiểm soát ”.	Thay bằng các thuật ngữ, từ viết tắt về “ Ủy ban kiểm toán ” hoặc “ thành viên Ủy ban kiểm toán ”.	
7	Điều 23	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2021.	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 04 năm 2025.	

PHỤ LỤC 3

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

(Đính kèm Tờ trình số 13/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar))

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Chương 1: Điều 1: Khoản 1, Khoản 2; Điều 2: Khoản 5; Chương 6. Mục 1, Mục 2	Các thuật ngữ, từ viết tắt về “Ban Kiểm soát” hoặc “thành viên Ban Kiểm soát” .	Thay bằng các thuật ngữ, từ viết tắt về “Ủy ban kiểm toán” hoặc “thành viên Ủy ban kiểm toán” .	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
2	Chương 1 Điều 2: Khoản 6	Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt: VSD: là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt: VSDC: là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	Điều chỉnh theo tên viết tắt của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
3	Chương 2: Mục 2: Điều 3: Khoản 2 Điểm a; Điều 7: Khoản 3: Điểm b; Điều 11: Khoản 2, Khoản 10, Khoản 11, Khoản 12; Điều 14: Khoản 1; Điều 16: Khoản 2; Điều 21: Điểm d; Điều 23: Khoản 4; Điều 31: Điểm b; Chương 3: Mục 1: Điều 46: Khoản 5; Mục 4:	Các thuật ngữ, từ viết tắt về “Ban Kiểm soát” hoặc “thành viên Ban Kiểm soát” .	Bỏ các thuật ngữ, từ viết tắt về “Ban Kiểm soát” hoặc “thành viên Ban Kiểm soát” .	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	Điều 58: Điểm a Khoản 1; Chương 5: Điều 82 Điểm b.			
4	Chương 2 Mục 2 Điều 3: Khoản 2 Điểm b	Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;	<i>(Bỏ điều khoản này)</i>	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
5	Chương 2 Mục 2 Điều 3: Khoản 2 Điểm c	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
6	Chương 2 Mục 2 Điều 4: Khoản 1 Điểm a	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
7	Chương 2 Mục 2 Điều 11 Khoản 7, Khoản 8	7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; 8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;	<i>(Bỏ điều khoản này)</i>	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
8	Chương 2 Mục 2 Điều 11		Bổ sung: Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Căn cứ theo Khoản 1 Điều 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
9	Chương 2 Mục 2 Điều 11: Khoản 21; Điều 21: Điểm j.	Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;	Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
10	Chương 3 Mục 4 Điều 59	Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	Thông báo họp Hội đồng quản trị	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
11	Chương 3 Mục 4 Khoản 2 Điều 59	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	<i>(Bỏ điều khoản này)</i>	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát,

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.		thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
12	Chương 3 Mục 4 Điểm e Khoản 3 Điều 61	Thành viên ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	<i>(Bỏ điều khoản này)</i>	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
13	Chương 4	Chương 4 – Ban kiểm soát, bao gồm 8 điều.	Thay bằng Chương 4 - Ủy Ban Kiểm toán, bao gồm 3 điều (Chi tiết theo toàn văn Quy chế đính kèm Tờ trình này).	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
14	Điều 88 Chương 6	Thông báo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cho Ban Kiểm soát	<i>(Bỏ điều khoản này)</i>	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
15	Chương 6, Điều 88: khoản 3	3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.	Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của HĐQT/Chủ tịch HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT/Chủ tịch HĐQT và trước pháp luật về thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Theo nghị quyết 01/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của HĐQT

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
16	Điểm a Khoản 1 Điều 90 Chương 6	Các trường hợp Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT.	Các trường Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT: (bỏ Điểm a của Khoản 1 Điều này)	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty từ điểm a chuyển sang điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh nghiệp (không còn Ban Kiểm soát, thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT)
17	Khoản 1 Điều 99	Quy chế này gồm 08 Chương, 99 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.	Quy chế này gồm 08 Chương, 93 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.	Phù hợp số lượng điều khoản sau khi thay đổi của Quy chế.

Số: 14/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) như sau:

Tại khu vực thành phố Đà Lạt có Viện Nghiên cứu Hạt nhân Đà Lạt (đã bắt đầu vận hành từ năm 1963) với lò phản ứng hạt nhân đang hoạt động – đây là lò phản ứng hạt nhân duy nhất tại Việt Nam nghiên cứu và tạo ra các sản phẩm từ phóng xạ. Với lợi thế về vị trí địa lý có thể thuận tiện lấy nguồn đồng vị phóng xạ, việc xây dựng một nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt có rất nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

Vì vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt với một số thông tin cơ bản như sau:

1. Thông tin và quy mô dự án

- Diện tích nhà máy: Từ 3.000 m² đến 5.000 m².
- Công nghệ chính:
 - Cyclotron: Sản xuất đồng vị như F-18, Cu-64, C-11.
 - Hot Cell (Phòng nóng): Đóng gói và chế tạo dược chất phóng xạ.
 - Hệ thống kiểm soát chất lượng: Đảm bảo tiêu chuẩn GMP-WHO.
- Tổng mức đầu tư: 200 – 300 tỷ VNĐ.
- Kế hoạch triển khai dự kiến:
 - Giai đoạn 1 (2025 – 2026): Nghiên cứu thị trường, xin cấp phép, kêu gọi đầu tư, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.
 - Giai đoạn 2 (2026 – 2027): Xây dựng nhà máy, lắp đặt thiết bị, vận hành thử nghiệm.
 - Giai đoạn 3 (2027 trở đi): Sản xuất thương mại, mở rộng thị trường.

2. Mục tiêu và lợi ích của dự án

- Mục tiêu dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ để phục vụ cho nhu cầu chuẩn đoán và điều trị bệnh ung thư bằng công nghệ y học hạt nhân, đáp ứng thị trường trong nước và khu vực trên thế giới.
- Lợi ích về kinh tế: tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp cho người dân địa phương.
- Lợi ích về xã hội: đáp ứng nhu cầu cấp bách về dược phóng xạ cho các bệnh viện và trung tâm y học hạt nhân, giảm thiểu sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

- Lợi ích về môi trường: cung cấp các giải pháp điều trị ung thư, nâng cao chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân.

3. Dự kiến doanh thu, lợi nhuận và thời gian hoàn vốn

- Tổng doanh thu dự kiến: **158 – 240 tỷ VNĐ/năm**
- Lợi nhuận gộp (sau khi trừ chi phí vận hành): 25 – 50% doanh thu.
- Lợi nhuận ròng (sau thuế): 25 – 35% doanh thu.
- Dự kiến thu hồi vốn trong 5 – 7 năm (tùy vào tốc độ mở rộng thị trường).

4. Các phương án huy động vốn cho dự án

- Vốn chủ sở hữu: Công ty góp vốn hoặc huy động từ cổ đông; và/hoặc
- Vốn vay từ các ngân hàng thương mại, quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức tài chính; và/hoặc
- Kêu gọi đầu tư từ các đối tác chiến lược; và/hoặc
- Kết hợp vốn nhà nước và doanh nghiệp tư nhân (Hợp tác công – tư), tiếp cận và tham gia các chương trình hỗ trợ dự án của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt như nêu trên.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Nghiên cứu chi tiết tính khả thi của dự án, đàm phán các điều kiện, điều khoản góp vốn;
 - Quyết định cụ thể số tiền đầu tư dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - Hoàn thiện hồ sơ và gửi xin chủ trương đến các cơ quan ban ngành có liên quan đến dự án;
 - Quyết định nguồn vốn sử dụng để thực hiện hoạt động đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn nguồn vốn huy động từ các đợt chào bán cổ phiếu được ĐHĐCĐ thông qua và trong phạm vi HĐQT được quyết định);
 - Trong các trường hợp phát sinh khác, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền điều chỉnh Kế hoạch đầu tư dự án trong phạm vi đã được ĐHĐCĐ thông qua để phù hợp theo tình hình thực tế và báo cáo cho ĐHĐCĐ trong các kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 15/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) như sau:

Việt Nam sở hữu đa dạng sinh học phong phú với hơn 5.000 loài thực vật có giá trị dược liệu. Xu hướng sử dụng dược liệu tự nhiên ngày càng tăng do đặc tính an toàn cao hơn. WHO thống kê hơn 80% dân số thế giới dùng thuốc từ tự nhiên trong chăm sóc sức khỏe. Việt Nam có tiềm năng phát triển ngành dược liệu nhưng đối mặt với nguy cơ cạn kiệt do khai thác quá mức và biến đổi khí hậu. Chiến lược phát triển dược liệu quốc gia đến năm 2030 đang hướng đến bảo tồn và phát triển bền vững. Lâm Đồng với điều kiện tự nhiên thuận lợi, đang đẩy mạnh phát triển dược liệu nhờ chính sách hỗ trợ và công nghệ sinh học. Việc phát triển bền vững ngành dược liệu không chỉ bảo tồn đa dạng sinh học mà còn góp phần phát triển kinh tế xanh và nông nghiệp bền vững.

Vì vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu với một số thông tin cơ bản như sau:

1. Mục tiêu của dự án

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống, trồng trọt và chế biến dược liệu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.
- Phát triển vùng nguyên liệu bền vững, đảm bảo nguồn cung ổn định cho sản xuất dược phẩm và thực phẩm chức năng.
- Góp phần bảo tồn và khai thác bền vững dược liệu quý hiếm, nâng cao giá trị ngành dược liệu Việt Nam.

2. Phạm vi thực hiện:

- **Địa điểm:** Các khu vực phù hợp tại Lâm Đồng và vùng phụ cận.

- **Đối tượng dược liệu nghiên cứu và phát triển:**

- Tắc kè đá (*Drynaria bonii*)
- Tắc kè đá lá sồi (*Drynaria quercifolia*)
- Cốt toái bồ (*Drynaria fortunei*)
- Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*)
- Nữ lang (*Valeriana hardwickii*)
- Na rừng (*Annona Glabra*)
- Đàn hương (*Santalum album*)
- Trầm hương (*Aquilaria crassna Pierre ex Lecomte*)
- Một số dược liệu khác.

3. Nội dung chính của dự án

- **Nghiên cứu nhân giống:** Ứng dụng công nghệ mô tế bào, nuôi cấy invitro để nhân giống dược liệu với chất lượng cao, giảm phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên.
- **Trồng trọt:** Xây dựng mô hình canh tác theo tiêu chuẩn GACP-WHO, đảm bảo chất lượng và hiệu quả khai thác.
- **Chế biến:** Ứng dụng công nghệ sấy thăng hoa, chiết xuất bằng dung môi sinh học, vi nang hóa hoạt chất nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.
- **Xây dựng chuỗi giá trị:** Liên kết với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp dược phẩm để phát triển sản phẩm thương mại.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 15 tỷ
- Nguồn vốn: Vốn tự có, vốn vay ưu đãi và các nguồn hợp tác khác.

5. Hợp tác nghiên cứu và phát triển:

- Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) là đơn vị chủ trì; Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng là đơn vị phối hợp.
- **Hợp tác nghiên cứu:** cùng tham gia hợp tác nghiên cứu với Tập đoàn Đan Hương Việt Nam (VSG) và một số đơn vị khác trong lĩnh vực ứng dụng, phát triển công nghệ sinh học trong trồng trọt và chế biến dược liệu.

6. Hiệu quả dự kiến

- Đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng cao, ổn định cho sản xuất dược phẩm.
- Gia tăng giá trị kinh tế từ dược liệu, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu.
- Tạo việc làm và phát triển kinh tế bền vững tại địa phương.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống, trồng trọt và chế biến một số dược liệu quý hiếm: Cốt toái bồ (*Drynaria fortunei*), Tắc kè đá (*Drynaria bonii*), Tắc kè đá lá sồi (*Drynaria quercifolia*), Nữ lang (*Valeriana hardwickii*), Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*), Na rừng (*Annona Glabra*), Đan hương (*Santalum album*), Trầm hương (*Aquilaria crassna Pierre ex Lecomte*) và một số dược liệu quý khác tại Lâm Đồng và vùng phụ cận như nêu trên.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Nghiên cứu chi tiết tính khả thi của dự án, đàm phán các điều kiện, điều khoản góp vốn;
 - Quyết định cụ thể số tiền đầu tư dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - Hoàn thiện hồ sơ và gửi xin chủ trương đến các cơ quan ban ngành có liên quan đến dự án;
 - Quyết định nguồn vốn sử dụng để thực hiện hoạt động đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn nguồn vốn huy động từ các đợt chào bán cổ phiếu được ĐHĐCĐ thông qua và trong phạm vi HĐQT được quyết định);
 - Trong các trường hợp phát sinh khác, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền điều chỉnh Kế hoạch đầu tư dự án trong phạm vi đã được ĐHĐCĐ thông qua để phù hợp theo tình hình thực tế và báo cáo cho ĐHĐCĐ trong các kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM TRUNG KIÊN



Số: 16/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO₂ siêu tới hạn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) như sau:

Trong bối cảnh ngành công nghiệp dược liệu đang phát triển mạnh mẽ và nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm chiết xuất từ thiên nhiên ngày càng tăng, HĐQT nhận thấy việc nghiên cứu đầu tư và triển khai Đề án Phân xưởng Chiết xuất Dược liệu CO₂ Siêu tới hạn sẽ đem lại nhiều cơ hội phát triển và mở rộng quy mô sản xuất của Công ty. Đây là bước đi chiến lược nhằm tận dụng lợi thế về nguồn nguyên liệu dược liệu phong phú tại tỉnh Lâm Đồng, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và gia nhập thị trường xuất khẩu.

Công nghệ chiết xuất CO₂ siêu tới hạn được xem là giải pháp tiên tiến nhất hiện nay trong ngành dược phẩm và thực phẩm chức năng, giúp thu được các hoạt chất tinh khiết mà không làm biến đổi cấu trúc hóa học của chúng. Việc ứng dụng công nghệ này không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn đảm bảo tính bền vững trong sản xuất, thân thiện với môi trường. Đề án này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của ngành dược liệu tại Việt Nam.

Vì vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO₂ siêu tới hạn với một số thông tin cơ bản như sau:

1. Thông tin chung về đề án

- Tên đề án: Xây dựng phân xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO₂ siêu tới hạn tại Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).
- Chủ đầu tư: Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)..
- Mục tiêu đề án:
 - Sản xuất các sản phẩm chiết xuất dược liệu tinh khiết, bao gồm dầu hạt đàn hương, tinh dầu từ gỗ đàn hương, tinh dầu thảo dược (trà xanh, gừng) và hoạt chất sinh học (curcumin, lycopene).
 - Đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu với sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ, tinh khiết.

- Tận dụng nguồn dược liệu tại Lâm Đồng và phát triển cây đàn hương nhằm gia tăng giá trị kinh tế.
 - Thời gian thực hiện: 2025-2030.
 - Địa điểm: Khu công nghiệp Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- 2. Cơ sở xây dựng đề án**
- Thực trạng ngành dược liệu tại Lâm Đồng:
 - Lâm Đồng là một trong những địa phương có điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng thuận lợi để phát triển các loại dược liệu, đặc biệt là đàn hương, trà xanh, nghệ và gừng.
 - Hiện tại, việc chế biến sâu các loại dược liệu tại Lâm Đồng vẫn chưa được khai thác tối đa, chủ yếu xuất thô hoặc sơ chế đơn giản, dẫn đến giá trị kinh tế chưa cao.
 - Chính quyền địa phương đang khuyến khích phát triển các dự án công nghệ cao trong chế biến dược liệu nhằm gia tăng giá trị sản phẩm và thúc đẩy ngành dược liệu phát triển bền vững.
 - Nhu cầu thị trường:
 - Dầu hạt đàn hương: Giá quốc tế 150-300 USD/lít, ứng dụng trong mỹ phẩm cao cấp.
 - Tinh dầu gỗ đàn hương: Giá 1.000-2.000 USD/lít, phục vụ ngành nước hoa và đông dược.
 - Tinh dầu thảo dược và hoạt chất sinh học có mức tăng trưởng 10-15%/năm.
 - Lợi thế công nghệ CO2 siêu tới hạn:
 - Chiết xuất tinh dầu tinh khiết, không dư lượng dung môi, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
 - Giữ nguyên hoạt chất sinh học có lợi, không gây biến đổi hóa học trong sản phẩm.
 - Thân thiện với môi trường, tái tuần hoàn CO2 lên đến 95%, không gây ô nhiễm khí thải.
 - Ứng dụng linh hoạt cho nhiều loại dược liệu khác nhau, từ cây thân gỗ (đàn hương) đến thảo dược (trà xanh, gừng).
- 3. Nội dung dự án:**
- Quy mô đầu tư:
 - Diện tích phân xưởng: 5.000 m².
 - Dây chuyền công nghệ CO2 siêu tới hạn công suất 100 lít/m³.
 - Vùng nguyên liệu: 300 ha (100 ha đàn hương, 200 ha dược liệu khác).
 - Giai đoạn thực hiện:
 - 2025: Nghiên cứu, xin cấp phép, mua thiết bị.
 - 2026: Xây dựng, lắp đặt dây chuyền.
 - 2027: Vận hành thử, sản xuất lô đầu tiên.
 - 2028-2030: Tăng công suất, mở rộng thị trường.
 - Sản phẩm dự kiến:
 - Dầu hạt đàn hương: 5.000 lít/năm.
 - Tinh dầu gỗ đàn hương: 2.000 lít/năm.
 - Tinh dầu thảo dược: 18.000 lít/năm.
 - Hoạt chất sinh học: 5 tấn/năm.
- 4. Phân tích kinh tế - tài chính**
- Tổng vốn đầu tư: 157,5 tỷ VND (~6,3 triệu USD), gồm:
 - Xây dựng phân xưởng: 50 tỷ VND.
 - Dây chuyền CO2 siêu tới hạn: 20 tỷ VND.

- Thiết bị phụ trợ, vùng nguyên liệu, vốn lưu động: 87,5 tỷ VND.
- Nguồn vốn sử dụng cho dự án:
 - Vốn tự có: 52,5 tỷ VND (33%).
 - Vay ngân hàng: 105 tỷ VND (67%), kỳ hạn 7 năm, lãi suất 8,2%/năm.
- Doanh thu dự kiến: 9,2 triệu USD/năm (~230 tỷ VND).
- Lợi nhuận sau thuế: ~97 tỷ VND/năm.
- Thời gian hoàn vốn: 4 năm (2028-2032).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO₂ siêu tới hạn như nêu trên.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Nghiên cứu chi tiết tính khả thi của dự án, đàm phán các điều kiện, điều khoản góp vốn;
 - Quyết định cụ thể số tiền đầu tư dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - Hoàn thiện hồ sơ và gửi xin chủ trương đến các cơ quan ban ngành có liên quan đến dự án;
 - Quyết định nguồn vốn sử dụng để thực hiện hoạt động đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn nguồn vốn huy động từ các đợt chào bán cổ phiếu được ĐHĐCĐ thông qua và trong phạm vi HĐQT được quyết định);
 - Trong các trường hợp phát sinh khác, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền điều chỉnh Kế hoạch đầu tư dự án trong phạm vi đã được ĐHĐCĐ thông qua để phù hợp theo tình hình thực tế và báo cáo cho ĐHĐCĐ trong các kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN



Số: 17/TTr-DHTN/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thông qua việc tiếp tục thực hiện các Phương án phát hành cổ phiếu.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10/04/2024;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;
- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2024;

Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, ĐHĐCĐ đã thông qua một số nội dung, đồng thời ĐHĐCĐ đã giao/ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện. Vì vậy Hội đồng quản trị kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 thông qua một số nội dung như sau:

I. Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ năm 2024

Trong năm 2024, HĐQT đã nhận nhiệm vụ được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ và đã hoàn thành các công việc. Cụ thể:

1. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 theo tờ trình số 08/TTr-DHTN/2024 ngày 19/3/2024;
2. Xem xét, lựa chọn và quyết định các phương án, hình thức vay vốn theo tờ trình số 10/TTr-DHTN/2024 ngày 19/3/2024;
3. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty theo tờ trình 11A/TTr-DHTN/2024 ngày 6/4/2024;

II. Báo cáo các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ năm 2023, năm 2024 nhưng chưa hoàn thành:

HĐQT đã nhận ủy quyền từ ĐHĐCĐ các nội dung nhưng chưa hoàn thành như sau:

1. Về việc thu hồi và quản lý con dấu theo Nghị quyết số 178/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2023 ngày 20/12/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 trong đó HĐQT đã xin ý kiến ĐHĐCĐ hủy 01 con dấu công ty do bà Lê Thị Minh Thùy – Nguyên Tổng giám đốc đang giữ/quản lý. Tuy nhiên, đến ngày 28/02/2025 Công ty mới nhận được con dấu Bà Lê Thị Minh Thùy trao trả theo Quyết định thi hành án chủ động số 899/QĐ-CCTHADS ngày 25/2/2025 của Cục thi hành án dân sự TP. Đà Lạt. Công ty đã tiến hành hủy Con dấu này sau khi nhận được theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 nêu trên.
2. Chủ trương đầu tư góp vốn, mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Nông sản và Dược liệu Trà My theo Tờ trình số 18/Tr-DHTN/2024. Sau thời gian nghiên cứu chi tiết tính khả thi của dự án, HĐQT nhận thấy thời điểm này chưa phù hợp để đầu tư hạng mục này, vì vậy HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ sẽ tạm ngưng triển khai dự án đầu tư góp vốn, mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Nông sản và Dược liệu Trà My.
3. Về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động theo tờ trình số 17/TTr-DHTN/2024 ngày 10/4/2024 và tờ trình về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo tờ trình số 12A/TTr-DHTN/2024 ngày



10/4/2024: Chi tiết tại Báo cáo số 19/BC-HĐQT/LDP/2025 đính kèm Tờ trình này.

III. HĐQT xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:

Nhằm tiếp tục triển khai Phương án Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động “ESOP” đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10/04/2024, đảm bảo tiến độ phát hành như dự kiến, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục quyết định và thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Tiếp tục triển khai các công việc có liên quan để thực hiện Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) theo phương án đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10/04/2024;
- Tiến hành giải trình chi tiết các Hồ sơ phát hành theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai phương án phát hành, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông, Công ty, đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- Triển khai phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành theo đúng mục đích đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Báo cáo về tiến độ triển khai phương án phát hành trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo;
- Thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn thành đợt phát hành;
- Sau khi hoàn thành phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến việc đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, đăng ký chứng khoán giao dịch bổ sung với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, thay đổi vốn điều lệ tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Đại hội đồng cổ đông phê duyệt sửa đổi Điều lệ về nội dung Vốn điều lệ tại Khoản IV Điều 6 theo mức vốn điều lệ được Cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận, giao cho Hội đồng quản trị sửa đổi điều lệ và hợp nhất các nội dung sửa đổi vào Điều lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất về sửa đổi điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM TRUNG KIÊN



Số: 19/BC-HDQT/LDP/2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO

**V/v: Triển khai các Phương án Phát hành cổ phiếu theo
Chương trình lựa chọn cho Người lao động (“ESOP”)
và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Căn cứ Tờ trình số 17/TTr-DHTN/2024 về Phương án Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động (“ESOP”) và tờ trình số 12A/TTr-DHTN/2024 về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10/04/2024 và tình hình triển khai thực tế, Hội đồng quản trị (HDQT) kính báo cáo ĐHĐCĐ về việc thực hiện triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau:

A. Về Phương án Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người Lao động (ESOP):

I. Tiến độ triển khai đã thực hiện

1. Giai đoạn 1: Từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 10/04/2024 đến trước ngày 19/03/2025

Theo nội dung về Ủy quyền tại mục IV của Tờ trình số 17/TTr-DHTN/2024 được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2024, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HDQT triển khai các công việc liên quan đến Phát hành cổ phiếu ESOP. Cụ thể, HDQT đã chủ động rà soát và triển khai thực hiện các công việc như sau:

- Thương thảo, ký kết Hợp đồng tư vấn với Công ty Chứng khoán;
- Tổng hợp số liệu thực tế để xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết;
- Xây dựng bộ Quy chế ESOP; chọn lọc, lập danh sách Cán bộ nhân viên đủ điều kiện tham gia Chương trình ESOP.
- Xây dựng Phương án chào bán chi tiết theo các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền quyết định.

2. Giai đoạn 2: Tiến hành nộp Hồ sơ, tài liệu lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Đối với tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP:

- Ngày 13/06/2024, HDQT đã tiến hành họp thông qua Nghị quyết HDQT số 15/NQ-HDQT/2024 về việc thông qua Quy chế và các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và Nghị quyết số 16/NQ-HDQT/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Ngày 19/06/2024, Công ty đã tiến hành nộp bộ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Do thời gian xử lý hồ sơ kéo dài, dẫn đến các điều khoản tại Quy chế ESOP số liệu trên Báo cáo tài chính không được cập nhật sát với tình hình thực tế hiện tại. Do đó, tại ngày 17/03/2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp và ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HDQT/LDP/2025 thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và Nghị quyết số 11/NQ-HDQT/LDP/2025 thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế và các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Ngày 19/03/2025, Công ty đã tiến hành nộp bộ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



- Ngày 02/04/2025 Công ty nhận được công văn số 539/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của LDP. Công ty đang tiến hành giải trình và bổ sung hồ sơ theo công văn nêu trên.

II. Kế hoạch dự kiến triển khai

HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến đợt Phát hành cổ phiếu ESOP theo các nội dung được ủy quyền, đồng thời chỉ đạo, đôn đốc các Phòng, Ban và cá nhân liên quan theo sát tiến độ công việc và báo cáo ngay khi phát sinh vướng mắc nhằm đảm bảo thời gian chào bán dự kiến mà công ty đã đề ra.

Nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT cam kết sẽ tiếp tục báo cáo về tiến độ triển khai Phương án Phát hành cổ phiếu ESOP trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

B. Về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ:

I. Tiến độ triển khai đã thực hiện

1. Giai đoạn 1: Từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 10/04/2024 đến trước ngày 19/03/2025

Theo nội dung về Ủy quyền tại mục IV của Tờ trình số 12B/TTr-DHTN/2024 được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2024, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT triển khai các công việc liên quan đến đợt Chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Cụ thể, HĐQT đã chủ động rà soát và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến đợt chào bán như sau:

- Thương thảo, ký kết Hợp đồng tư vấn Chào bán cổ phiếu riêng lẻ với Công ty Chứng khoán;
- Tổng hợp số liệu thực tế để xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết;
- Tìm kiếm và lựa chọn Nhà đầu tư có nhu cầu tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ đáp ứng tiêu chí về Nhà đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Xây dựng Phương án chào bán chi tiết theo các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền quyết định.

2. Giai đoạn 2: Tiến hành nộp Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 17/03/2025, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và thông qua Nghị quyết HĐQT số 08/NQ-HQĐT/LDP/2025 về việc triển khai tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Ngày 19/03/2025, Công ty đã tiến hành nộp Hồ sơ Chào bán cổ phiếu riêng lẻ tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 08/04/2025 Công ty nhận được công văn số 827/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của LDP.

II. Kế hoạch dự kiến triển khai

HQĐT trình ĐHĐCĐ ngưng triển khai thực hiện Phương án Chào bán Cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua và thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mới để đảm bảo việc Chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công.

Hội đồng quản trị kính Báo cáo./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM TRUNG KIÊN



Số: 18/TTr-DHTN2025

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v: thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho
Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký Công ty đại chúng và hủy tư cách Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) (“Công ty”);
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025;
- Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10/04/2024 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 như sau:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10/04/2024 đã thông qua Tờ trình số 12A/TTr-DHTN/2024 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sau đây viết tắt là “Chào bán cổ phiếu riêng lẻ”), Hội đồng quản trị đã tiến hành triển khai các nhiệm vụ liên quan đến việc Chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Tuy nhiên, do các yếu tố khách quan từ thị trường và tình hình kinh doanh, việc triển khai thực hiện phương án chào bán cũ đã và đang gặp một số khó khăn như sau:

- Tình hình kinh doanh của Công ty có sự biến động, do đó cần điều chỉnh lại kế hoạch sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế.
- Thời gian xử lý hồ sơ kéo dài, dẫn đến các nội dung tại Phương án Chào bán và số liệu trên Báo cáo tài chính không còn phản ánh đầy đủ tình hình hiện tại, cần thiết phải cập nhật, bổ

sung các nội dung nói trên.

Do đó, để đảm bảo việc Chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc hủy bỏ phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
2. Thông qua “**Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ**”, cụ thể như sau:

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty.

Nay xây dựng phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

B. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP

I. Phương án chào bán

1.	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
2.	Mã chứng khoán	:	LDP
3.	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng (<i>Mười nghìn đồng</i>)/cổ phiếu
4.	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
5.	Số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành	:	12.703.135 cổ phiếu
6.	Số lượng cổ phiếu quỹ	:	32 cổ phiếu
7.	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	127.031.670.000 đồng (<i>Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ không trăm ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.</i>)
8.	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa	:	13.640.000 cổ phiếu
9.	Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa theo mệnh giá	:	136.400.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu tỷ bốn trăm triệu chẵn.</i>)
10.	Mức tăng vốn điều lệ dự kiến	:	136.400.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn.</i>)

11.	Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	26.343.135 cổ phiếu
12.	Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	263.431.670.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi ba tỷ bốn trăm ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn..)
13.	Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
14.	Giá chào bán	:	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán nhưng không thấp hơn 11.000 đồng/cổ phiếu.
15.	Đối tượng chào bán	:	Các cá nhân và/hoặc tổ chức là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong nước.
16.	Tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán	:	<p>Nhà đầu tư trong nước phải đáp ứng tiêu chí là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo Điều 11 Luật Chứng khoán, là nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán, bao gồm:</p> <p>(1) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>(2) Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;</p> <p>(3) Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;</p> <p>(4) Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;</p> <p>(5) Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.</p>
17.	Số lượng nhà đầu tư dự kiến chào bán	:	Dự kiến chào bán cho dưới 100 Nhà đầu tư là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
18.	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho từng Nhà đầu	:	Tùy thuộc vào năng lực tài chính và sự cam kết của các nhà đầu tư trên cơ sở thỏa thuận và các nội dung hợp tác

	tư		của các bên. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thông qua danh sách, số lượng nhà đầu tư được tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ; quyết định số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư.
19.	Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có)	:	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT trị ra quyết định chào bán số lượng cổ phiếu không phân phối hết cho các đối tượng khác theo các điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho các Nhà đầu tư tại phương án này sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.
20.	Điều kiện chuyển nhượng	:	Số lượng cổ phiếu chào bán bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
21.	Thời gian dự kiến phát hành	:	Dự kiến trong năm 2025, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian phát hành phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và Công ty
22.	Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	:	Toàn bộ số cổ phiếu trong đợt chào bán này được phân phối cho nhà đầu tư trong nước. Số lượng cổ phiếu phát hành hoặc phân phối lại (nếu có) cho nhà đầu tư nước ngoài trong đợt phát hành riêng lẻ này là 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ Công ty), đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục theo quy định (nếu có) nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
23.	Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến	:	Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán và thời gian gia hạn (nếu có) mà Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn sử dụng nguồn vốn khác như vay ngân hàng, cá nhân, và/hoặc các giải pháp khác đảm bảo phù

		hợp với quy định của pháp luật và quy định của nội bộ Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.
--	--	--

24. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu:

Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ có thể gây ra rủi ro pha loãng như: (i) pha loãng giá cổ phiếu; (ii) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iv) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, cụ thể như sau:

(i) Pha loãng giá cổ phiếu

Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ không ảnh hưởng kỹ thuật đến giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường. Đồng thời, việc cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng ít nhất 01 năm kể từ thời điểm hoàn tất chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật nên áp lực từ nguồn cung ra thị trường thấp, do đó ít gây ảnh hưởng đến giá cổ phiếu lưu hành.

(ii) Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS)

Lợi nhuận ròng trên một cổ phiếu được tính bằng công thức:

$$\text{EPS điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập ròng trên một cổ phiếu sẽ bị thay đổi theo hướng giảm xuống do số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên trong khi tăng trưởng lợi nhuận sẽ có độ trễ nhất định.

(iii) Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu sau khi pha loãng} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Tổng số cổ phiếu sau khi chào bán}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể giảm trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.

Tuy nhiên, EPS và giá trị sổ sách trên một cổ phần điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời. Bởi với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới kỳ vọng sẽ đạt được những hiệu quả nhất định, tạo đà tăng trưởng đáng kể trong những năm tiếp theo.

(iv) Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho các đối tượng không phải là cổ đông hiện hữu cũng làm giảm tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ phát hành thêm.

II. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán



Trong trường hợp Công ty chào bán riêng lẻ thành công 13.640.000 cổ phiếu với giá 11.000 đồng/cổ phiếu, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được này cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Thanh toán các khoản nợ vay của Công ty (bao gồm nợ vay ngân hàng và nợ trái phiếu)	58.510.000.000	Dự kiến trong năm 2025 Sau khi hoàn thành đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế
2	Mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	25.750.000.000	
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO ₂ siêu tới hạn.	65.780.000.000	
Tổng		150.040.000.000	

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết và có thể linh hoạt điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn, hạng mục sử dụng chi tiết và thời gian giải ngân và báo cáo cho ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị được thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% trên tổng số tiền huy động được và báo cáo cho ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động phân bổ số tiền tăng thêm (trong trường hợp tổng số tiền thu được từ đợt chào bán vượt hơn tổng số tiền huy động tạm tính nêu trên) để bổ sung vốn lưu động và báo cáo cho ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất.

III. Niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thêm sẽ được Công ty thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết bổ sung theo quy định.

IV. Ủy quyền

Ngoài các nội dung được ủy quyền riêng biệt nêu trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Thực hiện các công việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp:

- Xây dựng Phương án Chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Chủ động lập và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán riêng lẻ gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp triển khai việc chào bán sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được đầy đủ hồ sơ, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

- Xây dựng, điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ của Công ty.

- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phần phát hành tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án phát hành hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

b) Thực hiện việc sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt chào bán.

c) Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy phép của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt chào bán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Quyết định sử dụng phần vốn thặng dư thu được từ đợt chào bán/phát hành trong trường hợp cổ phiếu chào bán cao hơn mệnh giá.

e) Toàn quyền thực hiện các công việc khác có liên quan mà HĐQT thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

f) HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.



Phạm Trung Kiên

TP. Đà Lạt, ngày ... tháng ... năm 2025

**PHIẾU BIỂU QUYẾT****tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**

Tên cổ đông / Đại diện được ủy quyền:

Mã số:

Số cổ phần được quyền biểu quyết:.....

Trong đó: + Số cổ phần sở hữu:

+ Số cổ phần được ủy quyền:

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

(Vui lòng đánh dấu “X” hoặc “✓” vào 1 trong 3 ô chọn)

T T	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo năm 2024 và định hướng năm 2025 của Hội đồng quản trị. (theo Báo cáo số 03/BC-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo năm 2024 của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị. (theo Báo cáo số 04/BC-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Thành viên độc lập HĐQT Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2024 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2025. (theo Báo cáo số 05/BC-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Tổng Giám đốc Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Báo cáo năm 2024 của Ban Kiểm soát. (theo Báo cáo số 06/BC-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Ban Kiểm soát Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025. (theo Tờ trình số 07/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Ban Kiểm soát Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán. (theo Tờ trình số 08/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Tờ trình về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025. (theo Tờ trình số 09/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

T T	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
8	Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2025. (theo Tờ trình số 10/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2024. (theo Tờ trình số 11/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Tờ trình về khen thưởng năm 2024 và thù lao, khen thưởng năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị). (theo Tờ trình số 12/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty. (theo Tờ trình số 13/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt. (theo Tờ trình số 14/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Tờ trình về chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu. (theo Tờ trình số 15/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14	Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO2 siêu tới hạn. (theo Tờ trình số 16/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14	Tờ trình về việc báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHCĐ thường niên năm 2024 và thông qua việc tiếp tục thực hiện các Phương án phát hành cổ phiếu. (theo Tờ trình số 17/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15	Tờ trình về việc thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. (theo Tờ trình số 18/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Người biểu quyết
(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025**TP. Đà Lạt, ngày 24 tháng 04 năm 2025****DỰ THẢO****NGHỊ QUYẾT**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar, sau đây gọi tắt là “Công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/BB-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Đại hội) được tổ chức vào ngày 24/04/2025 tại Công ty CP Dược Lâm Đồng (Số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng), với tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và ủy quyền tham dự là cổ đông, đại diện cho ... cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội, chiếm ...% tổng số cổ phần của Công ty, đã thảo luận và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1: Thông qua các báo cáo:**

- 1.1. Báo cáo năm 2024 và định hướng năm 2025 của Hội đồng quản trị.
- 1.2. Báo cáo năm 2024 của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- 1.3. Báo cáo về Kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2025 của Tổng Giám đốc.
- 1.4. Báo cáo năm 2024 của Ban Kiểm soát.
- 1.5. Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán.

Điều 2: Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025 như sau:**2.1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:**

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;
- Có kinh nghiệm kiểm toán các công ty trong cùng lĩnh vực kinh doanh;
- Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Chi phí hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2.2. Phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 (một) trong 04 (bốn) Công ty kiểm toán độc lập dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo

tài chính năm 2025 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

2.3. Để công tác kiểm toán Báo cáo tài chính được thuận lợi, trong trường hợp Công ty không đàm phán được về giá và các điều kiện kiểm toán với các đơn vị kiểm toán nêu trên, hoặc trong trường hợp Công ty cần thay đổi đơn vị kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định lựa chọn 01 (một) đơn vị kiểm toán độc lập khác dựa trên các tiêu chí tại Mục 1 và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Điều 3: Thông qua Kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

3.1. Kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025:

Dvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025
1	Doanh thu thuần	354.932
	<i>Doanh thu hàng thương mại</i>	<i>107.010</i>
	<i>Doanh thu hàng sản xuất</i>	<i>245.066</i>
	<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.856</i>
2	Tổng chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động SX KD	111.523
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.000
4	Giá trị đầu tư tài sản	93.000
	<i>Đầu tư cải tạo/nâng cấp showroom Ngô Quyền</i>	<i>10.000</i>
	<i>Cải tạo vườn Xuân Thọ thành điểm thu hút khách du lịch</i>	<i>30.000</i>
	<i>Đề án cấp bộ: “Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống, trồng trọt và chế biến một số dược liệu quý”</i>	<i>15.000</i>
	<i>Đầu tư MMTB/phương tiện vận tải phục vụ SX-KD-QL-CL</i>	<i>38.000</i>

3.2. Trong các trường hợp có phát sinh khác, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2025 phù hợp theo tình hình thực tế và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông trong các kỳ họp gần nhất.

Điều 4: Thông qua hạn mức vay vốn năm 2025 của Công ty như sau:

4.1. Thông qua

- Vốn vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Vốn vay trung và dài hạn bằng hình thức vay vốn tại các tổ chức tín dụng và các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các tổ chức tài chính khác để thực hiện việc đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất cũng như các khoản đầu tư về nhận diện thương hiệu phục vụ hoạt động kinh doanh.

4.2. Dự kiến hạn mức vay vốn của từng khoản đầu tư như sau:

Dvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Vay vốn lưu động ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	150.000
2	Vay vốn vay trung và dài hạn cho các khoản đầu tư	150.000
	Tổng cộng	300.000

4.3. ĐHCĐ giao cho HĐQT xem xét, lựa chọn và quyết định các phương án, hình thức vay vốn để đảm bảo hiệu quả và nguồn vốn hoạt động theo tình hình thực tế.

Điều 5: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Mặc dù năm 2024 Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế tích cực, tuy nhiên vẫn còn khoản lỗ lũy kế từ các năm trước cần được xử lý để đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Do đó, lợi nhuận sau thuế năm 2024 sẽ được phân phối như sau:

- Trích 6 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 để bù đắp lỗ lũy kế của Công ty nhằm cải thiện tình hình tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng phát triển bền vững cho Công ty trong những năm tiếp theo.
- Không thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2024.

Điều 6: Thông qua việc khen thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị) như sau:

- Tổng số tiền khen thưởng: 800.000.000 VNĐ.
- Nguồn khen thưởng: trích lợi nhuận năm 2024 của Công ty.
- Mức khen thưởng của từng thành viên sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị thảo luận với các thành viên để thống nhất.

Điều 7: Thông qua mức thù lao, khen thưởng năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị) như sau:

6.1. Thù lao:

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	10.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	10.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	5.000.000
5	Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị)	5.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2025 dự kiến được chi 2 đợt, vào 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm.

6.2. Khen thưởng:

Trường hợp vượt kế hoạch lợi nhuận (sau thuế), Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc khen thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký.

Điều 8: Thông qua Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty.

- Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) từ Điểm a chuyển sang Điểm b – Khoản 1 – Điều 137 Luật Doanh Nghiệp 2020, cơ cấu tổ chức quản lý sau khi thay đổi như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; và
 - Tổng Giám đốc.
- 8.2. Theo nội dung thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý tại Khoản 8.1 Điều 8 Nghị quyết này, Ban kiểm soát sẽ chấm dứt hoạt động và thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ không còn giữ chức danh này.
- 8.3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty.

Chi tiết theo Tờ trình số 13/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 9: Thông qua Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt.

Chi tiết theo Tờ trình số 14/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 10: Thông qua Tờ trình về chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu.

Chi tiết theo Tờ trình số 15/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 11: Thông qua Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO₂ siêu tới hạn.

Chi tiết theo Tờ trình số 16/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 12: Thông qua Tờ trình báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thông qua việc tiếp tục thực hiện các Phương án phát hành cổ phiếu.

Chi tiết theo Tờ trình số 17/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 13: Thông qua việc hủy bỏ phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Chi tiết theo Tờ trình số 18/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 14: Thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Chi tiết theo Tờ trình số 18/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 15: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã được thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông/đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/04/2025.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Dược Lâm Đồng;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI****PHẠM TRUNG KIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	14 - 40
8. Phụ lục	41 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000047, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 22 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã LDP theo Quyết định số 604/TB-SGDCKHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 026 33 817 937

Công ty có các đơn vị trực thuộc: 3 chi nhánh ngoài tỉnh và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Miền Nam – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	B8 Khu nhà Thương mại Số 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Bắc – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ⁽ⁱ⁾	77 Phố Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Chi nhánh Miền Tây – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ⁽ⁱⁱ⁾	6-7 B4 Trịnh Văn Ấm, Phường Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng	

- (i) Chi nhánh Miền Bắc – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy xác nhận ngày 16 tháng 01 năm 2024 và hoạt động trở lại theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội.
- (ii) Chi nhánh Miền Tây – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 14 tháng 3 năm 2024 đến ngày 04 tháng 9 năm 2024 theo Giấy xác nhận số 2511/GXN-ĐKKD ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ và hoạt động trở lại theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2023 Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Hồ Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Ông Võ Quý Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đào Thị Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Tiên Thịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2025

Số: 1.0512/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Tập đoàn có khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (sau đây gọi tắt là “Công ty Bảo Thư”) với số tiền là 50.050.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất). Đây là khoản tiền mà Tập đoàn đã thực hiện đầu tư theo Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt và 02 Hợp đồng cho thuê Quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp Thăng Hải 1 ký kết giữa Tập đoàn và Công ty Bảo Thư. Tuy nhiên, đã sau hơn 2 năm kể từ khi Tập đoàn chuyển tiền đầu tư, các dự án trên đều không thực hiện được và Công ty Bảo Thư vẫn chưa thanh toán lại khoản tiền trên cho Tập đoàn. Ngày 18 tháng 02 năm 2025 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST và Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Tập đoàn tổng số tiền là 32.500.000.000 VND. Tuy nhiên với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của khoản công nợ này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

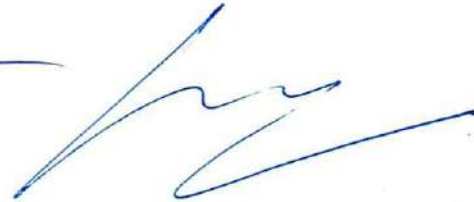


Hoàng Thái Vương

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền



Phan Vũ Công Bá

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.732.832.822	139.992.656.837
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.451.460.827	16.204.906.948
1. Tiền	111		4.451.460.827	7.204.906.948
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	9.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.692.324.000	3.121.184.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	8.132.580.000	6.101.680.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(5.440.256.000)	(4.980.496.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.103.640.638	82.246.942.927
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.456.284.741	27.859.116.481
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	51.826.302.557	50.273.152.766
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	8.000.333.300	8.000.333.300
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2.359.994.427	2.768.206.408
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(8.539.274.387)	(6.653.866.028)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		48.962.000.419	37.751.221.722
1. Hàng tồn kho	141	V.8	48.962.000.419	37.751.221.722
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.523.406.938	668.401.240
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.075.828.721	220.823.023
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	447.578.217	447.578.217
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.424.285.919	54.779.935.447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		162.400.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	162.400.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.773.409.103	46.558.515.051
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	39.704.811.854	46.329.044.488
- Nguyên giá	222		124.320.268.122	125.073.639.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.615.456.268)	(78.744.594.565)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	68.597.249	229.470.563
- Nguyên giá	228		2.198.133.777	2.208.153.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.129.536.528)	(1.978.683.214)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	2.270.906.487	2.370.089.871
- Nguyên giá	231		4.170.339.679	3.821.604.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.899.433.192)	(1.451.514.306)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.850.681.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	2.850.681.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.366.889.329	5.851.330.525
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	5.366.889.329	5.851.330.525
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207.157.118.741	194.772.592.284

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		107.872.622.506	102.407.049.050
I. Nợ ngắn hạn	310		106.102.892.506	100.687.319.050
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	31.544.895.647	23.549.023.169
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	733.950.194	945.667.536
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	990.363.739	562.224.459
4. Phải trả người lao động	314	V.18	7.536.730.224	3.577.839.287
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	7.683.875.760	3.632.217.403
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	134.181.820	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	1.938.596.095	1.335.986.332
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	55.026.209.724	65.960.116.553
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	514.089.303	1.124.244.311
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.769.730.000	1.719.730.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	1.769.730.000	1.719.730.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)


Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.284.496.235	92.365.543.234
I. Vốn chủ sở hữu	410		99.284.496.235	92.365.543.234
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	127.031.670.000	127.031.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		127.031.670.000	127.031.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(320.000)	(320.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	24.348.384.362	24.348.384.362
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	(52.095.238.127)	(59.014.191.128)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(59.014.191.128)	(59.014.191.128)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.918.953.001	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207.157.118.741	194.772.592.284


Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập



Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025


Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	218.430.916.713	186.308.476.729
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	473.159.410	307.760.265
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		217.957.757.303	186.000.716.464
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	153.567.357.354	148.835.019.074
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.390.399.949	37.165.697.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	331.278.579	846.132.157
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.040.737.944	7.664.322.348
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.978.613.417	7.026.592.246
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	30.928.157.490	29.943.047.377
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	20.182.106.170	19.569.325.820
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.570.676.924	(19.164.865.998)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	583.253.468	251.032.039
13. Chi phí khác	32	VI.9	234.977.391	1.191.036.114
14. Lợi nhuận khác	40		348.276.077	(940.004.075)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.918.953.001	(20.104.870.073)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.918.953.001	(20.104.870.073)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		6.918.953.001	(20.104.870.073)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	545	(1.583)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	545	(1.583)

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.918.953.001	(20.104.870.073)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	6.964.078.221	8.237.159.694
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, V.7	2.345.168.359	4.641.651.603
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(345.184.666)	140.986.025
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	4.978.613.417	7.026.592.246
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	690.200.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.861.628.332	631.719.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.904.506.070)	(2.572.400.690)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.210.778.697)	18.201.146.248
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.960.417.900	(9.415.232.283)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.370.564.502)	5.355.022.779
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	(2.030.900.000)	31.500.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(1.929.396.024)	(5.413.382.105)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(610.155.008)	(782.378.384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.765.745.931	6.035.995.060
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13	(2.930.469.889)	(59.054.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	63.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	281.548.302	538.641.616
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.585.285.223)	(1.520.412.434)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	118.841.525.996	117.631.774.534
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(129.775.432.825)	(122.561.006.247)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.933.906.829)	(4.929.231.713)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.753.446.121)	(413.649.087)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.204.906.948	16.618.556.035
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.451.460.827	16.204.906.948

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập



Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Lê Tiên Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng trưởng mạnh so với năm trước, chủ yếu tăng trưởng ở doanh thu nhóm hàng sản xuất. Một mặt do tình hình kinh tế có dấu hiệu phục hồi, mặt khác Công ty đã chủ động đẩy mạnh công tác marketing, truyền thông... từ đó gia tăng doanh thu bán hàng ở tất cả các kênh, đặc biệt là kênh chuỗi, kênh bán hàng trên sàn thương mại điện tử... Cùng với việc chi phí hoạt động biến động không đáng kể đã góp phần làm cho kết quả hoạt động kinh doanh năm nay của Công ty đã có lợi nhuận.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Nước giải khát thảo dược Ladophar có trụ sở chính tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 247 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 213 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính (chỉ có tiền gửi ngân hàng) được xác định theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí bản quyền phần mềm, chi phí thuê mặt bằng và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí bản quyền phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của hợp đồng.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	42
Nhà	25

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	147.190.000	97.557.000
Tiền gửi ngân hàng	4.304.270.827	7.107.349.948
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	7.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	11.451.460.827	16.204.906.948

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	6.101.680.000	608.224.000	(5.440.256.000)	6.101.680.000	1.121.184.000	(4.980.496.000)
Công ty Cổ phần AAV Group	2.029.100.000	2.202.410.000	-			
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM	1.800.000	2.560.000	-			
Cộng	8.132.580.000	2.813.194.000	(5.440.256.000)	6.101.680.000	1.121.184.000	(4.980.496.000)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần AAV Group: tăng do mua thêm 301.700 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.029.100.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM: tăng do mua thêm 400 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.800.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.980.496.000	4.488.792.000
Trích lập dự phòng bổ sung	459.760.000	635.704.000
Giảm do bán chứng khoán		(144.000.000)
Số cuối năm	5.440.256.000	4.980.496.000

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng có kỳ hạn 06 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>1.192.550.003</i>	-
Công ty Cổ phần APG ECO	1.192.550.003	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>34.263.734.738</i>	<i>27.859.116.481</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	4.118.257.702	1.582.604.794
Bệnh viện Đa Khoa Lâm Đồng	3.200.199.437	4.343.104.489
Công ty TNHH In Di Co	2.635.337.320	2.728.388.095
Bệnh viện II Lâm Đồng	2.172.833.193	2.291.212.881
Các khách hàng khác	22.137.107.086	16.913.806.222
Cộng	35.456.284.741	27.859.116.481

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>1.110.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	1.110.000.000	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>50.716.302.557</i>	<i>50.273.152.766</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) (*)	50.050.000.000	50.050.000.000
Các nhà cung cấp khác	666.302.557	223.152.766
Cộng	51.826.302.557	50.273.152.766

(*) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) bao gồm:

- Khoản ứng tiền thuê đất thực hiện Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án Trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt số 0104/2022/HĐTV/LL-LDH ngày 04 tháng 4 năm 2022 với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này đã không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty với số tiền là 20.900.000.000 VND theo Bản án số 01/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.
- Tiền đặt cọc thuê đất Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 0504/2022/HĐTD/LL-LDP ngày 05 tháng 4 năm 2022 ký với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này cũng không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty với số tiền là 11.600.000.000 VND theo Bản án số 02/2025/KDTM-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.
- Khoản trả trước đợt 1 tiền thuê đất Cụm công nghiệp Hải Thắng 1 cho thuê quyền sử dụng đất số 010/2022/HĐTD/LL-LDP ngày 14 tháng 4 năm 2023 với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này cũng không thực hiện được và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Tập đoàn với số tiền còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 17.550.000.000 VND.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cho Ông Lê Minh Đức vay với lãi suất 12%/năm, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8.000.333.300 VND (số đầu năm là 8.000.333.300 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản phải thu về cho vay đã được lập dự phòng 50% do quá hạn 01 năm 09 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Lê Minh Đức – Lãi cho vay	1.097.778.518	(548.889.259)	1.097.778.518	(329.333.555)
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	-	753.041.573	-
Tạm ứng	38.400.000	-	-	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.013.602.020	-	895.800.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	210.213.889	-	21.586.317	-
Cộng	2.359.994.427	(548.889.259)	2.768.206.408	(329.333.555)

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH In Di Co	Từ 03 năm trở lên	2.635.337.320	-	Từ 03 năm trở lên	2.750.337.320	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế PDS	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-
Công ty Cổ phần VKC Holdings	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	584.101.610	175.230.483	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	584.101.610	292.050.805
Công ty Cổ phần Sametel	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	319.828.370	95.948.511	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	319.828.370	159.914.185
Ông Lê Minh Đức – Phải thu về cho vay	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.000.333.300	4.000.166.651	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	8.000.333.300	5.600.233.310
Ông Lê Minh Đức – Lãi cho vay	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.097.778.518	548.889.259	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.097.778.518	768.444.963
Các cá nhân, tổ chức khác	Từ 03 năm trở lên	96.927.739	-	Từ 03 năm trở lên	96.927.739	-
Cộng		13.359.509.291	4.820.234.904		13.474.509.291	6.820.643.263

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.653.866.028	2.655.963.860
Trích lập dự phòng bổ sung	1.885.408.359	4.005.947.603
Xóa nợ	-	(8.045.435)
Số cuối năm	8.539.274.387	6.653.866.028

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.264.221.513	-	641.043.796	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.124.858.515	-	8.082.271.034	-
Công cụ, dụng cụ	254.938.287	-	315.956.515	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.597.176.706	-	1.749.927.382	-
Thành phẩm	21.595.267.791	-	17.301.355.157	-
Hàng hóa	12.903.016.917	-	9.660.652.288	-
Hàng gửi đi bán	222.520.690	-	15.550	-
Cộng	48.962.000.419	-	37.751.221.722	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	163.997.455	11.927.272
Chi phí sửa chữa	127.153.201	81.679.568
Chi phí bản quyền phần mềm	1.143.000.000	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	641.678.065	127.216.183
Cộng	2.075.828.721	220.823.023

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	459.606.715	484.961.282
Tiền thuê đất	2.015.810.026	2.111.800.978
Chi phí thuê mặt bằng	2.050.107.418	1.988.105.098
Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội	108.556.180	238.823.548
Chi phí sửa chữa	424.661.552	561.357.396
Các chi phí trả trước dài hạn khác	308.147.438	466.282.223
Cộng	5.366.889.329	5.851.330.525

Tiền thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.015.810.026 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.22).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	62.903.489.128	50.996.592.533	10.455.800.210	717.757.182	125.073.639.053
Mua trong năm	38.888.889	-	-	40.900.000	79.788.889
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(338.715.502)	-	-	-	(338.715.502)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(494.444.318)	-	(494.444.318)
Số cuối năm	62.603.662.515	50.996.592.533	9.961.355.892	758.657.182	124.320.268.122
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.203.622.708	15.682.297.251	7.151.914.075	437.983.955	38.475.817.989
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	36.413.192.782	33.026.389.302	8.756.794.619	548.217.862	78.744.594.565
Khấu hao trong năm	2.730.393.347	3.551.612.747	370.777.485	51.237.944	6.704.021.523
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(338.715.502)	-	-	-	(338.715.502)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(494.444.318)	-	(494.444.318)
Số cuối năm	38.804.870.627	36.578.002.049	8.633.127.786	599.455.806	84.615.456.268
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.490.296.346	17.970.203.231	1.699.005.591	169.539.320	46.329.044.488
Số cuối năm	23.798.791.888	14.418.590.484	1.328.228.106	159.201.376	39.704.811.854
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	163.783.777	2.044.370.000	2.208.153.777
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(10.020.000)	-	(10.020.000)
Số cuối năm	153.763.777	2.044.370.000	2.198.133.777
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	153.763.777	1.824.919.437	1.978.683.214
Khấu hao trong năm	-	150.853.314	150.853.314
Số cuối năm	153.763.777	1.975.772.751	2.129.536.528
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.020.000	219.450.563	229.470.563
Số cuối năm	-	68.597.249	68.597.249
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư
Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.696.695.000	1.124.909.177	3.821.604.177
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	338.715.502	338.715.502
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	10.020.000	-	10.020.000
Số cuối năm	2.706.715.000	1.463.624.679	4.170.339.679
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	338.715.502	338.715.502
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	642.009.083	809.505.223	1.451.514.306
Khấu hao trong năm	64.207.020	44.996.364	109.203.384
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	338.715.502	338.715.502
Số cuối năm	706.216.103	1.193.217.089	1.899.433.192
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.054.685.917	315.403.954	2.370.089.871
Số cuối năm	2.000.498.897	270.407.590	2.270.906.487

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện. Dựa vào tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường, Ban Tổng Giám Đốc Công ty mẹ tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	2.706.715.000	706.216.103	2.000.498.897
Nhà	1.463.624.679	1.193.217.089	270.407.590
Cộng	4.170.339.679	1.899.433.192	2.270.906.487

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.990.478.897 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.22).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí triển khai phần mềm	-	822.681.000	-	822.681.000
Mua xe ô tô 7 chỗ	-	2.028.000.000	-	2.028.000.000
Tài sản cố định khác	-	79.788.889	(79.788.889)	-
Cộng	-	2.930.469.889	(79.788.889)	2.850.681.000

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	17.688.674.887	18.460.888.617
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	29.899.274.909	38.719.407.967
Cộng	47.587.949.796	57.180.296.584

Số liệu năm trước đã được trình bày lại theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 25 tháng 10 năm 2024 cho các năm 2022 và năm 2023.

(i) Chi tiết chi phí lãi vay được chuyển như sau:

Năm 2020	3.117.840.204
Năm 2022	7.544.242.437
Năm 2023	7.026.592.246
Cộng	17.688.674.887

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2022	23.218.163.600
Năm 2023	6.678.833.071
Năm 2024	2.278.238
Cộng	29.899.274.909

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.238.470.000	862.500.000
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	162.500.000	162.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	350.220.000	-
Công ty TNHH Lương thực Angimex	25.750.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	30.306.425.647	22.686.523.169
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang	5.568.006.897	1.970.953.585
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Bình Thuận	4.191.751.422	4.500.454.058
Các nhà cung cấp khác	20.546.667.328	16.215.115.526
Cộng	31.544.895.647	23.549.023.169

Trong đó, số dư khoản phải trả cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 299.667.000 VND (số đầu năm là 299.667.000 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	375.859.159	375.859.159
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	287.117.999	-
Công ty TNHH Rohto-Mentholatum Việt Nam	-	551.627.188
Các khách hàng khác	70.973.036	18.181.189
Cộng	733.950.194	945.667.536

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	405.035.493	-	6.444.856.291	(6.032.218.659)	817.673.125	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	447.578.217	-	-	-	447.578.217
Thuế thu nhập cá nhân	157.188.966	-	1.263.927.657	(1.248.426.009)	172.690.614	-
Tiền thuế đất	-	-	776.608.757	(776.608.757)	-	-
Thuế nhà đất	-	-	33.084.014	(33.084.014)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	193.602.888	(193.602.888)	-	-
Cộng	562.224.459	447.578.217	8.712.079.607	(8.283.940.327)	990.363.739	447.578.217

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Các hàng hóa có số đăng ký thuế 5%
- Các hàng hóa, dịch vụ khác ⁽ⁱ⁾ 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các công ty trong Tập đoàn không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho người lao động tại ngày kết thúc năm tài chính là 7.536.730.224 VND (số đầu năm là 3.577.839.287 VND).

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi trái phiếu	5.698.146.000	2.614.403.000
Chi phí lãi vay ngân hàng	5.496.036	40.021.643
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	630.194.612	583.742.612
Chi phí bán hàng	1.262.439.112	309.050.148
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	87.600.000	85.000.000
Cộng	7.683.875.760	3.632.217.403

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu cho thuê mặt bằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 134.181.820 VND (số đầu năm là 0 VND).

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	152.932.000	147.924.000
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.696.000.311	1.098.398.548
Cộng	1.938.596.095	1.335.986.332

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	546.500.000	496.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.223.230.000	1.223.230.000
Cộng	1.769.730.000	1.719.730.000

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang ⁽ⁱ⁾	27.206.209.724	35.148.471.567
Trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán ⁽ⁱⁱ⁾	27.820.000.000	30.220.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	591.644.986
Cộng	55.026.209.724	65.960.116.553

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang theo hợp đồng số 01/2024/590445/HĐTD để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất với tổng giá trị tài sản thế chấp là 66.587.361.400 VND theo biên bản định giá lại ngày 19 tháng 4 năm 2024 (xem thuyết minh số V.9b và V.12).

(ii) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-HĐQT/LDP-2022, Công ty mẹ công bố phát hành trái phiếu riêng lẻ, không có quyền chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 100.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được phép mua trái phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam để bổ sung vốn thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy nước giải khát và bổ sung vốn cho các hoạt động khác. Tổng giá trị phát hành tối đa là 300.000.000.000 VND.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 62/NQ-HĐQT/2022, Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã thông qua việc đóng gói trái phiếu LDPH2223001 phát hành ngày 18 tháng 4 năm 2022, thỏa thuận với trái chủ, tiến hành tất toán toàn bộ khoản nợ trái phiếu, chủ động sử dụng các nguồn vốn để chi trả theo cam kết với nhà đầu tư.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 Công ty mẹ đã phát hành Công văn số 360/CV-LDP/2022 về việc thông báo phương án thanh toán cho nhà đầu tư. Theo Công văn này, Công ty mẹ sẽ tiến hành thủ tục mua lại trái phiếu trước hạn trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát hành thông báo hủy phát hành trái phiếu LDPH2223001. Công ty mẹ cam kết thanh toán thực hiện các nghĩa vụ gốc, lãi đối với trái chủ đến thời điểm mua lại trái phiếu.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT/2023, Công ty mẹ công bố phương án thanh toán lãi trái phiếu LDPH2223001 từ thời điểm hủy kết quả phát hành đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2023, Công ty mẹ dự kiến sẽ thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán, Công ty mẹ sẽ thanh toán định kỳ phần gốc thành từng giai đoạn. Trong năm, Công ty mẹ chỉ thỏa thuận được và thanh toán cho hai nhà đầu tư với số tiền là 2.400.000.000 VND.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.148.471.567	113.848.575.520	(121.790.837.363)	27.206.209.724
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	4.992.950.476	(4.992.950.476)	-
Trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán	30.220.000.000	-	(2.400.000.000)	27.820.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	591.644.986	-	(591.644.986)	-
Cộng	65.960.116.553	118.841.525.996	(129.775.432.825)	55.026.209.724

Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán trừ khoản trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán. (Tập đoàn đang thực hiện việc thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán).

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.124.244.311	1.906.622.695
Chi quỹ trong năm	(610.155.008)	(782.378.384)
Số cuối năm	514.089.303	1.124.244.311

24. Vốn chủ sở hữu**24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	127.031.670.000	(320.000)	24.348.384.362	(38.909.321.055)	112.470.413.307
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(20.104.870.073)	(20.104.870.073)
Số dư cuối năm trước	127.031.670.000	(320.000)	24.348.384.362	(59.014.191.128)	92.365.543.234
Số dư đầu năm nay	127.031.670.000	(320.000)	24.348.384.362	(59.014.191.128)	92.365.543.234
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	6.918.953.001	6.918.953.001
Số dư cuối năm nay	127.031.670.000	(320.000)	24.348.384.362	(52.095.238.127)	99.284.496.235

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Louis Holding	64.807.250.000	64.807.250.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	23.977.000.000	23.977.000.000
Các cổ đông khác	38.247.100.000	38.247.100.000
Cộng	127.031.350.000	127.031.350.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.703.167	12.703.167
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.703.167	12.703.167
- Cổ phiếu phổ thông	12.703.167	12.703.167
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	32	32
- Cổ phiếu phổ thông	32	32
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.703.135	12.703.135
- Cổ phiếu phổ thông	12.703.135	12.703.135
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24d. Thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau:

- Đối tượng chào bán: Các cá nhân và/hoặc tổ chức là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa: 8.250.000 cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 82.500.000.000 VND.
- Giá chào bán dự kiến: HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán nhưng không thấp hơn 11.000 VND/cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2024.

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

- Đối tượng chào bán: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý chủ chốt và cán bộ nhân viên khác trong Công ty.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa: 635.000 cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 6.350.000.000 VND.
- Giá chào bán dự kiến: HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán nhưng không thấp hơn 10.000 VND/cổ phiếu.
- Điều kiện chuyển nhượng: cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2024.

Tuy nhiên, do chưa hoàn tất hồ sơ theo quy định nên dự kiến sẽ tiếp tục làm hồ sơ phát hành cổ phiếu trong năm 2025.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (Hợp đồng thuê đất của Nhà nước) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.553.217.514	1.509.202.892
Trên 01 năm đến 05 năm	6.212.870.056	7.546.014.460
Trên 05 năm	13.937.807.414	13.996.302.243
Cộng	21.703.894.984	23.051.519.595

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 66,32 USD (số đầu năm là 119,12 USD).

25c. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có các khoản nợ phải thu với Nhà thuốc Hoàng Kim Tuyền tại ngày kết thúc năm tài chính là 16.090.871 VND (số đầu năm là 16.090.871 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	85.653.267.392	85.482.197.815
Doanh thu bán thành phẩm	130.368.103.870	98.329.213.218
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.409.545.451	2.497.065.696
Cộng	218.430.916.713	186.308.476.729

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Phạm Trung Kiên	2.770.789	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	15.250.286
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	25.956.895
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	-	6.807.713
Công ty TNHH Lương thực Angimex	11.218.418	-
Công ty Cổ phần APG ECO	4.976.967.122	-

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại trong năm này là 473.159.410 VND (năm trước là 307.760.265 VND).

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.856.051.399	80.639.610.729
Giá vốn của thành phẩm đã bán	72.602.102.572	68.086.204.962
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	109.203.383	109.203.383
Cộng	153.567.357.354	148.835.019.074

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	281.548.302	538.641.616
Lãi cho vay	-	236.722.191
Chiết khấu/thưởng được hưởng	49.522.327	67.663.763
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	3.104.587
Doanh thu tài chính khác	207.950	-
Cộng	331.278.579	846.132.157

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.894.870.417	3.306.657.190
Chi phí lãi trái phiếu	3.083.743.000	3.719.935.056
Chiết khấu thanh toán	634.334.887	-
Chi phí liên quan đến hoạt động chứng khoán	1.427.789.640	637.730.102
Cộng	7.040.737.944	7.664.322.348

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.225.172.160	14.259.872.130
Chi phí vật liệu, bao bì	519.497.275	274.853.572
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	94.574.090	130.712.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	355.378.600	1.000.917.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.402.799.886	7.497.889.067
Các chi phí khác	5.330.735.479	6.778.802.901
Cộng	30.928.157.490	29.943.047.377

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.723.380.440	9.507.753.315
Chi phí vật liệu quản lý	58.944.572	27.623.662
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.522.947	22.929.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	550.105.938	616.122.464
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.885.408.359	4.005.947.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.990.692.624	2.091.109.377
Các chi phí khác	3.951.051.290	3.297.839.434
Cộng	20.182.106.170	19.569.325.820

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi do thanh lý công cụ, dụng cụ	-	22.340.905
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	63.636.364	-
Tiền thu từ hỗ trợ	280.232.421	-
Tiền bồi thường, tiền chiết khấu hàng bán	9.481.156	48.405.000
Thu nhập khác	229.903.527	180.286.134
Cộng	583.253.468	251.032.039

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	916.349.832
Chi phí phạt thuế, hành chính	229.846.188	67.812.757
Chi phí khác	5.131.203	206.873.525
Cộng	234.977.391	1.191.036.114

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.918.953.001	(20.104.870.073)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.918.953.001	(20.104.870.073)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.703.167	12.703.167
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	545	(1.583)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.303.606.914	58.163.322.323
Chi phí nhân công	46.373.827.621	38.789.629.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.964.078.221	8.237.159.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.641.141.482	15.799.667.164
Chi phí khác	12.588.132.054	14.826.172.939
Cộng	160.870.786.292	135.815.951.958

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	622.452.745	212.000.000
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên HĐQT	120.000.000	93.548.387
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên HĐQT	154.000.000	3.871.000
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên HĐQT	87.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên HĐQT	106.500.000	-
Các Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm		66.000.000	406.580.613
Bà Đào Thị Nga	Trưởng ban Kiểm soát	120.000.000	3.871.000
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	1.935.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	1.935.000
Các thành viên Ban kiểm soát đã miễn nhiệm		-	204.194.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	1.750.777.889	-
Ông Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	821.184.000	824.184.000
Ban Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm		-	2.570.494.431
Cộng		3.967.914.634	4.322.613.431

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	Cổ đông sở hữu 18,87% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần APG ECO	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex		
Mua hàng	-	59.400.000
Công ty TNHH Lương thực Angimex		
Mua hàng	564.844.810	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF		
Mua hàng	318.381.817	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG		
Ứng trước phí dịch vụ phát hành cổ phiếu	1.110.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế.
- Lĩnh vực kinh doanh sản xuất: sản xuất thuốc, dược liệu.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ cho thuê tài sản, hợp tác kinh doanh.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Tập đoàn số tiền 20.900.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận đã ban hành Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Tập đoàn số tiền 11.600.000.000 VND.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/ Người lập



Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	85.637.336.871	129.910.874.981	2.409.545.451	217.957.757.303
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.637.336.871	129.910.874.981	2.409.545.451	217.957.757.303
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.781.285.472	57.308.772.409	2.300.342.068	64.390.399.949
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(51.110.263.660)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.280.136.289
Doanh thu hoạt động tài chính				331.278.579
Chi phí tài chính				(7.040.737.944)
Thu nhập khác				583.253.468
Chi phí khác				(234.977.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				6.918.953.001
 Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	2.930.469.889
 Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	8.379.359.579

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	85.426.522.425	98.077.128.343	2.497.065.696	186.000.716.464
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.426.522.425	98.077.128.343	2.497.065.696	186.000.716.464
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.786.911.697	29.990.923.382	2.387.862.312	37.165.697.390
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(49.512.373.197)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(12.346.675.807)
Doanh thu hoạt động tài chính				846.132.157
Chi phí tài chính				(7.664.322.348)
Thu nhập khác				251.032.039
Chi phí khác				(1.191.036.114)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(20.104.870.073)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	59.054.050
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	13.121.637.150

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	14 - 40
8. Phụ lục	41 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000047, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 22 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã LDP theo Quyết định số 604/TB-SGDCKHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 026 33 817 937

Công ty có các đơn vị trực thuộc: 3 chi nhánh ngoài tỉnh và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	B8 Khu nhà Thương mại Số 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ⁽ⁱ⁾	77 Phố Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Chi nhánh Miền Tây - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ⁽ⁱⁱ⁾	6-7 B4 Trịnh Văn Ấn, Phường Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng	

(i) Chi nhánh Miền Bắc – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy xác nhận ngày 16 tháng 01 năm 2024 và hoạt động trở lại theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội.

(ii) Chi nhánh Miền Tây – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 14 tháng 3 năm 2024 đến ngày 04 tháng 9 năm 2024 theo Giấy xác nhận số 2511/GXN-ĐKKD ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ và hoạt động trở lại theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Hồ Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Ông Võ Quý Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đào Thị Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0511/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty có khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ (sau đây gọi tắt là “Công ty Bảo Thụ”) với số tiền là 32.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Đây là khoản tiền mà Công ty đã thực hiện đầu tư theo Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt và Hợp đồng cho thuê Quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 ký kết giữa Công ty và Công ty Bảo Thụ. Tuy nhiên, đã sau hơn 02 năm kể từ khi Công ty chuyển tiền đầu tư, cả hai dự án đều không thực hiện được và Công ty Bảo Thụ vẫn chưa thanh toán lại khoản tiền trên cho Công ty. Ngày 18 tháng 02 năm 2025 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST và Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Bảo Thụ có trách nhiệm trả lại cho Công ty tổng số tiền là 32.500.000.000 VND. Tuy nhiên với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của khoản công nợ này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hoàng Thái Vượng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Phan Vũ Công Bá

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138.992.796.875	122.250.342.652
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.261.424.880	16.012.592.763
1. Tiền	111		4.261.424.880	7.012.592.763
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	9.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.692.324.000	3.121.184.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	8.132.580.000	6.101.680.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(5.440.256.000)	(4.980.496.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.553.640.638	64.696.942.927
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.456.284.741	27.859.116.481
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	34.276.302.557	32.723.152.766
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	8.000.333.300	8.000.333.300
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2.359.994.427	2.768.206.408
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(8.539.274.387)	(6.653.866.028)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		48.962.000.419	37.751.221.722
1. Hàng tồn kho	141	V.8	48.962.000.419	37.751.221.722
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.523.406.938	668.401.240
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.075.828.721	220.823.023
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	447.578.217	447.578.217
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.164.321.866	72.522.249.632
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		162.400.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	162.400.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.773.409.103	46.558.515.051
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	39.704.811.854	46.329.044.488
- Nguyên giá	222		124.320.268.122	125.073.639.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.615.456.268)	(78.744.594.565)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	68.597.249	229.470.563
- Nguyên giá	228		2.198.133.777	2.208.153.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.129.536.528)	(1.978.683.214)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	2.270.906.487	2.370.089.871
- Nguyên giá	231		4.170.339.679	3.821.604.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.899.433.192)	(1.451.514.306)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.850.681.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	2.850.681.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.740.035.947	17.742.314.185
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	18.000.000.000	18.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(259.964.053)	(257.685.815)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.366.889.329	5.851.330.525
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	5.366.889.329	5.851.330.525
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207.157.118.741	194.772.592.284

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18 Ngõ Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		107.872.622.506	102.407.049.050
I. Nợ ngắn hạn	310		106.102.892.506	100.687.319.050
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	31.544.895.647	23.549.023.169
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	733.950.194	945.667.536
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	990.363.739	562.224.459
4. Phải trả người lao động	314	V.18	7.536.730.224	3.577.839.287
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	7.683.875.760	3.632.217.403
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	134.181.820	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	1.938.596.095	1.335.986.332
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	55.026.209.724	65.960.116.553
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	514.089.303	1.124.244.311
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.769.730.000	1.719.730.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	1.769.730.000	1.719.730.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.284.496.235	92.365.543.234
I. Vốn chủ sở hữu	410		99.284.496.235	92.365.543.234
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	127.031.670.000	127.031.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		127.031.670.000	127.031.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(320.000)	(320.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	24.348.384.362	24.348.384.362
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	(52.095.238.127)	(59.014.191.128)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(59.014.191.128)	(59.014.191.128)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.918.953.001	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207.157.118.741	194.772.592.284



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập



Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	218.430.916.713	186.308.476.729
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	473.159.410	307.760.265
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		217.957.757.303	186.000.716.464
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	153.567.357.354	148.835.019.074
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.390.399.949	37.165.697.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	330.896.817	874.646.076
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.043.016.182	7.698.197.904
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.978.613.417	7.026.592.246
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	30.928.157.490	29.943.047.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	20.179.446.170	19.552.900.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.570.676.924	(19.153.802.635)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	583.253.468	251.032.039
12. Chi phí khác	32	VI.9	234.977.391	1.191.036.114
13. Lợi nhuận khác	40		348.276.077	(940.004.075)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.918.953.001	(20.093.806.710)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.918.953.001	(20.093.806.710)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Lê Tiên Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.918.953.001	(20.093.806.710)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	6.964.078.221	8.237.159.694
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, V.2c, V.7	2.347.446.597	4.677.219.628
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(344.802.904)	112.461.083
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	4.978.613.417	7.026.592.246
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	690.200.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.864.288.332	649.825.941
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.904.506.070)	(2.578.400.690)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.210.778.697)	18.201.146.248
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.960.417.900	(9.415.232.283)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.370.564.502)	5.349.522.779
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(2.030.900.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(1.929.396.024)	(5.413.382.105)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(610.155.008)	(782.378.384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.768.405.931	6.011.101.506
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13	(2.930.469.889)	(59.054.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	63.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	149.332.563
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	281.166.540	567.166.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.585.666.985)	(1.342.554.929)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	118.841.525.996	117.631.774.534
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(129.775.432.825)	(122.561.006.247)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.933.906.829)	(4.929.231.713)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.751.167.883)	(260.685.136)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.012.592.763	16.273.277.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.261.424.880	16.012.592.763

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng trưởng mạnh so với năm trước, chủ yếu tăng trưởng ở doanh thu nhóm hàng sản xuất. Một mặt do tình hình kinh tế có dấu hiệu phục hồi, mặt khác Công ty đã chủ động đẩy mạnh công tác marketing, truyền thông... từ đó gia tăng doanh thu bán hàng ở tất cả các kênh, đặc biệt là kênh chuỗi, kênh bán hàng trên sàn thương mại điện tử... Cùng với việc chi phí hoạt động biến động không đáng kể đã góp phần làm cho kết quả hoạt động kinh doanh năm nay của Công ty đã có lợi nhuận.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar có trụ sở chính tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Tại ngày kết thúc năm tài chính tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty này là 100%, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tương đương tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	B8 Khu nhà Thương mại Số 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ⁽ⁱ⁾	77 Phố Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Chi nhánh Miền Tây - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ⁽ⁱⁱ⁾	6-7 B4 Trịnh Văn Ân, Phường Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng	

- (i) Chi nhánh Miền Bắc – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy xác nhận ngày 16 tháng 01 năm 2024 và hoạt động trở lại theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Chi nhánh Miền Tây – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 14 tháng 3 năm 2024 đến ngày 04 tháng 9 năm 2024 theo Giấy xác nhận số 2511/GXN-ĐKKD ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ và hoạt động trở lại theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng cho năm trước so sánh được với số liệu cho năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 247 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 213 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính (chỉ có tiền gửi ngân hàng) là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Cổ tức của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí bản quyền phần mềm, chi phí thuê mặt bằng và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí bản quyền phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của hợp đồng.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	04 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	42
Nhà	25

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo thời hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng năm, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	147.190.000	97.557.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.114.234.880	6.915.035.763
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	7.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	11.261.424.880	16.012.592.763

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào Công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	6.101.680.000	608.224.000	(5.440.256.000)	6.101.680.000	1.121.184.000	(4.980.496.000)
Công ty Cổ phần AAV Group	2.029.100.000	2.202.410.000	-			
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM	1.800.000	2.560.000	-			
Cộng	8.132.580.000	2.813.194.000	(5.440.256.000)	6.101.680.000	1.121.184.000	(4.980.496.000)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần AAV Group: tăng do mua thêm 301.700 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.029.100.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM: tăng do mua thêm 400 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.800.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.980.496.000	4.344.792.000
Trích lập dự phòng bổ sung	459.760.000	635.704.000
Số cuối năm	5.440.256.000	4.980.496.000

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng có kỳ hạn 6 tháng.

2c. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801479136 ngày 19 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar 1.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã đầu tư 18.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 47/NQ-HĐQT/2022 ngày 12 tháng 4 năm 2022. Cho tới thời điểm hiện tại, Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar chưa đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Trong năm công ty con không có hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	257.685.815	372.785.227
Trích lập dự phòng bổ sung	2.278.238	35.568.025
Kết chuyển tổn thất đầu tư	-	(150.667.437)
Số cuối năm	259.964.053	257.685.815

Giao dịch với các công ty con

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	1.192.550.003	-
Công ty Cổ phần APG ECO	1.192.550.003	-
Phải thu các khách hàng khác	34.263.734.738	27.859.116.481
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	4.118.257.702	1.582.604.794
Bệnh viện Đa Khoa Lâm Đồng	3.200.199.437	4.343.104.489
Công ty TNHH In Di Co	2.635.337.320	2.728.388.095
Bệnh viện II Lâm Đồng	2.172.833.193	2.291.212.881
Các khách hàng khác	22.137.107.086	16.913.806.222
Cộng	35.456.284.741	27.859.116.481

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	1.110.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	1.110.000.000	-
Trả trước cho các người bán khác	33.166.302.557	32.723.152.766
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) (*)	32.500.000.000	32.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	666.302.557	223.152.766
Cộng	34.276.302.557	32.723.152.766

(*) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) bao gồm:

- Khoản ứng tiền thuê đất thực hiện Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án Trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt số 0104/2022/HĐTV/LL-LDH ngày 04 tháng 4 năm 2022 với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu). Tuy nhiên, dự án này đã không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty với số tiền là 20.900.000.000 VND theo Bản án số 01/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.
- Tiền đặt cọc thuê đất Cụm công nghiệp Thăng Hải 1 theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 0504/2022/HĐTD/LL-LDP ngày 05 tháng 4 năm 2022 ký với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu). Tuy nhiên, dự án này cũng không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty với số tiền là 11.600.000.000 VND theo Bản án số 02/2025/KDTM-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cho Ông Lê Minh Đức vay với lãi suất 12%/năm, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8.000.333.300 VND (số đầu năm là 8.000.333.300 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản phải thu về cho vay đã được lập dự phòng 50% do quá hạn 01 năm 09 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Lê Minh Đức – Lãi cho vay	1.097.778.518	(548.889.259)	1.097.778.518	(329.333.555)
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	-	753.041.573	-
Tạm ứng	38.400.000	-	-	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.013.602.020	-	895.800.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	210.213.889	-	21.586.317	-
Cộng	2.359.994.427	(548.889.259)	2.768.206.408	(329.333.555)

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH In Di Co	Từ 03 năm trở lên	2.635.337.320	-	Từ 03 năm trở lên	2.750.337.320	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế PDS	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-
Công ty Cổ phần VKC Holdings	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	584.101.610	175.230.483	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	584.101.610	292.050.805
Công ty Cổ phần Sametel	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	319.828.370	95.948.511	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	319.828.370	159.914.185
Ông Lê Minh Đức – Phải thu về cho vay	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.000.333.300	4.000.166.651	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	8.000.333.300	5.600.233.310
Ông Lê Minh Đức – Lãi cho vay	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.097.778.518	548.889.259	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.097.778.518	768.444.963
Các cá nhân, tổ chức khác	Từ 03 năm trở lên	96.927.739	-	Từ 03 năm trở lên	96.927.739	-
Cộng		13.359.509.291	4.820.234.904		13.474.509.291	6.820.643.263

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.653.866.028	2.655.963.860
Trích lập dự phòng bổ sung	1.885.408.359	4.005.947.603
Xóa nợ	-	(8.045.435)
Số cuối năm	8.539.274.387	6.653.866.028

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.264.221.513	-	641.043.796	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.124.858.515	-	8.082.271.034	-
Công cụ, dụng cụ	254.938.287	-	315.956.515	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.597.176.706	-	1.749.927.382	-
Thành phẩm	21.595.267.791	-	17.301.355.157	-
Hàng hóa	12.903.016.917	-	9.660.652.288	-
Hàng gửi đi bán	222.520.690	-	15.550	-
Cộng	48.962.000.419	-	37.751.221.722	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	163.997.455	11.927.272
Chi phí sửa chữa	127.153.201	81.679.568
Chi phí bản quyền phần mềm	1.143.000.000	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	641.678.065	127.216.183
Cộng	2.075.828.721	220.823.023

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	459.606.715	484.961.282
Tiền thuê đất	2.015.810.026	2.111.800.978
Chi phí thuê mặt bằng	2.050.107.418	1.988.105.098
Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội	108.556.180	238.823.548
Chi phí sửa chữa	424.661.552	561.357.396
Các chi phí trả trước dài hạn khác	308.147.438	466.282.223
Cộng	5.366.889.329	5.851.330.525

Tiền thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.015.810.026 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.22).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	62.903.489.128	50.996.592.533	10.455.800.210	717.757.182	125.073.639.053
Mua trong năm	38.888.889	-	-	40.900.000	79.788.889
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(338.715.502)	-	-	-	(338.715.502)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(494.444.318)	-	(494.444.318)
Số cuối năm	62.603.662.515	50.996.592.533	9.961.355.892	758.657.182	124.320.268.122
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.203.622.708	15.682.297.251	7.151.914.075	437.983.955	38.475.817.989
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	36.413.192.782	33.026.389.302	8.756.794.619	548.217.862	78.744.594.565
Khấu hao trong năm	2.730.393.347	3.551.612.747	370.777.485	51.237.944	6.704.021.523
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(338.715.502)	-	-	-	(338.715.502)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(494.444.318)	-	(494.444.318)
Số cuối năm	38.804.870.627	36.578.002.049	8.633.127.786	599.455.806	84.615.456.268
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.490.296.346	17.970.203.231	1.699.005.591	169.539.320	46.329.044.488
Số cuối năm	23.798.791.888	14.418.590.484	1.328.228.106	159.201.376	39.704.811.854
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	163.783.777	2.044.370.000	2.208.153.777
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(10.020.000)	-	(10.020.000)
Số cuối năm	153.763.777	2.044.370.000	2.198.133.777
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	153.763.777	1.824.919.437	1.978.683.214
Khấu hao trong năm	-	150.853.314	150.853.314
Số cuối năm	153.763.777	1.975.772.751	2.129.536.528
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.020.000	219.450.563	229.470.563
Số cuối năm	-	68.597.249	68.597.249
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.696.695.000	1.124.909.177	3.821.604.177
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	338.715.502	338.715.502
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	10.020.000	-	10.020.000
Số cuối năm	2.706.715.000	1.463.624.679	4.170.339.679
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	338.715.502	338.715.502
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	642.009.083	809.505.223	1.451.514.306
Khấu hao trong năm	64.207.020	44.996.364	109.203.384
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	338.715.502	338.715.502
Số cuối năm	706.216.103	1.193.217.089	1.899.433.192
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.054.685.917	315.403.954	2.370.089.871
Số cuối năm	2.000.498.897	270.407.590	2.270.906.487

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện. Dựa vào tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	2.706.715.000	706.216.103	2.000.498.897
Nhà	1.463.624.679	1.193.217.089	270.407.590
Cộng	4.170.339.679	1.899.433.192	2.270.906.487

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.990.478.897 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.22).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí triển khai phần mềm	-	822.681.000	-	822.681.000
Mua xe ô tô 7 chỗ	-	2.028.000.000	-	2.028.000.000
Tài sản cố định khác	-	79.788.889	(79.788.889)	-
Cộng	-	2.930.469.889	(79.788.889)	2.850.681.000

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	17.688.674.887	18.460.888.617
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	29.639.310.856	38.461.722.152
Cộng	47.327.985.743	56.922.610.769

Số liệu đã được trình bày lại theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 25 tháng 10 năm 2024 cho các năm 2022 và năm 2023.

(i) Chi tiết chi phí lãi vay được chuyển như sau:

Năm 2020	3.117.840.204
Năm 2022	7.544.242.437
Năm 2023	7.026.592.246
Cộng	17.688.674.887

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2022	22.962.753.820
Năm 2023	6.676.557.036
Cộng	29.639.310.856

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.238.470.000</i>	<i>862.500.000</i>
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	162.500.000	162.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	350.220.000	-
Công ty TNHH Lương thực Angimex	25.750.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>30.306.425.647</i>	<i>22.686.523.169</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang	5.568.006.897	1.970.953.585
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Bình Thuận	4.191.751.422	4.500.454.058
Các nhà cung cấp khác	20.546.667.328	16.215.115.526
Cộng	31.544.895.647	23.549.023.169

Trong đó, số dư khoản phải trả cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 299.667.000 VND (số đầu năm là 299.667.000 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	375.859.159	375.859.159
Công ty TNHH Rohto-Mentholatum Việt Nam	-	551.627.188
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	287.117.999	-
Các khách hàng khác	70.973.036	18.181.189
Cộng	733.950.194	945.667.536

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	405.035.493	-	6.444.856.291	(6.032.218.659)	817.673.125	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	447.578.217	-	-	-	447.578.217
Thuế thu nhập cá nhân	157.188.966	-	1.263.927.657	(1.248.426.009)	172.690.614	-
Tiền thuê đất	-	-	776.608.757	(776.608.757)	-	-
Thuế nhà đất	-	-	33.084.014	(33.084.014)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	191.602.888	(191.602.888)	-	-
Cộng	562.224.459	447.578.217	8.710.079.607	(8.281.940.327)	990.363.739	447.578.217

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Các hàng hóa có số đăng ký thuế 05%
- Các hàng hóa, dịch vụ khác ⁽ⁱ⁾ 10%

⁽ⁱ⁾ Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.918.953.001	(20.093.806.710)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ	(772.213.730)	7.026.592.246
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	2.776.754.607	6.533.237.606
- Các khoản điều chỉnh giảm	(101.082.582)	(142.580.178)
Thu nhập chịu thuế	8.822.411.296	(6.676.557.036)
Lỗi các năm trước được chuyển	(8.822.411.296)	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Số liệu năm trước đã được trình bày lại theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 25 tháng 10 năm 2024 cho các năm 2022 và năm 2023.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho người lao động tại ngày kết thúc năm tài chính là 7.536.730.224 VND (số đầu năm là 3.577.839.287 VND).

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi trái phiếu	5.698.146.000	2.614.403.000
Chi phí lãi vay ngân hàng	5.496.036	40.021.643
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	630.194.612	583.742.612
Chi phí bán hàng	1.262.439.112	309.050.148
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	87.600.000	85.000.000
Cộng	7.683.875.760	3.632.217.403

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu cho thuê mặt bằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 134.181.820 VND (số đầu năm là 0 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	152.932.000	147.924.000
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.696.000.311	1.098.398.548
Cộng	1.938.596.095	1.335.986.332

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	546.500.000	496.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.223.230.000	1.223.230.000
Cộng	1.769.730.000	1.719.730.000

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang ⁽ⁱ⁾	27.206.209.724	35.148.471.567
Trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán ⁽ⁱⁱ⁾	27.820.000.000	30.220.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	591.644.986
Cộng	55.026.209.724	65.960.116.553

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang theo hợp đồng số 01/2024/590445/HĐTD để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất với tổng giá trị tài sản thế chấp là 66.587.361.400 VND theo biên bản định giá lại ngày 19 tháng 4 năm 2024 (xem thuyết minh số V.9b và V.12).

(ii) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-HĐQT/LDP-2022, Công ty công bố phát hành trái phiếu riêng lẻ, không có quyền chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 100.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được phép mua trái phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam để bổ sung vốn thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy nước giải khát và bổ sung vốn cho các hoạt động khác. Tổng giá trị phát hành tối đa là 300.000.000.000 VND.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 62/NQ-HĐQT/2022, Hội đồng quản trị đã thông qua việc đóng gói trái phiếu LDPH2223001 phát hành ngày 18 tháng 4 năm 2022, thỏa thuận với trái chủ, tiến hành tất toán toàn bộ khoản nợ trái phiếu, chủ động sử dụng các nguồn vốn để chi trả theo cam kết với nhà đầu tư.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 Công ty đã phát hành Công văn số 360/CV-LDP/2022 về việc thông báo phương án thanh toán cho nhà đầu tư. Theo Công văn này, Công ty sẽ tiến hành thủ tục mua lại trái phiếu trước hạn trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát hành thông báo hủy phát hành trái phiếu LDPH2223001. Công ty cam kết thanh toán thực hiện các nghĩa vụ gốc, lãi đối với trái chủ đến thời điểm mua lại trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT/2023, Công ty công bố phương án thanh toán lãi trái phiếu LDPH2223001 từ thời điểm hủy kết quả phát hành đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2023, Công ty dự kiến sẽ thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán, Công ty sẽ thanh toán định kỳ phần gốc thành từng giai đoạn. Trong năm, Công ty chỉ thỏa thuận được và thanh toán cho hai nhà đầu tư với số tiền là 2.400.000.000 VND.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.148.471.567	113.848.575.520	(121.790.837.363)	27.206.209.724
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	4.992.950.476	(4.992.950.476)	-
Trái phiếu thường đến hạn thanh toán	30.220.000.000	-	(2.400.000.000)	27.820.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	591.644.986	-	(591.644.986)	-
Cộng	65.960.116.553	118.841.525.996	(129.775.432.825)	55.026.209.724

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán trừ khoản trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán. (Công ty đang thực hiện việc thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán).

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.124.244.311	1.906.622.695
Chi quỹ trong năm	(610.155.008)	(782.378.384)
Số cuối năm	514.089.303	1.124.244.311

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	127.031.670.000	(320.000)	24.348.384.362	(38.920.384.418)	112.459.349.944
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(20.093.806.710)	(20.093.806.710)
Số dư cuối năm trước	127.031.670.000	(320.000)	24.348.384.362	(59.014.191.128)	92.365.543.234
Số dư đầu năm nay	127.031.670.000	(320.000)	24.348.384.362	(59.014.191.128)	92.365.543.234
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	6.918.953.001	6.918.953.001
Số dư cuối năm nay	127.031.670.000	(320.000)	24.348.384.362	(52.095.238.127)	99.284.496.235

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Louis Holding	64.807.250.000	64.807.250.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	23.977.000.000	23.977.000.000
Các cổ đông khác	38.247.100.000	38.247.100.000
Cộng	127.031.350.000	127.031.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.703.167	12.703.167
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.703.167	12.703.167
- Cổ phiếu phổ thông	12.703.167	12.703.167
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	32	32
- Cổ phiếu phổ thông	32	32
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.703.135	12.703.135
- Cổ phiếu phổ thông	12.703.135	12.703.135
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau:

- Đối tượng chào bán: Các cá nhân và/hoặc tổ chức là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa: 8.250.000 cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 82.500.000.000 VND.
- Giá chào bán dự kiến: HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán nhưng không thấp hơn 11.000 VND/cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2024.

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

- Đối tượng chào bán: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý chủ chốt và cán bộ nhân viên khác trong Công ty.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa: 635.000 cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 6.350.000.000 VND.
- Giá chào bán dự kiến: HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán nhưng không thấp hơn 10.000 VND/cổ phiếu.
- Điều kiện chuyển nhượng: cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2024.

Tuy nhiên, do chưa hoàn tất hồ sơ theo quy định nên dự kiến sẽ tiếp tục làm hồ sơ phát hành cổ phiếu trong năm 2025.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (Hợp đồng thuê đất của Nhà nước) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.553.217.514	1.509.202.892
Trên 01 năm đến 05 năm	6.212.870.056	7.546.014.460
Trên 05 năm	13.937.807.414	13.996.302.243
Cộng	21.703.894.984	23.051.519.595

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 66,32 USD (số đầu năm là 119,12 USD).

25c. Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty có các khoản nợ phải thu với Nhà thuốc Hoàng Kim Tuyền tại ngày kết thúc năm tài chính là 16.090.871 VND (số đầu năm là 16.090.871 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	85.653.267.392	85.482.197.815
Doanh thu bán thành phẩm	130.368.103.870	98.329.213.218
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.409.545.451	2.497.065.696
Cộng	218.430.916.713	186.308.476.729

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Phạm Trung Kiên	2.770.789	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	15.250.286
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	25.956.895
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	-	6.807.713
Công ty TNHH Lương thực Angimex	11.218.418	-
Công ty Cổ phần APG ECO	4.976.967.122	-

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại trong năm nay là 473.159.410 VND (năm trước là 307.760.265 VND).

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.856.051.399	80.639.610.729
Giá vốn của thành phẩm đã bán	72.602.102.572	68.086.204.962
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	109.203.383	109.203.383
Cộng	153.567.357.354	148.835.019.074

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	281.166.540	537.980.125
Chiết khấu/thưởng được hưởng	49.522.327	67.663.763
Lãi cho vay	-	236.722.191
Lợi nhuận từ công ty con	-	29.186.433
Doanh thu hoạt động tài chính khác	207.950	3.093.564
Cộng	330.896.817	874.646.076

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.894.870.417	3.306.657.190
Chiết khấu thanh toán	634.334.887	-
Chi phí liên quan đến hoạt động chứng khoán	1.427.789.640	636.037.633
Chi phí lãi trái phiếu	3.083.743.000	3.719.935.056
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.278.238	35.568.025
Cộng	7.043.016.182	7.698.197.904

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.225.172.160	14.259.872.130
Chi phí vật liệu, bao bì	519.497.275	274.853.572
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	94.574.090	130.712.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	355.378.600	1.000.917.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.402.799.886	7.497.889.067
Các chi phí khác	5.330.735.479	6.778.802.901
Cộng	30.928.157.490	29.943.047.377

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.723.380.440	9.507.753.315
Chi phí vật liệu quản lý	58.944.572	27.623.662
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.522.947	22.929.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	550.105.938	616.122.464
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.885.408.359	4.005.947.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.990.032.624	2.080.684.377
Các chi phí khác	3.949.051.290	3.291.839.434
Cộng	20.179.446.170	19.552.900.820

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi do thanh lý công cụ, dụng cụ	-	22.340.905
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	63.636.364	-
Tiền thu từ hỗ trợ	280.232.421	-
Tiền bồi thường, tiền chiết khấu hàng bán	9.481.156	48.405.000
Thu nhập khác	229.903.527	180.286.134
Cộng	583.253.468	251.032.039

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	916.349.832
Chi phí phạt thuế, hành chính	229.846.188	67.812.757
Chi phí khác	5.131.203	206.873.525
Cộng	234.977.391	1.191.036.114

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.303.606.914	58.163.322.323
Chi phí nhân công	46.373.827.621	38.789.629.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.964.078.221	8.237.159.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.640.481.482	15.796.062.164
Chi phí khác	12.586.132.054	14.824.172.939
Cộng	160.868.126.292	135.810.346.958

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các giao dịch về bán hàng cho thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	622.452.745	212.000.000
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên HĐQT	120.000.000	93.548.387
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên HĐQT	154.000.000	3.871.000
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên HĐQT	87.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên HĐQT	106.500.000	-
Các Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm		66.000.000	406.580.613
Bà Đào Thị Nga	Trưởng ban Kiểm soát	120.000.000	3.871.000
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	1.935.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	1.935.000
Các thành viên Ban kiểm soát đã miễn nhiệm		-	204.194.000
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	1.750.777.889	-
Ông Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	821.184.000	824.184.000
Ban Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm		-	2.570.494.431
Cộng		3.967.914.634	4.322.613.431

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	Cổ đông sở hữu 18,87% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần APG ECO	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex		
Mua hàng	-	59.400.000
Công ty TNHH Lương thực Angimex		
Mua hàng	564.844.810	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF		
Mua hàng	318.381.817	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG		
Ứng trước phí dịch vụ phát hành cổ phiếu	1.110.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế.
- Lĩnh vực kinh doanh sản xuất: sản xuất thuốc, dược liệu.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ cho thuê tài sản, hợp tác kinh doanh.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Công ty số tiền 20.900.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận đã ban hành Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Công ty số tiền 11.600.000.000 VND.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng / Người lập



Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	85.637.336.871	129.910.874.981	2.409.545.451	217.957.757.303
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.637.336.871	129.910.874.981	2.409.545.451	217.957.757.303
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.781.285.472	57.308.772.409	2.300.342.068	64.390.399.949
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(51.107.603.660)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.282.796.289
Doanh thu hoạt động tài chính				330.896.817
Chi phí tài chính				(7.043.016.182)
Thu nhập khác				583.253.468
Chi phí khác				(234.977.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				6.918.953.001
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	2.930.469.889
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	8.379.359.579



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	85.426.522.425	98.077.128.343	2.497.065.696	186.000.716.464
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.426.522.425	98.077.128.343	2.497.065.696	186.000.716.464
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.786.911.697	29.990.923.382	2.387.862.312	37.165.697.390
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(49.495.948.197)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(12.330.250.807)
Doanh thu hoạt động tài chính				874.646.076
Chi phí tài chính				(7.698.197.904)
Thu nhập khác				251.032.039
Chi phí khác				(1.191.036.114)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(20.093.806.710)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	59.054.050
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	13.121.637.150



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng / Người lập



Lâm Đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Lê Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



LADOPHAR

TINH HOA DƯỢC LIỆU

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

(Sửa đổi lần thứ XVIII)

TP. Đà Lạt, ngày 24 tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Thay đổi các quyền	15
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp.....	32
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	32
Điều 35. Thư ký Công ty	33
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	34
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	34
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	34
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	35
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 36	
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	39
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 39	
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	39
Điều 47. Năm tài chính.....	40

Điều 48. Chế độ kế toán	40
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	40
Điều 50. Báo cáo thường niên	40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 51. Kiểm toán.....	40
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	41
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	41
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	41
Điều 53. Giải thể công ty	41
Điều 54. Thanh lý.....	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 56. Điều lệ công ty.....	42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	43
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	43

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

2. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- m) *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- n) *Đại biểu*: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

4. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **LAM DONG PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **LADOPHAR**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 18 Ngô Quyền, Phường 6, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: (0263) 3824167 – 3833251 - 3817937
- Fax: (0263) 3822369
- E-mail: ladopharcorp@gmail.com
- Website: <http://www.ladopharcorp.com>
- Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với:

- a) Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất động sản, các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/ có vốn góp của Công ty);

- b) Quản lý và điều hành trực tiếp một số hoạt động của công ty theo sự phân công của HĐQT;
 - c) Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;
 - d) Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Thẩm quyền của Tổng Giám đốc:
- a) Chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b) Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với:
 - Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ ủy quyền của của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị quyết định Người đại diện theo pháp luật của Công ty mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng, tài khoản chứng khoán. Thực hiện phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đến tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán của Công ty trong phạm vi đại diện.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.
7. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.

(Chi tiết các ngành, nghề kinh doanh của Công ty được nêu trong Phụ lục đính kèm Điều lệ này).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: huy động và sử dụng vốn có hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo chức năng và ngành nghề được cấp phép. Đồng thời nâng cao hiệu quả và tối ưu các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty lớn mạnh. Trở thành nhà sản xuất và phân phối dược phẩm lớn nhất Việt Nam.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. *Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.*

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **127.031.670.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ, ba mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn Việt Nam đồng).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **12.703.167 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Công ty không có cổ đông sáng lập
7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán;
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy Ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng *phương tiện khác* theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này'
 - b) Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay

thể thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

- c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- d) Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- e) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán và thành viên Ủy ban kiểm toán;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, tỷ lệ cụ thể như sau:
 - a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa 1 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;
 - b) Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông, từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

a) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay

đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ Tọa/Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa,

- Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f) Sửa đổi và bổ sung điều lệ.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. Trường hợp bầu thành viên HĐQT, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương

thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào và bất cứ vấn đề gì khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật

của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Tổng hợp số phiếu bầu cử ứng viên (nếu có)
 - i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này.

Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản bằng

tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - a) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03)

ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;
 - a) r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng

lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành

viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành theo phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, thư điện tử, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy Ban Kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ủy Ban Kiểm toán có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;

- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty gồm các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
6. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

7. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
8. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
9. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
10. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.
11. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
12. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị từ (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
 - c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì

lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên

quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;
2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) nhất trí thông qua ngày tháng 04 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Dự thảo)

LÊ TIẾN THỊNH

PHỤ LỤC: CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
4649 (Chính)	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <i>Chi tiết: mua bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, thiết bị y tế.</i>
2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. <i>Chi tiết: sản xuất thuốc tân dược, đông dược.</i>
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng.</i>
1101	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. <i>Chi tiết: sản xuất rượu, nước uống có cồn.</i>
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết: sản xuất nước uống có gas và không có gas.</i>
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - <i>Xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, vật tư thiết bị y tế.</i> - <i>Kinh doanh sinh phẩm, vaccine, hóa chất (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học).</i> - <i>Bán buôn các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì).</i>
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. <i>Chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng.</i>
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
4632	Bán buôn thực phẩm.
4633	Bán buôn đồ uống.

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
	<i>Chi tiết: kinh doanh rượu, đồ uống có cồn và không có cồn.</i>
4791	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm.
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ bao bì, các loại hạt nhựa PP, PE, hạt tạo màu, hạt phụ gia nhựa, hạt UV; bán lẻ các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì.
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - <i>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.</i> - <i>Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</i>
4932	Các hình thức vận tải đường bộ khác. <i>Chi tiết:</i> - <i>Vận tải hành khách bằng xe khách trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh.</i> - <i>Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, bao gồm hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.</i>
4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng



LADOPHAR
TINH HOA DƯỢC LIỆU

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCD/2025 ngày 24/04/2025)

TP. Đà Lạt, ngày 24 tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	13
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	15
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	15
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	16
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	17
Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán.....	17
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	18
Điều 23. Hiệu lực thi hành	18

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.
- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.
- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế này.

5. Thành viên hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ

Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị CTCP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) ;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của

Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị CTCP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ủy ban kiểm toán để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 04 năm 2025.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM TRUNG KIÊN

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng



LADOPHAR
TINH HOA DƯỢC LIỆU

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD/2025 ngày 24/04/2025)

TP. Đà Lạt, ngày 24 tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	5
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	6
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	13
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	14
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	14
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	15
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	15
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	16
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	18
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	18
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	18
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	18
III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	20

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	20
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	20
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử -----	20
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	21
Điều 28. Điều kiện tiến hành -----	21
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến -----	21
Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	22
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến -----	22
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến -----	23
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	23
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	23
Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	23
IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN -----	23
Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông -----	23
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	23
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông -----	23
Điều 39. Điều kiện tiến hành -----	23
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông -----	23
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu -----	23
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu -----	23
Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	23
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	23
Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	23
CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	24
Mục 1. Quy định chung -----	24
Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT -----	24
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT -----	24
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	25
Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT -----	25
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT -----	25
Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị -----	26
Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	26
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị -----	26
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị -----	27
Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị -----	27
Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị -----	27

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----	28
Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----	28
Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị-----	29
Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm -----	29
Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường -----	29
Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị -----	29
Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	29
Điều 61. Cách thức biểu quyết-----	30
Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị-----	31
Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị -----	31
Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	31
Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị -----	32
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị -----	32
Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị -----	32
Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	32
Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	32
Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty -----	32
Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	33
Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	33
Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	33
Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty-----	33
CHƯƠNG 4 - ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----	34
Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán -----	34
Điều 74. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán -----	34
Điều 75. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán -----	34
CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC-----	36
Điều 76. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc -----	36
Điều 77. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc -----	36
Điều 78. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc -----	36
Điều 80. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	
37	
Điều 81. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc-----	37
CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC -----	38
Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc-----	38
Điều 82. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc -----	38

Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc -----	38
Điều 84. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	38
Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao -----	39
Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc -----	39
Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ủy ban kiểm toán-----	39
Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên -----	40
Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác -----	42
Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Giám đốc và người điều hành khác-----	42
Điều 90. Khen thưởng -----	42
Điều 91. Kỷ luật -----	42
CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY-----	44
Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty -----	44
CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC-----	44
Điều 93. Ngày hiệu lực -----	44

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.
2. Công ty: là Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)
3. HĐQT: là Hội đồng quản trị
4. Ứng cử: là tự đề cử
5. UBKT: là Ủy ban kiểm toán
6. VSDC: là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 13, Điều 14 Điều lệ công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 13 Điều lệ công ty)

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

c. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 2 Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch

vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa gồm 02 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 1 Thành viên.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 3 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 2 thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra **cổ đông/đại biểu**:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 17 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội

đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 15 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 5 Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty;
- b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 - Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và

biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết .
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 14 Điều lệ công ty)

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều lệ Công ty.
8. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
9. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị,
10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
11. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
12. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
13. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
14. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

15. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
16. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
17. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
18. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
19. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
20. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
21. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết..

➤ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ

- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

- a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Quy định khác theo quy chế bầu cử.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.
- b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.
- c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

(Căn cứ quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 132 & Điều 151 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định

tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- j. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị,;
- k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 21, 23 Điều lệ công ty)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ

chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Phương án bầu cử (nếu có);
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh

khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ sẽ được quy định chi tiết tại quy chế làm việc/quy chế bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty)

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập;
Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Khoản 1,2,3 Điều 24 Điều lệ công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định;
2. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 Điều lệ công ty)

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định

thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 61. Cách thức biểu quyết

(Căn cứ Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 29 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.
Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 29 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 29 Điều lệ công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

(Căn cứ, Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 2 Điều 31 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 1 Điều 31 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ Khoản 3 Điều 31 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG 4 - ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

(Căn cứ Điều 161 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 38 Điều lệ Công ty)

Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán: theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty

Điều 74. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán

Nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Theo đó, nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban kiểm toán là không quá năm (05) năm.

2. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn của Ủy ban kiểm toán

a. Ủy ban kiểm toán có tối thiểu là 02 (hai) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể của Ủy Ban Kiểm Toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Trong đó:

- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị bổ nhiệm; và
- Các thành viên của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

b. Tiêu chuẩn của Ủy ban kiểm toán

Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

- a. Sau khi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ mới, tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ mới, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ tiến hành bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ dựa vào hồ sơ các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị để đề cử danh sách các thành viên của Ủy ban kiểm toán.
- b. Các thành viên hội đồng quản trị khác có thể tự ứng cử làm thành viên Ủy ban Kiểm toán nếu xét thấy đáp ứng đủ tiêu chuẩn.
- c. Toàn bộ Hội đồng quản trị sẽ biểu quyết bầu Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên còn lại của Ủy ban Kiểm toán dựa vào danh sách ứng viên được lập như cách thức nêu trên.

Điều 75. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Ủy Ban kiểm toán chịu trách nhiệm trong các hoạt động liên quan tới:

- Báo cáo tài chính;
- Hoạt động kiểm toán nội bộ;
- Dịch vụ do kiểm toán độc lập cung cấp;
- Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro;
- Tuân thủ.

1. Báo cáo tài chính

- a. Xem xét Báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm trước khi Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của Báo cáo tài chính với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành;
 - b. Xem xét những vấn đề trọng yếu về kế toán và Báo cáo tài chính; ảnh hưởng của các quy định pháp luật, nghề nghiệp đối với Báo cáo tài chính Công ty;
 - c. Thảo luận và xem xét kết quả kiểm toán báo cáo tài chính cùng với Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Kiểm toán độc lập;
 - d. Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập; có ý kiến với Ban điều hành đối với những phát hiện, khuyến nghị trọng yếu và kế hoạch thực hiện liên quan;
2. Hoạt động kiểm toán nội bộ
- Ủy Ban Kiểm toán giám sát các vấn đề liên quan đến chức năng kiểm toán nội bộ, bao gồm:
- a. Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
 - b. Phương pháp kiểm toán;
 - c. Chất lượng, hiệu quả kiểm toán;
 - d. Xem xét các báo cáo kiểm toán nội bộ, trong đó chú trọng đến các khuyến nghị và kế hoạch thực hiện liên quan;
3. Dịch vụ do kiểm toán độc lập cung cấp
- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - b. Xem xét tính chất và phạm vi kiểm toán và phương pháp tiếp cận do Kiểm toán độc lập đề xuất, bao gồm cả sự phối hợp với Kiểm toán nội bộ (nếu có);
 - c. Ủy Ban Kiểm toán và Kiểm toán độc lập tiến hành thảo luận các vấn đề mà Ủy Ban hoặc Kiểm toán độc lập thấy cần thiết (Thư quản lý, khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán, ...).
4. Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro
- a. Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro;
 - b. Xem xét báo cáo kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, lưu ý các phát hiện, khuyến nghị của kiểm toán và phản hồi từ Ban điều hành;
5. Tuân thủ
- a. Theo dõi tính hiệu quả các hoạt động, biện pháp phòng chống gian lận, các vi phạm nội quy, Điều lệ Công ty, đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật;
 - b. Thảo luận với Tổng Giám đốc và/hoặc thành viên Ban điều hành về các biện pháp phòng chống gian lận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 76. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 77. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 78. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 77 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 79. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 34 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 26 và Điều 34 Điều lệ công ty.

Điều 80. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 81. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 33 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc

Điều 82. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 84. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty không được thực thi;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 76 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ủy ban kiểm toán

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 43, Điều 44 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Các nội dung theo Điều 84 quy chế này;
 - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
 - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban kiểm toán về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ủy ban kiểm toán
 - a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Thành viên Ủy ban kiểm toán cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Thành viên UBKT hoặc UBKT.
 - c. Cách thức thông báo cho UBKT thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán và HĐQT:

UBKT có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của UBKT, UBKT có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của UBKT phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, UBKT cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Chủ tịch UBKT có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- d. Trường hợp UBKT phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Thành viên Ủy ban kiểm toán có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì UBKT phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban kiểm toán thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc :

UBKT có chức năng kiểm tra và giám sát:

- a. Trong các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán, Ủy ban kiểm toán có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Thành viên Ủy ban kiểm toán quan tâm;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ủy ban kiểm toán phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ủy ban kiểm toán cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Thành viên Ủy ban kiểm toán có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ủy ban kiểm toán phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ủy ban kiểm toán không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ủy ban kiểm toán phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban kiểm toán thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
- a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

- e. Các nội dung khác cần xin ý kiến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Thành viên Ủy ban kiểm toán được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 90. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 95 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 91. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 93. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 93 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHẠM TRUNG KIÊN